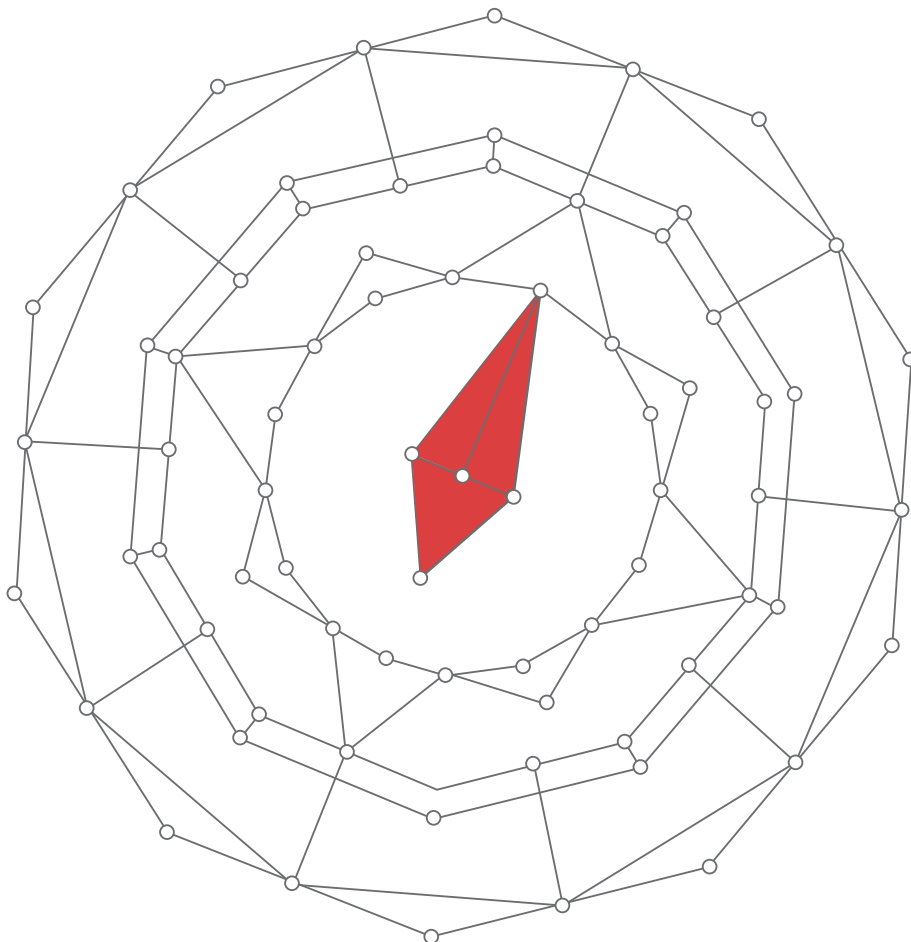




British Embassy
Hanoi



Phòng Thương mại
và Công nghiệp Việt Nam



Rà soát pháp luật Việt Nam với các cam kết
của Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU
về Mua sắm công

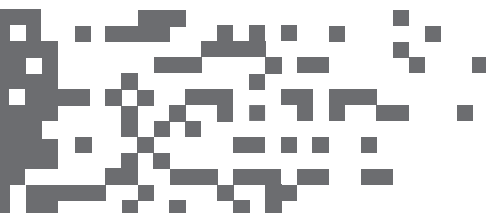


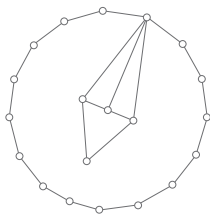
Nhà xuất bản
Công thương

PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
TRUNG TÂM WTO VÀ HỘI NHẬP

TS. Nguyễn Thị Thu Trang (chủ biên)

Rà soát pháp luật Việt Nam với các cam kết
của Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU
về Mua sắm công





Lời nói đầu

Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam – Liên minh châu Âu (EVFTA) đã chính thức được hai Bên tuyên bố hoàn tất đàm phán đầu tháng 12/2015. Đây là một trong hai Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới lớn nhất của Việt Nam. Với phạm vi cam kết rộng, bao trùm nhiều lĩnh vực thương mại hoặc có liên quan đến thương mại, ở cả các vấn đề tại biên giới và sau đường biên giới, EVFTA được dự báo sẽ ảnh hưởng lớn tới thể chế pháp luật và kinh tế của Việt Nam trong thời gian tới.

Một trong những lĩnh vực của EVFTA được cho là sẽ có tác động trực tiếp và lớn tới hệ thống pháp luật Việt Nam là Mua sắm công, lĩnh vực thể chế mà cho đến nay Việt Nam chưa bị ràng buộc bởi bất kỳ một cam kết quốc tế có hiệu lực nào.

RÀ SOÁT PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỚI CÁC CAM KẾT EVFTA VỀ MUA SẮM CÔNG này được Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) thực hiện với các phân tích về mức độ tương thích giữa pháp luật Việt Nam với các cam kết từ góc độ của doanh nghiệp (chủ thể tham gia đấu thầu), qua đó đề xuất giải pháp đảm bảo tuân thủ Hiệp định theo cách có lợi nhất cho các doanh nghiệp.

Đây là Rà soát nằm trong chuỗi Rà soát pháp luật Việt Nam với các cam kết EVFTA trong 05 lĩnh vực quan trọng (bao gồm Hải quan và tạo thuận lợi thương mại, Đầu tư, Mua sắm công, Sở hữu trí tuệ, Minh bạch) do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) thực hiện trong khuôn khổ Chương trình “Hệ thống pháp luật Việt Nam sẵn sàng để thực thi cam kết EVFTA” với sự hỗ trợ của Đại sứ quán Anh và Bắc Ai len tại Việt Nam.

Hy vọng rằng Báo cáo Rà soát này sẽ là nguồn thông tin bổ trợ hữu ích cho quá trình rà soát pháp luật thực thi EVFTA của Chính phủ và là nguồn tham khảo có ý nghĩa để giúp các cơ quan có thẩm quyền của Quốc hội có thêm thông tin trong quá trình phê duyệt EVFTA cũng như chỉ đạo, triển khai, kiểm soát quá trình thực thi EVFTA.

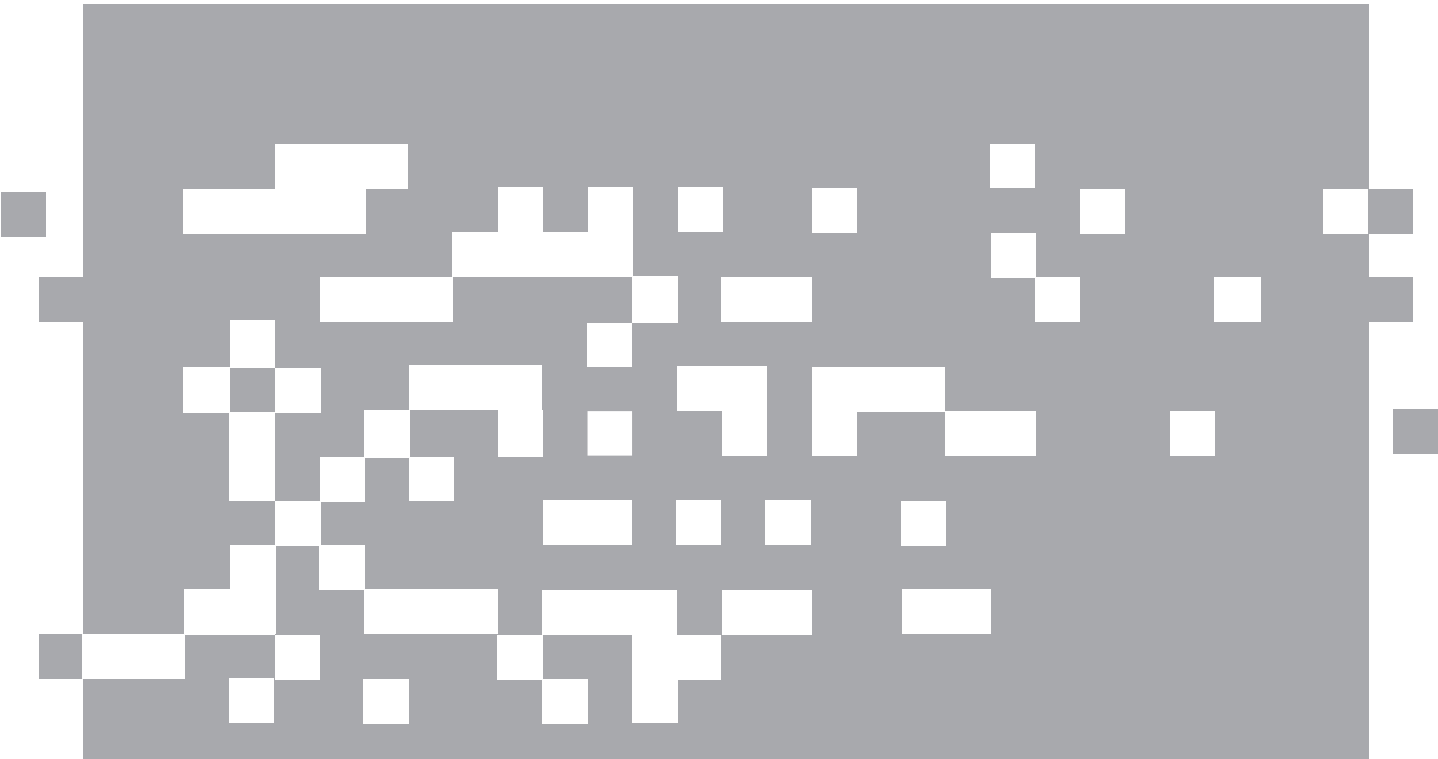
Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam trân trọng cảm ơn Đại sứ quán Anh và Bắc Ai len đã hỗ trợ VCCI trong việc thực hiện Chương trình rất có ý nghĩa này.

Mục lục

Lời nói đầu	5
Phần thứ nhất: Tổng hợp Kết quả Rà soát	9
I. Mục tiêu và bối cảnh Rà soát	10
II. Giới hạn phạm vi rà soát	12
1. Về các cam kết về Mua sắm công trong EVFTA	12
2. Về pháp luật đấu thầu của Việt Nam	14
3. Về tiêu chí rà soát và đưa ra đề xuất	15
III. Tổng hợp kết quả Rà soát và các Kiến nghị	16
1. Nhóm các cam kết EVFTA về Mua sắm công mà pháp luật Việt Nam đã tương thích	16
2. Nhóm các cam kết EVFTA về Mua sắm công mà pháp luật Việt Nam chưa tương thích một phần hoặc toàn bộ	20
Phần thứ hai: Bảng tổng hợp kết quả rà soát	31
Phần thứ ba: Bảng rà soát chi tiết	43

Danh mục từ viết tắt

EVFTA:	Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – Liên minh châu Âu
EU:	Liên minh châu Âu
FTA:	Hiệp định Thương mại tự do
GPA:	Hiệp định về Mua sắm công của WTO
PLVN:	Pháp luật Việt Nam
TPP:	Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương
VBQPPL:	Văn bản quy phạm pháp luật
WTO:	Tổ chức Thương mại Thế giới



Phần thứ nhất

Tổng hợp Kết quả Rà soát

I. Mục tiêu và bối cảnh Rà soát	10
II. Giới hạn phạm vi rà soát	12
III. Tổng hợp kết quả Rà soát và các Kiến nghị	16

I. Mục tiêu và bối cảnh Rà soát

Ngày 2/12/2015, Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam – Liên minh châu Âu (EVFTA) đã chính thức hoàn tất đàm phán. Văn kiện của Hiệp định công bố ngày 1/2/2016 với 24 Chương cho thấy đây là Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới có phạm vi cam kết rất rộng, bao trùm không chỉ các lĩnh vực thương mại truyền thống (như hàng hóa, dịch vụ...) mà còn cả các lĩnh vực thương mại lần đầu tiên Việt Nam có cam kết (như doanh nghiệp Nhà nước, mua sắm công...), thậm chí cả các vấn đề không phải là thương mại nhưng có gắn trực tiếp với hoạt động thương mại (như môi trường, phát triển bền vững...). Mức độ cam kết và tự do hóa được đưa ra trong Hiệp định cũng cao hơn rất nhiều so với các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã ký trước đây, gần tương đương với mức của Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP).

Với phạm vi và mức độ cam kết như vậy, EVFTA được dự báo sẽ ảnh hưởng lớn tới thể chế pháp luật và kinh tế của Việt Nam trong thời gian tới. Những cam kết trong EVFTA đặt Việt Nam trước yêu cầu phải thay đổi các quy định pháp luật nội địa của mình nhằm đảm bảo tuân thủ và thực thi nghiêm túc các nghĩa vụ cụ thể trong nhiều lĩnh vực. Đồng thời, việc sửa đổi hệ thống pháp luật trong nước theo các yêu cầu của EVFTA cũng được kỳ vọng sẽ tạo nên một làn sóng cải cách thể chế mới cho Việt Nam, qua đó giúp nâng cao chất lượng của hệ thống chính sách pháp luật, hoàn thiện môi trường kinh doanh, tạo nền tảng cơ bản cho sự phát triển bền vững và mang lại lợi ích cho các nhà đầu tư trong nước cũng như các đối tác kinh doanh nước ngoài, đặc biệt là từ Liên minh châu Âu (EU).

Một trong những lĩnh vực của EVFTA được cho là sẽ có tác động trực tiếp và lớn tới hệ thống pháp luật Việt Nam là chế định về Mua sắm công – chế định điều chỉnh quy trình mua sắm hàng hóa, dịch vụ của các cơ quan, tổ chức Nhà nước. Trong EVFTA, chế định về mua sắm công được tập trung trong Chương Mua sắm công (Government Procurement). Trong pháp luật Việt Nam, các vấn đề về mua sắm công này thuộc phạm vi của hệ thống pháp luật về đấu thầu. Cho đến cuối năm 2015, Việt Nam chưa từng đưa ra cam kết quốc tế (có hiệu lực) nào về mua sắm công (Việt Nam hiện mới chỉ là

quan sát viên của Hiệp định về Mua sắm công của WTO và có cam kết về mua sắm công trong khuôn khổ Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương TPP hiện đã ký nhưng chưa phê chuẩn, chưa có hiệu lực áp dụng). Vì vậy có thể hiểu là pháp luật nội địa Việt Nam về đấu thầu cho đến nay được xây dựng hoàn toàn dựa trên quyết định riêng của Việt Nam, không bị ràng buộc hay giới hạn bởi bất kỳ cam kết quốc tế nào về vấn đề này.

Do đó, việc rà soát pháp luật đấu thầu Việt Nam với những cam kết mới trong EVFTA về mua sắm công là rất cần thiết, đặc biệt trong giai đoạn chuẩn bị để sẵn sàng tuân thủ EVFTA khi Hiệp định này chính thức có hiệu lực.

Theo quy trình đàm phán và phê chuẩn các điều ước quốc tế của Việt Nam, công việc rà soát này chắc chắn sẽ được thực hiện bởi cơ quan Nhà nước liên quan (bao gồm ít nhất là Bộ Tư pháp và Bộ Kế hoạch và Đầu tư) nhằm phục vụ cho việc phê chuẩn của Quốc hội với Hiệp định này cũng như đảm bảo thực thi nghĩa vụ của Việt Nam trong EVFTA.

Mặc dù vậy, việc rà soát chủ động từ góc độ của doanh nghiệp là rất cần thiết để nhìn nhận từ khía cạnh lợi ích của doanh nghiệp trong thực thi các nghĩa vụ của EVFTA, qua đó bổ sung cho các kết quả rà soát mà cơ quan Nhà nước tiến hành, đồng thời đưa ra đề xuất điều chỉnh pháp luật theo hướng có lợi nhất cho doanh nghiệp.

Nghiên cứu Rà soát này được thực hiện nhằm (i) xây dựng các so sánh chi tiết giữa pháp luật đấu thầu của Việt Nam với từng nghĩa vụ, cam kết cụ thể trong Chương Mua sắm công của EVFTA, (ii) phân tích đánh giá hiện trạng pháp luật so với yêu cầu của EVFTA và nhu cầu tự thân của Việt Nam, và (iii) xây dựng các đề xuất về biện pháp thực thi EVFTA từ góc độ quan điểm và lợi ích của doanh nghiệp.

II. Giới hạn phạm vi rà soát

1. Về các cam kết mua sắm công trong EVFTA

Cam kết về mua sắm công trong EVFTA được quy định tập trung tại Chương 9 về Mua sắm công; cùng với 03 Phụ lục, trong đó 02 Phụ lục liên quan tới Việt Nam (bao gồm Phụ lục 9a về các biện pháp chuyển tiếp thực thi Chương mua sắm công, Phụ lục 9b về Bản chào mở cửa thị trường mua sắm công của EU và Phụ lục 9c về Bản chào mở cửa thị trường mua sắm công của Việt Nam).

Trong các Chương khác của EVFTA không có cam kết cụ thể về mua sắm công trừ một số quy định mang tính loại trừ, ưu tiên áp dụng cam kết tại Chương mua sắm công so với cam kết có thể có liên quan trong các Chương khác đó.

Do vậy, Rà soát này được thực hiện với từng cam kết chi tiết trong:

- Chương 9 về Mua sắm công của EVFTA
- Phụ lục 9a về các biện pháp chuyển tiếp thực thi Chương mua sắm công: Phụ lục này chứa các bảo lưu riêng của Việt Nam về thời hạn và cách thức thực hiện một số cam kết trong Chương Mua sắm công;
- Phụ lục 9c về Bản chào mở cửa thị trường mua sắm công của Việt Nam: Phụ lục này bao gồm danh mục các cơ quan mua sắm, loại hàng hóa/dịch vụ mua sắm và ngưỡng giá trị gói thầu mua sắm mà Việt Nam cam kết sẽ mở cửa cho các nhà thầu EU tham gia.

Về mặt nội dung, các cam kết trong Chương 9 - Mua sắm công có thể xếp vào các nhóm sau đây:

Nhóm 1: Các cam kết về đấu thầu nói chung

- Cam kết liên quan tới vấn đề minh bạch trong thủ tục đấu thầu (các yêu cầu về công khai thông tin, thông báo ở từng bước của thủ tục đấu thầu, thời hạn...)
- Cam kết không phân biệt đối xử và đối xử quốc gia
- Cam kết sử dụng hình thức đấu thầu rộng rãi đối với tất cả các gói thầu thuộc diện điều chỉnh trừ các trường hợp đáp ứng điều kiện để áp dụng hình thức đấu thầu hạn chế hoặc chỉ định thầu;
- Cam kết về các biện pháp giải quyết khiếu nại, tranh chấp trong quá trình đấu thầu;
- Cam kết liên quan tới việc sử dụng phương tiện điện tử trong đấu thầu (hệ thống đăng ký nhà thầu, công khai thông tin trên phương tiện điện tử, thủ tục đấu thầu điện tử...)

Nhóm 2: Các cam kết liên quan tới hình thức đấu thầu rộng rãi

- Cam kết về công khai thông tin về việc đấu thầu (bao gồm cả Thông báo mời thầu và Hồ sơ mời thầu) trên mạng/trên báo và miễn phí;
- Cam kết về Hồ sơ mời thầu
- Cam kết về công bố kế hoạch mời thầu hàng năm;
- Cam kết về các thời hạn trong đấu thầu

Nhóm 3: Các cam kết liên quan tới hình thức đấu thầu hạn chế

- Cam kết liên quan tới việc đăng tải thông tin (nội dung thông tin, thời gian đăng tin...)
- Cam kết về quyền của nhà thầu liên quan tới danh sách ngắn

Nhóm 4: Các cam kết liên quan tới hình thức chỉ định thầu

- Cam kết liên quan tới các trường hợp được phép áp dụng chỉ định thầu
- Cam kết liên quan tới nghĩa vụ của cơ quan mua sắm trong trường hợp sử dụng hình thức chỉ định thầu (lưu trữ thông tin gói thầu, nêu rõ lý do...)

2. Về pháp luật đấu thầu Việt Nam

Vào thời điểm thực hiện Nghiên cứu Rà soát này, hệ thống pháp luật Việt Nam về đấu thầu vừa trải qua một đợt sửa đổi lớn, với Luật Đấu thầu ban hành năm 2013 và có hiệu lực từ 1/7/2014. Từ 01 Nghị định hướng dẫn Luật Đấu thầu được ban hành và có hiệu lực nửa cuối năm 2014, phần lớn các văn bản hướng dẫn Luật này (bao gồm 02 Nghị định và 08 Thông tư) chỉ vừa mới ban hành trong năm 2015. Hiện vẫn còn một số Thông tư đang dự thảo (Thông tư quy định chi tiết về đào tạo, bồi dưỡng đấu thầu và Thông tư quy định chi tiết lập hồ sơ mời thầu EPC...). Bên cạnh hệ thống các văn bản về đấu thầu áp dụng chung cho hoạt động đấu thầu của tất cả các chủ thể liên quan, riêng trong lĩnh vực y tế, Việt Nam còn có thêm các văn bản quy định riêng về danh mục thuốc phải đấu thầu và quy trình đấu thầu trong lĩnh vực y tế.

Về phạm vi các văn bản được phân tích, trên thực tế, trong nhiều vấn đề/chế định pháp luật, hệ thống pháp luật Việt Nam có nhiều văn bản, ở các tầng nấc khác nhau cùng quy định về vấn đề liên quan (ví dụ liên quan tới minh bạch trong đấu thầu, trong pháp luật đấu thầu có thể cả Luật, Nghị định và Thông tư đều quy định về cùng vấn đề này; ngoài các quy định trực tiếp của pháp luật đấu thầu còn có các quy định gián tiếp trong Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, Nghị định về kiểm soát thủ tục hành chính, Nghị định về Công báo...;). Nghiên cứu Rà soát này chỉ tập trung vào các văn bản có chứa các quy định trực tiếp và có hiệu lực bao trùm/cao nhất về vấn đề được phân tích, không liệt kê các quy định có liên quan một cách gián tiếp hoặc nhắc lại các quy định có giá trị pháp lý cao hơn.

3. Về tiêu chí rà soát và đưa ra đề xuất

EVFTA bao gồm một loạt các cam kết thuộc các dạng khác nhau từ “bắt buộc” tới “nỗ lực”, từ “có thể” đến “hướng tới”...Về thời điểm thực hiện, có những nghĩa vụ Việt Nam phải thực hiện ngay vào thời điểm EVFTA có hiệu lực, cũng có những nghĩa vụ chỉ phải thực hiện theo lộ trình nhất định (tính theo năm, kể từ khi EVFTA có hiệu lực). Nghiên cứu Rà soát này lấy chuẩn là các cam kết cụ thể trong EVFTA với tính chất và nội dung riêng (bao gồm cả các bảo lưu) của từng nghĩa vụ liên quan này.

Liên quan tới các đề xuất, mặt nguyên tắc, các cam kết trong EVFTA chỉ bao gồm nghĩa vụ của Việt Nam đối với đối tác EU mà không bao gồm nghĩa vụ của Việt Nam với tất cả các đối tác khác. Trong khi đó pháp luật Việt Nam lại là hệ thống áp dụng chung cho tất cả đối tác. Do đó, ngay cả khi pháp luật Việt Nam chưa tương thích, đề xuất sửa đổi về nguyên tắc chỉ liên quan tới sửa đổi quy định pháp luật cho các trường hợp thuộc phạm vi điều chỉnh của EVFTA mà không áp dụng cho các trường hợp khác. Mặc dù vậy, trong không ít các trường hợp, việc thực thi nghĩa vụ theo cam kết EVFTA nếu được áp dụng chung sẽ mang lại lợi ích cho các doanh nghiệp nói chung, mà chủ yếu là các doanh nghiệp Việt Nam. Do đó, trong khi việc rà soát được thực hiện với các quy định pháp luật chung của Việt Nam, các đề xuất cụ thể có thể là các đề xuất sửa đổi pháp luật để áp dụng riêng cho các đối tác EU, cũng có thể là các đề xuất điều chỉnh pháp luật đầu thầu áp dụng chung cho tất cả các chủ thể liên quan.

III. Tổng hợp kết quả Rà soát và các Kiến nghị

Nghiên cứu rà soát chi tiết pháp luật Việt Nam với các nghĩa vụ cụ thể được Việt Nam cam kết trong EVFTA về mua sắm cho kết quả như sau:

1. Về nhóm các cam kết EVFTA về mua sắm công mà pháp luật Việt Nam đã tương thích

:: Kết quả Rà soát

Kết quả rà soát chi tiết cho thấy pháp luật đấu thầu Việt Nam đã tương thích với phần lớn các cam kết trong EVFTA về mua sắm công.

Trên bề mặt, kết quả này được cho là khá bất ngờ. Bởi cho đến cuối 2015, Việt Nam chưa bị ràng buộc bởi bất kỳ cam kết nào liên quan tới mua sắm công hiệu theo nghĩa như trong EVFTA. Việt Nam là quan sát viên của Hiệp định về Mua sắm công của WTO (GPA) từ tháng 12/2012 và chưa bị buộc phải tuân thủ bất kỳ nghĩa vụ nào trong Hiệp định này. Vì vậy về nguyên tắc pháp luật đấu thầu Việt Nam không phải tuân thủ bất kỳ chuẩn mực hay nguyên tắc quốc tế nào về mua sắm công.

Mặc dù vậy, nếu xem xét kỹ hơn về nguồn gốc của các cam kết trong EVFTA về mua sắm công cũng như diễn tiến pháp luật Việt Nam về đấu thầu thì việc khá nhiều các nghĩa vụ cam kết trong EVFTA đã được tuân thủ theo pháp luật hiện hành của Việt Nam là hợp lý và hoàn toàn có thể giải thích được.

Thứ nhất, các cam kết lời văn của Chương Mua sắm công trong EVFTA được xây dựng hoàn toàn dựa theo Hiệp định GPA, và vì vậy không mới với Việt Nam trong bối cảnh Việt Nam đã là quan sát viên của Hiệp định này từ giai đoạn đầu tiên của quá trình đàm phán EVFTA.

Thứ hai, Việt Nam thực hiện việc sửa đổi lớn toàn bộ hệ thống pháp luật về đấu thầu thông qua việc sửa văn bản gốc trong lĩnh vực này là Luật Đấu thầu vào năm 2013, sau thời điểm Việt Nam trở thành quan sát viên của GPA (với mục đích là sẽ tham gia GPA trong tương lai) và đang cùng lúc

dàm phán Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP) và EVFTA với các nội dung tương tự với GPA (trừ mở cửa thị trường). Do đó, vào thời điểm sửa đổi Luật Đấu thầu, Việt Nam đứng trong tình thế chắc chắn sẽ phải sửa đổi hệ thống pháp luật về đấu thầu trong tương lai để phù hợp với GPA và các cam kết tương tự trong TPP và EVFTA. Vì vậy, giải pháp hợp lý là đưa ngay các nguyên tắc cơ bản của GPA vào Luật Đấu thầu 2013 dù Việt Nam chưa bị ràng buộc phải thực hiện các nguyên tắc này vào thời điểm này.

Đặc biệt hơn, trong những năm trước đó, hoạt động đấu thầu của Việt Nam gặp khá nhiều các vướng mắc, bất cập mà nguyên nhân có thể nằm ở một số các quy định chưa hợp lý, thiếu minh bạch của pháp luật đấu thầu. Đây cũng là lý do chủ yếu thúc đẩy Việt Nam sửa tổng thể pháp luật đấu thầu một cách tổng thể và cơ bản nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu nội tại của mình cũng như phù hợp với xu hướng chung của thế giới. Trong khi đó GPA lại bao gồm khá nhiều các nguyên tắc liên quan tới minh bạch và cạnh tranh trong thủ tục đấu thầu, rất thích hợp làm chuẩn để Việt Nam tham khảo trong quá trình sửa đổi cơ bản pháp luật đấu thầu.

Cụ thể, pháp luật Việt Nam đã hoàn toàn tương thích với các cam kết sau đây của EVFTA về mua sắm công:

Điều I (Định nghĩa):

- PLVN đã tương thích với EVFTA về các khái niệm: Hàng hóa và dịch vụ thương mại, Văn bản, Dịch vụ, Dịch vụ xây dựng, Biện pháp, Đấu thầu, Đấu thầu hạn chế, Đấu thầu rộng rãi, Thông báo mời thầu, Đăng tải, Ngày, Người, Nhà thầu đáp ứng yêu cầu, Tiêu chuẩn kỹ thuật

Điều IV (Các nguyên tắc chung)

- Nguyên tắc bảo đảm tuân thủ Hiệp định trong quá trình tiến hành đấu thầu
- Nguyên tắc sử dụng phương tiện điện tử
- Nguyên tắc liên quan tới quy tắc xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ đấu thầu

Điều VI (Các Thông báo)

- Cam kết về thông báo kế hoạch lựa chọn nhà thầu

Điều VII (Điều kiện dự thầu)

- Cam kết chỉ giới hạn các điều kiện dự thầu ở các tiêu chí liên quan tới năng lực pháp lý, tài chính, thương mại và kỹ thuật
- Cam kết không áp dụng điều kiện kinh nghiệm trừ các trường hợp đặc biệt
- Cam kết về đánh giá các điều kiện dự thầu
- Các trường hợp được phép loại trừ nhà thầu

Điều VIII (Lựa chọn danh sách ngắn/Qualifications of Suppliers)

- Cam kết liên quan tới hệ thống đăng ký nhà thầu
- Cam kết liên quan tới danh sách nhà thầu sử dụng nhiều lần
- Cam kết thông báo quyết định của cơ quan mua sắm về yêu cầu tham gia thầu hoặc yêu cầu được đưa vào Danh sách nhà thầu sử dụng nhiều lần

Điều IX (Các tiêu chuẩn kỹ thuật)

- Cam kết bảo đảm không sử dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật để cản trở thương mại
- Cam kết không sử dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật mang đặc điểm miêu tả
- Nghĩa vụ không sử dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật dẫn chiếu tới các nhãn hiệu, tên thương mại...

Điều IXb (Tham vấn/thăm dò thị trường)

- Quyền tiến hành các tham vấn/thăm dò thị trường để xây dựng gói thầu
- Cam kết về tham vấn chuyên gia, cơ quan Nhà nước, chủ thể tham gia thị trường

Điều X (Nội dung hồ sơ mời thầu)

- Cam kết về các nội dung bắt buộc trong hồ sơ mời thầu
- Cam kết trả lời các câu hỏi từ các bên quan tâm về hồ sơ mời thầu
- Cam kết liên quan tới việc sửa đổi hồ sơ mời thầu (các nội dung sửa đổi, các thủ tục thông báo về việc sửa đổi...)

Điều XI (Các thời hạn trong đấu thầu)

- Cam kết chung về các thời hạn
- Các thời hạn cụ thể đối với từng cuộc thầu

Điều XV (Xử lý hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng)

- Cam kết về cách thức xử lý hồ sơ dự thầu (quy trình xử lý công bằng khách quan, cho phép sửa lỗi không cố ý về thể thức trong hồ sơ dự thầu)
- Cam kết về cách thức trao hợp đồng (hồ sơ trúng thầu phải đáp ứng các yêu cầu nêu trong thông báo/hồ sơ mời thầu)
- Cam kết về tiêu chí lựa chọn nhà thầu có ưu thế nhất hoặc có giá thấp nhất (nếu giá là tiêu chí đánh giá duy nhất)

Điều XVI (Thông tin sau khi trao hợp đồng)

- Cam kết thông báo về quyết định lựa chọn nhà thầu của cơ quan mua sắm
- Cam kết liên quan tới việc lưu trữ dữ liệu về gói thầu

Điều XVIII (Giải quyết khiếu nại nội địa)

- Cam kết duy trì ít nhất một cơ quan hành chính hoặc tư pháp để xử lý các khiếu nại vi phạm Hiệp định này hoặc vi phạm các quy định nội địa thực thi Hiệp định này
- Cam kết xử lý nhanh chóng, hiệu quả các khiếu nại, không làm ảnh hưởng tới việc tham dự thầu hoặc quyền tiếp tục tham gia thầu
- Cam kết bảo đảm thời gian tối thiểu để nhà thầu khiếu nại
- Cam kết bảo đảm có một cơ quan hành chính hoặc tổ tụng khách quan xem xét lại quyết định giải quyết khiếu nại của cơ quan mua sắm nếu nhà thầu khiếu nại tiếp
- Cam kết về việc bảo đảm quyền kiện ra Tòa quyết định phúc thẩm và bảo đảm các quyền tố tụng” của các bên liên quan trong quy trình kiện tại Tòa này
- Cam kết về các biện pháp khẩn cấp tạm thời để bảo đảm quyền tố tụng của các bên

:: Đánh giá và Đề xuất

Có thể thấy là phần lớn các cam kết mua sắm công của EVFTA mà pháp luật đấu thầu Việt Nam đã tuân thủ là các nghĩa vụ mang tính nền tảng đã trở thành thông lệ quốc tế chung trong đấu thầu (như các khái niệm, các nguyên tắc cơ bản liên quan tới hồ sơ mời thầu....) hoặc các nghĩa vụ chung về minh bạch, cạnh tranh trong trình tự, thủ tục đấu thầu (như các vấn đề liên quan tới thông báo mời thầu, thông tin sau khi trao hợp đồng...). Việc pháp luật đấu thầu Việt Nam (mới sửa đổi năm 2013) đã có các quy định phù hợp về những nội dung này cho thấy pháp luật nội địa Việt Nam đã có những bước tiến theo hướng phù hợp với thông lệ quốc tế về đấu thầu, trong đó nhấn mạnh các nguyên tắc về minh bạch, cạnh tranh và hiệu quả.

Đối với các nghĩa vụ này, khi thực thi EVFTA, Việt Nam sẽ không phải điều chỉnh, sửa đổi hay bổ sung bất kỳ nội dung nào của các văn bản pháp luật hiện hành.

2. Nhóm các cam kết EVFTA về mua sắm công mà pháp luật Việt Nam chưa tương thích một phần hoặc toàn bộ

:: Kết quả Rà soát

Trong so sánh với nhóm các cam kết về mua sắm công trong EVFTA mà pháp luật Việt Nam đã tương thích, các cam kết có nội dung mà pháp luật Việt Nam chưa tương thích có số lượng ít hơn và chủ yếu mang tính đơn lẻ (một số quy định trong nhiều quy định về một vấn đề).

Cụ thể, pháp luật Việt Nam hiện có quy định hoàn toàn chưa tương thích với cam kết trong EVFTA về các vấn đề sau:

Điều I - Định nghĩa

- Chỉ định thầu
- Cơ quan mua sắm

Điều II – Phạm vi điều chỉnh

- Tiêu chí xác định gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh
- Các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh

Điều IV – Các nguyên tắc chung

- Nguyên tắc đối xử quốc gia và không phân biệt đối xử
- Nguyên tắc liên quan tới các Biện pháp ưu đãi trong nước

Điều V – Thông tin về hệ thống đấu thầu

- Cam kết công khai các thông tin về các biện pháp áp dụng đối với các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh

Điều XII – Đàm phán

- Cam kết liên quan tới các trường hợp có thể đàm phán
- Các yêu cầu liên quan tới việc đàm phán

Điều XIII – Chỉ định thầu

- Cam kết về các nguyên tắc đối với chỉ định thầu
- Cam kết chỉ áp dụng hình thức chỉ định thầu trong các trường hợp được liệt kê
- Cam kết về việc báo cáo về từng hợp đồng thực hiện theo hình thức chỉ định thầu

Điều XIV – Đấu thầu điện tử

- Cam kết áp dụng phương pháp đánh giá tự động

Phụ lục 9c:

- Bản chào mở cửa mua sắm công của Việt Nam trong EVFTA

Pháp luật Việt Nam có quy định tương thích một phần nhưng không hoàn toàn với các cam kết trong EVFTA về các vấn đề sau:

Điều I – Các định nghĩa

- Đấu thầu điện tử
- Biện pháp ưu đãi trong nước

Điều II – Phạm vi điều chỉnh

- Giá gói thầu

Điều VIII – Đánh giá nhà thầu

- Cam kết liên quan tới hình thức đấu thầu hạn chế (quy trình, cách thức thông báo, thời hạn...)

Điều IX – Các tiêu chuẩn kỹ thuật

- Cam kết không sử dụng các ý kiến tư vấn từ cá nhân, tổ chức có lợi ích liên quan tới gói thầu

Điều XIV – Đấu thầu điện tử

- Cam kết về thông báo đầy đủ cho các bên tham gia cuộc thầu về các thông tin thầu

Điều XV – Xử lý hồ sơ thầu và trao hợp đồng

- Cam kết về việc xác minh lại với nhà thầu trong trường hợp giá chào thầu thấp bất thường
- Cam kết không sử dụng quyền tùy chọn mua thêm, sửa đổi, chấm dứt hợp đồng để lẩn tránh các nghĩa vụ trong Chương này

Điều XVI – Thông tin sau khi trao hợp đồng

- Cam kết về công bố thông tin về kết quả lựa chọn nhà thầu (các nội dung thông tin bắt buộc phải có)

Điều XVIII – Giải quyết khiếu nại nội địa

- Cam kết bảo đảm các biện pháp bồi thường nếu kết luận phúc thẩm xác định có vi phạm Hiệp định hoặc văn bản nội địa thực thi Hiệp định

Ngoài ra, một số cam kết trong EVFTA tuy chưa có trong pháp luật Việt Nam nhưng do là cam kết về quyền (Việt Nam có quyền thực hiện hoặc không), cam kết mang tính khuyến nghị (không bắt buộc thực hiện) hoặc cam kết có lộ trình (Việt Nam chưa phải thực hiện ngay), cam kết về vấn đề không thuộc pháp luật nội địa nên mặc dù pháp luật Việt Nam chưa có quy định tương ứng nhưng không xếp vào nhóm “chưa tuân thủ”. Nhóm này bao gồm các cam kết sau:

Điều I – Định nghĩa

- Danh sách sử dụng nhiều lần

Điều II – Phạm vi điều chỉnh

- Các gói thầu không thuộc phạm vi điều chỉnh

Điều III – Các Ngoại lệ về an ninh và ngoại lệ chung

- Quyền hành động để bảo vệ an ninh quốc gia
- Quyền áp dụng các ngoại lệ về đạo đức, trật tự công cộng, sức khỏe con người, động thực vật, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ...

Điều VI- Thông báo

- Cam kết đăng tải thông tin mời thầu (cách thức đăng tải, các nội dung phải đăng tải)
- Cam kết liên quan tới thông báo mời thầu tóm tắt (các nội dung của thông báo này)
- Cam kết cho phép nhà thầu dựa vào kế hoạch lựa chọn nhà thầu để chuẩn bị việc tham dự thầu

Điều IX – Các tiêu chuẩn kỹ thuật

- Cam kết ưu tiên các tiêu chuẩn quốc tế
- Quyền áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật nhằm bảo vệ môi trường

Điều XVI – Thông tin sau khi trao hợp đồng

- Cam kết giải thích cho nhà thầu trượt thầu về lý do lựa chọn nhà thầu và về các ưu thế của nhà thầu được lựa chọn
- Cam kết về việc tập hợp và thông báo số liệu thống kê về các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định

Điều XVII – Cung cấp thông tin

- Cam kết liên quan tới vấn đề cung cấp thông tin về các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh theo yêu cầu của EU
- Các thông tin không phải cung cấp

Điều XVIII – Giải quyết khiếu nại nội địa

- Cam kết về việc khuyến khích giải quyết khiếu nại qua tham vấn giữa cơ quan mua sắm và nhà thầu

Điều XIX – Thay đổi và Điều chỉnh phạm vi áp dụng:

- Cam kết về quy trình sửa đổi, điều chỉnh phạm vi áp dụng của Chương này

Điều XX – Hợp tác

- Cam kết về hợp tác giữa VN – EU về vấn đề mua sắm công

Điều XXI - Ủy ban đặc biệt về Dịch vụ, Đầu tư và Mua sắm công

- Cam kết liên quan tới thẩm quyền của Ủy ban đặc biệt liên quan tới mua sắm công

Điều XXII – Các đàm phán trong tương lai

- Cam kết liên quan tới việc đàm phán thêm giữa hai bên về thủ tục đấu thầu điện tử
- Cam kết liên quan tới việc đàm phán thêm giữa hai bên về mở cửa thị trường mua sắm công

:: Đánh giá và Đề xuất

ĐÁNH GIÁ

Có thể thấy trong số các nghĩa vụ cam kết trong EVFTA mà pháp luật đấu thầu Việt Nam chưa tương thích, ngoài một số nghĩa vụ đặc thù của EVFTA, phần lớn các nghĩa vụ khác đều vẫn là những vấn đề liên quan tới minh bạch và cạnh tranh, một số ít liên quan tới các vấn đề mang tính hệ thống về đấu thầu (ví dụ các điều kiện đối với từng hình thức đấu thầu, tiêu chuẩn kỹ thuật trong đấu thầu, khiếu nại khiếu kiện trong đấu thầu...).

(I) VỀ CÁC QUY ĐỊNH CHƯA TƯƠNG THÍCH THUỘC ĐẶC THÙ RIÊNG CỦA EVFTA

Những cam kết trong EVFTA mà pháp luật Việt Nam có quy định hoàn toàn khác biệt đều chủ yếu là các nghĩa vụ riêng đặc thù của EVFTA (ví dụ các cam kết về các tiêu chí xác định gói thầu thuộc phạm vi áp dụng, về đăng tải văn bản áp dụng riêng cho các gói thầu thuộc diện điều chỉnh, các biện pháp ưu đãi trong nước...). Về mặt nội dung, đây là các cam kết gắn với việc mở cửa thị trường đấu thầu cho các nhà thầu EU (các nguyên tắc đấu thầu áp dụng cho các trường hợp nhà thầu EU được tham gia đấu thầu tại Việt Nam theo cam kết mở cửa trong EVFTA).

Việc pháp luật chung của Việt Nam về đấu thầu hiện không có các quy định về các vấn đề này là hoàn toàn bình thường, hợp logic. Về mặt nguyên tắc, đối với các lĩnh vực mở cửa theo cam kết, pháp luật Việt Nam sẽ chỉ buộc phải điều chỉnh để mở cửa sau khi cam kết có hiệu lực, với nội dung điều chỉnh phù hợp với cam kết. Tất nhiên, trên thực tế, cũng có nhiều trường hợp pháp luật Việt Nam trước khi có cam kết đã mở cho các đối tác nước ngoài ở mức bằng, thậm chí cao hơn mức mở cửa trong cam kết (ví dụ nhiều cam kết mở cửa thị trường dịch vụ của Việt Nam trong WTO năm 2007 có mức mở cửa thậm chí thấp hơn mức mở cửa Việt Nam đã áp dụng trước đó). Tuy nhiên, riêng đối với đấu thầu, theo pháp luật Việt Nam, thị trường này vẫn chỉ dành cho các nhà thầu trong nước, đóng cửa hoàn toàn đối với các nhà thầu nước ngoài trừ (i) các trường hợp liên quan tới đấu thầu sử dụng vốn vay ODA hoặc vốn vay quốc tế và phải tuân thủ các yêu cầu của đối tác về các vấn đề liên quan tới vốn vay đó, trong đó có vấn đề nhà thầu; và (ii) 03 trường hợp được phép đấu thầu quốc tế theo Luật Đấu thầu (liệt kê cụ thể trong Luật). Cho đến thời điểm này, Việt Nam cũng mới chỉ có hai Hiệp định có cam kết mở cửa thị trường đấu thầu, đó là các cam kết trong khuôn khổ TPP và EVFTA, hai Hiệp định thương mại tự do vừa kết thúc đàm phán và chưa có hiệu lực, do đó chưa được đưa vào pháp luật nội địa. Vì vậy, việc pháp luật đấu thầu Việt Nam chưa có các quy định về mở cửa thị trường cho các đối tác EU theo EVFTA là có thể hiểu được.

Và cũng vì lý do này, việc sửa đổi pháp luật Việt Nam để tuân thủ các cam kết riêng gắn với việc mở cửa thị trường trong EVFTA sẽ chỉ nên thực hiện thông qua việc xây dựng một văn bản riêng với các quy định nội luật hóa các cam kết này và được áp dụng riêng cho các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của EVFTA.

(II) VỀ CÁC QUY ĐỊNH CHƯA TƯƠNG THÍCH THUỘC CÁC VẤN ĐỀ VỀ MINH BẠCH, CẠNH TRANH

Đảm bảo minh bạch và cạnh tranh trong các thủ tục đấu thầu là vấn đề thuộc phạm vi chung, về cơ bản là không gắn liền với các nội dung riêng về phạm vi mở cửa thị trường. Từ góc độ logic, thủ tục đấu thầu càng minh bạch, công khai, các điều kiện đấu thầu càng cạnh tranh, bình đẳng thì việc thực hiện đấu thầu trên thực tế càng thuận lợi, công bằng, quyền và lợi ích của các nhà thầu tham gia càng được tăng cường, hiệu quả sử dụng vốn càng được cải thiện. Do đó, các quy định về minh bạch và cạnh tranh trong mua sắm công của EVFTA nói riêng, GPA nói chung, là có lợi không chỉ cho các nhà thầu nước ngoài tham gia các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh mà còn mang lại lợi ích thiết thực cho cả các nhà thầu nội địa cũng như hiệu quả chung của hệ thống đấu thầu nội địa.

Đây có thể là lý do khiến trong quá trình sửa đổi tổng thể pháp luật đấu thầu năm 2013 Việt Nam đã quan tâm và nội luật hóa khá nhiều các quy định về minh bạch, cạnh tranh trong GPA (tương tự như EVFTA), áp dụng chung cho toàn bộ các gói thầu.

Câu hỏi đặt ra là tại sao với logic như trên, vẫn có những cam kết trong GPA (tương tự EVFTA) về minh bạch và cạnh tranh tiếp tục được đặt ở bên ngoài hệ thống pháp luật Việt Nam (dù Việt Nam có thể đã biết về những hiệu quả đáng kể của các quy định này, và có thể cũng biết rằng khi gia nhập GPA hoặc thực thi EVFTA Việt Nam cũng sẽ phải thực hiện các yêu cầu này, thậm chí là ở phạm vi chung nếu theo GPA)?

Câu trả lời có lẽ là nằm ở chi phí thực hiện các quy định này. Nhìn vào nhóm các cam kết về minh bạch và cạnh tranh “đã tương thích” và nhóm cam kết “chưa tương thích”, có thể thấy có sự khác biệt trong “độ khó của thực thi”.

Cụ thể, khác với nhóm những quy định về minh bạch và cạnh tranh mà Việt Nam đã nội luật hóa, việc thực hiện các quy định cũng là về minh bạch và cạnh tranh trong nhóm “chưa tuân thủ” đòi hỏi các nỗ lực lớn hơn, với các chi phí thực hiện có thể cao hơn. Ví dụ quy định về đăng tải thông tin đấu thầu có thể thực hiện dễ hơn quy định về những nội dung bắt buộc phải đăng tải; cũng như vậy nguyên tắc xác định thời hạn có thể áp dụng ngay, trong khi các thời hạn tối thiểu nếu tăng thêm/rút ngắn lại sẽ ảnh hưởng tới tốc độ vận hành của cả quy trình và do đó không dễ thực hiện. Có thể tại thời điểm 2013, hiện trạng hệ thống vận hành đấu thầu (nhân lực, bộ máy) được cho là chưa thể đáp ứng được ngay, và do đó dù hứa hẹn là hiệu quả nhưng các quy định này vẫn chưa được đưa vào pháp luật nội địa?

Mặc dù vậy, nếu nhìn sâu hơn, có lẽ không ít trong số này là những nghĩa vụ mà thực chất việc thực hiện không phải quá khó khăn, cũng không phải quá tốn kém về nguồn lực, đặc biệt trong bối cảnh mới, khi cải cách hành chính và thực hiện Chính phủ điện tử đang được đẩy mạnh ở hầu khắp các cấp, các ngành, đặc biệt là ở các cơ quan mua sắm cấp trung ương hoặc ở trung ương và khi các yêu cầu về cạnh tranh, cải cách thể chế đang ngày càng cấp thiết nhằm đáp ứng tốt hơn các đòi hỏi của hội nhập.

(III) VỀ CÁC QUY ĐỊNH CHƯA TƯƠNG THÍCH LIÊN QUAN TỚI HỆ THỐNG ĐẤU THẦU

Một số trong nhóm các cam kết mà pháp luật Việt Nam chưa tuân thủ gắn với các vấn đề cơ bản thuộc về hệ thống (ví dụ hình thức chỉ định thầu, đấu thầu điện tử...). Đối với các trường hợp này, việc pháp luật Việt Nam chưa “nội luật hóa” đầy đủ các quy định của GPA (tương tự EVFTA) khi sửa đổi pháp luật đấu thầu năm 2013 có thể xuất phát từ lý do: những vấn đề thuộc về hệ thống không thể thực hiện ngay, không thể chuyển ngay từ hệ thống cũ sang một hệ thống mới mà cần có thời gian và việc chuẩn bị cơ sở để chuyển đổi dần dần.

(IV) VỀ CÁC CAM KẾT “KHÔNG BẮT BUỘC”

Vi nhóm này không bắt buộc thực hiện, Việt Nam có thể tùy tình hình mà điều chỉnh pháp luật phù hợp, trong đó chú ý:

- Với các cam kết về quyền: Việt Nam cần tận dụng quyền bằng việc đưa vào pháp luật của mình cam kết này (pháp luật chung hoặc văn bản riêng cho EVFTA tùy trường hợp);
- Với các cam kết khuyến nghị hoặc lựa chọn (không bắt buộc thực hiện): Việt Nam có thể cân nhắc điều chỉnh pháp luật phù hợp với lợi ích của mình theo từng thời kỳ;
- Với các cam kết mà Việt Nam chưa phải thực hiện ngay do có bảo lưu lộ trình thực hiện (chủ yếu thuộc nhóm cam kết tại Điều VI về Thông báo, Điều XI về các Thời hạn, Điều XVI về Thông tin sau khi trao hợp đồng): Với nhóm cam kết này, mặc dù hiện được xem là tương thích, nhiều quy định liên quan sẽ trở thành không tương thích khi hết thời hạn bảo lưu. Khi đó, Việt Nam bắt buộc phải sửa đổi pháp luật đấu thầu, ít nhất với các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định để đảm bảo tuân thủ EVFTA về các cam kết này.
- Với các cam kết không thuộc pháp luật nội địa: Mặc dù không phải sửa pháp luật nội địa để phù hợp với cam kết EVFTA nhưng việc thực thi các cam kết này (thông tin cho phía EU, tập hợp dữ liệu thống kê theo yêu cầu của phía EU...) vẫn phải triển khai – vì vậy cần chú ý xây dựng cơ chế nội bộ của Cơ quan quản lý về đấu thầu để có căn cứ thực hiện các nghĩa vụ này.

ĐỀ XUẤT

Về mặt nguyên tắc, các cam kết trong EVFTA là buộc phải tuân thủ khi EVFTA có hiệu lực, tuy nhiên cũng trong nguyên tắc, Việt Nam sẽ chỉ phải tuân thủ các cam kết đối với các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của EVFTA mà thôi.

Vì vậy, mặc dù đối với tất cả các nghĩa vụ trong EVFTA mà pháp luật Việt Nam chưa tuân thủ như liệt kê ở trên, pháp luật Việt Nam sẽ phải được điều chỉnh, sửa đổi tương ứng, Việt Nam đứng trước 02 lựa chọn sửa đổi:

- Hoặc là chỉ sửa đổi pháp luật để tuân thủ EVFTA cho trường hợp các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh EVFTA (giữ nguyên trạng pháp luật đấu thầu chung, chỉ sửa đổi pháp luật áp dụng riêng cho các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của EU, và dành cho nhà thầu EU): Việt Nam có thể ban hành 01 Văn bản pháp luật riêng để thực thi cam kết EVFTA về mua sắm công, trong đó quy định về các nội dung mà pháp luật hiện tại chưa phù hợp EVFTA theo hướng phù hợp với cam kết trong Hiệp định. Văn bản này sẽ chỉ áp dụng riêng cho các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh, áp dụng cho các nhà thầu EU. Pháp luật đấu thầu chung vẫn giữ như hiện tại;
- Hoặc là sửa đổi pháp luật đấu thầu cho phù hợp với cam kết EVFTA, áp dụng cho tất cả các hoạt động đấu thầu nói chung: Theo cách này, Việt Nam sẽ sửa đổi trực tiếp vào pháp luật đấu thầu (phạm vi áp dụng chung) để tuân thủ EVFTA không chỉ cho các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh mà còn cho tất cả các gói thầu nói chung.

Theo phương án thứ nhất (xây dựng văn bản pháp luật riêng để thực thi EVFTA) thì Việt Nam sẽ đảm bảo tuân thủ EVFTA, không làm xáo trộn hệ thống pháp luật đấu thầu hiện nay, tuy vậy hiệu quả từ các cam kết sẽ không lan tỏa tới toàn bộ hệ thống đấu thầu nói chung.

Theo phương án thứ hai (sửa đổi pháp luật chung để thực thi EVFTA), hiệu quả thực thi EVFTA sẽ lan tỏa đến toàn bộ hệ thống pháp luật đấu thầu, với tất cả các hoạt động đấu thầu tại Việt Nam, và Việt Nam sẽ sẵn sàng không chỉ cho EVFTA mà còn cho cả TPP và GPA trong tương lai. Tuy nhiên, nếu thực hiện phương án này đối với toàn bộ các cam kết hiện còn chưa tuân thủ của EVFTA thì sẽ đòi hỏi những nỗ lực rất lớn về tư duy, thể chế và nguồn lực cho việc thực hiện.

Do đó, trên cơ sở cân nhắc tính chất của các cam kết chưa tuân thủ, cùng các lợi thế - bất lợi của mỗi phương án, Nhóm Nghiên cứu đề xuất Việt Nam sẽ thực hiện tuân thủ EVFTA về mua sắm công theo cùng lúc cả 02 phương án, mỗi phương án sẽ cho một nhóm các cam kết thích hợp.

Cụ thể:

(I) ĐỀ XUẤT XÂY DỰNG VĂN BẢN RIÊNG THỰC THI EVFTA

Đối với những cam kết liên quan tới việc mở cửa thị trường đặc thù riêng của EVFTA, việc sửa đổi pháp luật đấu thầu chung Việt Nam theo các cam kết này của Hiệp định là không khả thi và không

phù hợp (do điều này đồng nghĩa với việc mở cửa cho tất cả các đối tác không phải là một Bên của Hiệp định). Do đó, việc xây dựng một văn bản riêng, với các quy định nội luật hóa các cam kết đặc thù của EVFTA, để thực thi Hiệp định là phù hợp.

Văn bản này sẽ được ưu tiên áp dụng đối với các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định trong các trường hợp có quy định khác nhau giữa Văn bản này và pháp luật chung về cùng một vấn đề. Trường hợp văn bản này không có quy định thì áp dụng quy định của pháp luật chung về đấu thầu.

Văn bản này sẽ nội luật hóa các quy định thuộc nhóm “chưa tuân thủ” sau đây:

- Điều I (Định nghĩa): khái niệm “Cơ quan mua sắm”; “Biện pháp ưu đãi trong nước”, “Chỉ định thầu”, “Đấu thầu điện tử”
- Điều II (Phạm vi): Cam kết về Tiêu chí xác định các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh, Các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh, Giá gói thầu;
- Điều IV (Các nguyên tắc chung): Cam kết về Đối xử quốc gia và Không phân biệt đối xử; Các biện pháp ưu đãi trong nước
- Điều V (Các biện pháp trong thời kỳ chuyển đổi): Cam kết về công khai thông tin về các biện pháp/quy định pháp luật áp dụng cho các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh
- Điều VIII – Đánh giá nhà thầu: Cam kết liên quan tới hình thức đấu thầu hạn chế (quy trình, cách thức thông báo, thời hạn...)
- Điều XIII (Chỉ định thầu): Tất cả các cam kết trong Điều này (Nguyên tắc áp dụng chỉ định thầu; Các trường hợp được phép chỉ định thầu...)
- Điều XIV – Đấu thầu điện tử: Cam kết áp dụng phương pháp đánh giá tự động

Do khá nhiều các quy định dự kiến đưa vào Văn bản riêng thực thi EVFTA về mua sắm công hiện đang được quy định trong Luật Đấu thầu, để đảm bảo giá trị pháp lý của các quy định, Văn bản thực thi EVFTA cần được ban hành dưới hình thức Văn bản Luật (Luật về đấu thầu thực thi EVFTA).

(II) ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI PHÁP LUẬT ĐẤU THẦU CHUNG

Đối với các cam kết liên quan tới các vấn đề về minh bạch, cạnh tranh cơ bản có thể áp dụng ở diện rộng một cách khả thi, Nghiên cứu Rà soát đề xuất sửa đổi trực tiếp các văn bản pháp luật về đấu thầu (có phạm vi áp dụng chung) theo hướng phù hợp với EVFTA. Việc sửa đổi theo hướng này sẽ được thực hiện trực tiếp với các văn bản trong hệ thống pháp luật đấu thầu có quy định về vấn đề liên quan; trường hợp có nhiều văn bản cùng quy định về một nội dung “chưa tương thích” thì việc sửa đổi trước hết cần được thực hiện đối với văn bản có giá trị pháp lý cao nhất trong số đó.

Cụ thể, đề xuất sửa đổi pháp luật nội địa để điều chỉnh quy định, nội luật hóa các cam kết sau đây:

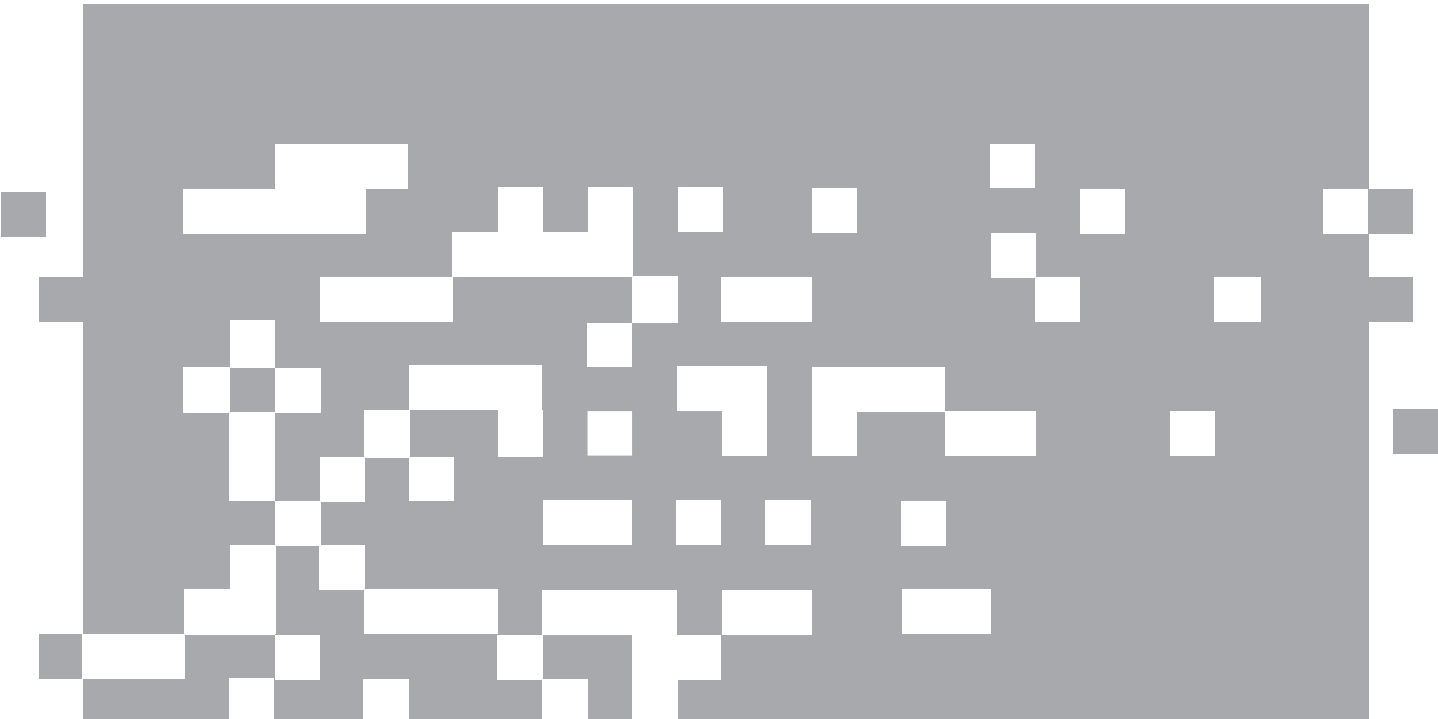
- Điều XIV – Đấu thầu điện tử: Cam kết về thông báo đầy đủ cho các bên tham gia thầu về các thông tin về đấu thầu
- Điều XV – Xử lý hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng: Cam kết về việc xác minh lại với nhà thầu trong trường hợp giá chào thầu thấp bất thường; Cam kết không sử dụng quyền tùy chọn mua thêm, sửa đổi, chấm dứt hợp đồng để lẩn tránh các nghĩa vụ trong Chương này;
- Điều XVI – Thông tin sau khi trao hợp đồng: Cam kết về công bố thông tin về quyết định chọn thầu (các nội dung thông tin bắt buộc phải có);
- Điều XVIII – Giải quyết khiếu nại nội địa: Cam kết bảo đảm các biện pháp bồi thường nếu kết luận phúc thẩm xác định có vi phạm Hiệp định hoặc văn bản nội địa thực thi Hiệp định.

Trên thực tế, do phần lớn các cam kết nói trên liên quan tới các nội dung mang tính chi tiết, hiện đang quy định trong các Nghị định và/hoặc Thông tư hướng dẫn Luật Đấu thầu, giải pháp thực tiễn và tập trung nhất là sửa trong các văn bản cấp Nghị định có quy định liên quan (đặc biệt là Nghị định 63/2014/NĐ-CP), sau đó nếu Thông tư hướng dẫn có quy định khác với Nghị định đã sửa đổi thì điều chỉnh Thông tư cho phù hợp.

Tóm lại

Rà soát pháp luật Việt Nam với các cam kết EVFTA về mua sắm công cho thấy đa số các quy định của pháp luật Việt Nam về đấu thầu đã cơ bản tương thích với các cam kết về mua sắm công trong EVFTA. Đối với nhóm đã tương thích, Việt Nam sẽ không phải điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật nhưng cần đặc biệt chú trọng tới công tác thực thi, để đảm bảo rằng các quy định pháp luật được tuân thủ nghiêm túc, hiệu quả trong thực tế đấu thầu.

Các cam kết của EVFTA mà hiện pháp luật Việt Nam chưa tương thích bao gồm cả các cam kết gắn với vấn đề đặc thù của EVFTA (các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh) và các cam kết liên quan tới các vấn đề minh bạch, cạnh tranh nói chung. Đối với các trường hợp này, Nghiên cứu Rà soát đưa ra đề xuất về thực thi với 02 định hướng cơ bản. Thứ nhất, xây dựng 01 văn bản cấp Luật để quy định về các cam kết đặc thù của EVFTA, chỉ áp dụng cho các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của EVFTA và cho các nhà thầu EU. Thứ hai, sửa đổi pháp luật đấu thầu áp dụng chung để đưa vào các cam kết của EVFTA liên quan tới tính minh bạch, cạnh tranh trong đấu thầu, qua đó áp dụng các cam kết này cho toàn bộ các gói thầu nói chung.



Phần thứ hai

Bảng tổng hợp kết quả rà soát

Ghi chú:

- Cam kết mà Việt Nam không/chưa phải thực hiện (do bảo lưu, do không bắt buộc, do chưa đến lộ trình; vấn đề không thuộc pháp luật nội địa về nội dung)
- Cam kết mà PLVN đã đáp ứng hoàn toàn
- Cam kết mà PLVN đã đáp ứng một phần
- Cam kết mà PLVN chưa đáp ứng, phải sửa đổi

Điều	Các nghĩa vụ cam kết
Điều I – Các định nghĩa	Hàng hóa và dịch vụ thương mại (PLVN rộng hơn, bao trùm cam kết) Ngày Người Đăng tải Nhà thầu đáp ứng yêu cầu
	Chỉ định thầu PLVN hiểu chỉ định thầu bao gồm việc lựa chọn 01 nhà thầu trong khi EVFTA hiểu là lựa chọn một hoặc một số nhà thầu
	Thông báo mời thầu PLVN có nhiều khái niệm liên quan nhưng trong tổng thể đã bao trùm
	Đấu thầu rộng rãi
Điều II – Phạm vi điều chỉnh	Tiêu chí xác định gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh Hiệp định nêu 03 tiêu chí (Ngưỡng giá trị, Cơ quan mua sắm; Loại hàng hóa, dịch vụ mua sắm) còn PLVN nêu 02 tiêu chí (tỷ lệ vốn nhà nước trong tổng giá trị mua sắm; Cơ quan mua sắm)
Điều III – Các Ngoại lệ về an ninh và ngoại lệ chung	Quyền hành động để bảo vệ an ninh quốc gia
Điều IV – Các nguyên tắc chung	Nguyên tắc đối xử quốc gia và không phân biệt đối xử

Văn bản (PLVN đã ghi nhận hình thức thông điệp điện tử như văn bản)	Dịch vụ Dịch vụ xây dựng (Tương đương với khái niệm “xây lắp” trong PLVN)
Đấu thầu điện tử	Đấu thầu (mua sắm chính phủ/mua sắm công)
Biện pháp PLVN không có thuật ngữ “biện pháp” nhưng có các khái niệm khác tập hợp lại với nội dung tương ứng	Danh sách sử dụng nhiều lần PLVN chưa có khái niệm này (trừ đấu thầu mua thuốc)
Cơ quan mua sắm	Biện pháp ưu đãi trong nước PLVN hẹp hơn EVFTA
Đấu thầu hạn chế (tương đương với “Đấu thầu rộng rãi có lựa chọn danh sách ngắn” trong PLVN)	Tiêu chuẩn kỹ thuật
Các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh Hiệp định chỉ điều chỉnh một nhóm nhỏ các gói thầu Các gói thầu không thuộc phạm vi điều chỉnh Đây là vấn đề riêng của Hiệp định, PLVN không quy định	Giá gói thầu (PLVN không cụ thể như cam kết)
Quyền áp dụng các ngoại lệ về đạo đức, trật tự công cộng, sức khỏe con người, động thực vật, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ...	
Nguyên tắc bảo đảm tuân thủ Hiệp định trong quá trình tiến hành đấu thầu	Nguyên tắc sử dụng phương tiện điện tử

Ghi chú:

- Cam kết mà Việt Nam không/chưa phải thực hiện (do bảo lưu, do không bắt buộc, do chưa đến lộ trình; vấn đề không thuộc pháp luật nội địa về nội dung)
- Cam kết mà PLVN đã đáp ứng hoàn toàn
- Cam kết mà PLVN đã đáp ứng một phần
- Cam kết mà PLVN chưa đáp ứng, phải sửa đổi

Điều	Các nghĩa vụ cam kết
	Nguyên tắc liên quan tới quy tắc xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ đầu thầu
Điều V – Thông tin về hệ thống đấu thầu	Cam kết công khai các thông tin về các biện pháp áp dụng đối với các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh
Điều VI- Thông báo	Cam kết đăng tải thông tin mời thầu (cách thức đăng tải, các nội dung phải đăng tải)
	Nghĩa vụ cho phép nhà thầu dựa vào kế hoạch lựa chọn nhà thầu để chuẩn bị việc tham dự thầu
Điều VII – Điều kiện tham dự thầu	Cam kết chỉ giới hạn các điều kiện dự thầu ở các tiêu chí liên quan tới năng lực pháp lý, tài chính, thương mại và kỹ thuật
	Các trường hợp được phép loại trừ nhà thầu
Điều VIII – Lựa chọn danh sách ngắn (Qualification of Suppliers)	Cam kết liên quan tới hệ thống đăng ký nhà thầu và ý nghĩa của hệ thống này trong quy trình thầu
	Cam kết thông báo quyết định của cơ quan mua sắm trước yêu cầu tham gia thầu hoặc yêu cầu được đưa vào Danh sách nhà thầu sử dụng nhiều lần

Nguyên tắc liên quan tới các Biện pháp ưu đãi trong nước

Cam kết liên quan tới thông báo mời thầu tóm tắt (các nội dung của thông báo này)

Cam kết về thông báo kế hoạch lựa chọn nhà thầu

PLVN chưa đáp ứng yêu cầu của Hiệp định về đăng tải sớm, tuy nhiên do đây Hiệp định không yêu cầu thời gian cụ thể nên cơ bản PLVN đã tương thích

Cam kết không áp dụng điều kiện kinh nghiệm trừ các trường hợp đặc biệt

Cam kết về cách thức đánh giá các điều kiện dự thầu

Cam kết liên quan tới hình thức đấu thầu hạn chế (quy trình, cách thức thông báo, thời hạn...)

Cam kết liên quan tới danh sách nhà thầu sử dụng nhiều lần

Ghi chú:

- Cam kết mà Việt Nam không/chưa phải thực hiện (do bảo lưu, do không bắt buộc, do chưa đến lộ trình; vấn đề không thuộc pháp luật nội địa về nội dung)
- Cam kết mà PLVN đã đáp ứng hoàn toàn
- Cam kết mà PLVN đã đáp ứng một phần
- Cam kết mà PLVN chưa đáp ứng, phải sửa đổi

Điều	Các nghĩa vụ cam kết
Điều IX – Các tiêu chuẩn kỹ thuật	Cam kết bảo đảm không sử dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật để cản trở thương mại
	Nghĩa vụ không sử dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật dẫn chiếu tới các nhãn hiệu, tên thương mại ...
Điều IXb – Tham vấn/thăm dò thị trường	Quyền tiến hành các tham vấn/thăm dò thị trường để xây dựng gói thầu
Điều X – Nội dung hồ sơ mời thầu	Cam kết về các nội dung bắt buộc trong hồ sơ mời thầu
Điều XI – Các thời hạn trong đấu thầu	Cam kết chung về các thời hạn
Điều XII – Đàm phán	Cam kết liên quan tới các trường hợp có thể đàm phán
Điều XIII – Chỉ định thầu	Cam kết về các nguyên tắc đối với chỉ định thầu
Điều XIV – Đấu thầu điện tử	Cam kết áp dụng phương pháp đánh giá tự động
Điều XV – Xử lý hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng	Cam kết về cách thức xử lý hồ sơ dự thầu (quy trình xử lý công bằng khách quan, cho phép sửa lỗi không cố ý về thể thức trong hồ sơ dự thầu)
	Cam kết về việc xác minh lại với nhà thầu trong trường hợp giá chào thầu thấp bất thường

Cam kết không sử dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật mang đặc điểm miêu tả	Cam kết ưu tiên các tiêu chuẩn quốc tế
Cam kết không sử dụng các ý kiến tư vấn từ cá nhân/tổ chức có lợi ích liên quan tới gói thầu	Quyền áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật nhằm bảo vệ môi trường
Quyền tham vấn chuyên gia, cơ quan Nhà nước, chủ thể tham gia thị trường	
Cam kết trả lời các câu hỏi từ các bên quan tâm về hồ sơ mời thầu	Cam kết liên quan tới việc sửa đổi hồ sơ mời thầu (các nội dung sửa đổi, các thủ tục thông báo về việc sửa đổi...)
Các thời hạn cụ thể đối với từng gói thầu	
Các yêu cầu liên quan tới việc đàm phán	
Cam kết chỉ áp dụng hình thức chỉ định thầu trong các trường hợp được liệt kê	Cam kết về việc báo cáo về từng hợp đồng thực hiện theo hình thức chỉ định thầu
Cam kết về thông báo đầy đủ cho các bên tham gia cuộc thầu về các thông tin thầu	
Cam kết về cách thức trao hợp đồng (hồ sơ trúng thầu phải đáp ứng các yêu cầu nêu trong thông báo/hồ sơ mời thầu)	Cam kết về tiêu chí lựa chọn nhà thầu có ưu thế nhất hoặc có giá thấp nhất (nếu giá là tiêu chí đánh giá duy nhất)
Cam kết không sử dụng quyền tùy chọn mua thêm, sửa đổi, chấm dứt hợp đồng để lẩn tránh các nghĩa vụ trong Chương này	

Ghi chú:

- Cam kết mà Việt Nam không/chưa phải thực hiện (do bảo lưu, do không bắt buộc, do chưa đến lộ trình; vấn đề không thuộc pháp luật nội địa về nội dung)
- Cam kết mà PLVN đã đáp ứng hoàn toàn
- Cam kết mà PLVN đã đáp ứng một phần
- Cam kết mà PLVN chưa đáp ứng, phải sửa đổi

Điều	Các nghĩa vụ cam kết
Điều XVI – Thông tin sau khi trao hợp đồng	Cam kết bảo đảm không sử dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật để cản trở thương mại
	Cam kết liên quan tới việc lưu trữ dữ liệu về gói thầu
Điều XVII – Cung cấp thông tin	Cam kết liên quan tới vấn đề cung cấp thông tin về các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh theo yêu cầu của EU
Điều XVIII – Giải quyết khiếu nại nội địa	Cam kết duy trì ít nhất một cơ quan hành chính hoặc tư pháp để xử lý các khiếu nại vi phạm Hiệp định này hoặc vi phạm các quy định nội địa thực thi Hiệp định này
	Cam kết bảo đảm thời gian tối thiểu để nhà thầu khiếu nại
	Cam kết về các biện pháp khẩn cấp tạm thời để bảo đảm quyền tố tụng của các bên
Điều XIX – Thay đổi và Điều chỉnh phạm vi áp dụng	Cam kết về quy trình sửa đổi, điều chỉnh phạm vi áp dụng của Chương này
Điều XX – Hợp tác	Cam kết về hợp tác giữa VN – EU về vấn đề mua sắm công
Điều XXI - Ủy ban đặc biệt về Dịch vụ, Đầu tư và Mua sắm công	Cam kết liên quan tới thẩm quyền của Ủy ban đặc biệt liên quan tới mua sắm công

Cam kết không sử dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật mang đặc điểm miêu tả

Cam kết ưu tiên các tiêu chuẩn quốc tế

Cam kết về việc tập hợp và thông báo số liệu thống kê về các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định

Các thông tin không phải cung cấp

Cam kết về việc khuyến khích giải quyết khiếu nại qua tham vấn giữa cơ quan mua sắm và nhà thầu

Cam kết xử lý nhanh chóng, hiệu quả các khiếu nại, không làm ảnh hưởng tới việc tham dự thầu hoặc quyền tiếp tục

Cam kết bảo đảm có một cơ quan hành chính hoặc tổ tụng khách quan xem xét lại quyết định giải quyết khiếu nại của cơ quan mua sắm nếu nhà thầu khiếu nại tiếp

Cam kết về việc bảo đảm quyền kiện ra Tòa quyết định phúc thẩm và bảo đảm các quyền tố tụng” của các bên liên quan trong quy trình kiện tại Tòa này

Cam kết bảo đảm các biện pháp bồi thường nếu kết luận phúc thẩm xác định có vi phạm Hiệp định hoặc văn bản nội địa thực thi Hiệp định

Ghi chú:

- Cam kết mà Việt Nam không/chưa phải thực hiện (do bảo lưu, do không bắt buộc, do chưa đến lộ trình; vấn đề không thuộc pháp luật nội địa về nội dung)
- Cam kết mà PLVN đã đáp ứng hoàn toàn
- Cam kết mà PLVN đã đáp ứng một phần
- Cam kết mà PLVN chưa đáp ứng, phải sửa đổi

Điều	Các nghĩa vụ cam kết
Điều XXII – Các đàm phán trong tương lai	Cam kết liên quan tới việc đàm phán thêm giữa hai bên về thủ tục đấu thầu điện tử

Cam kết liên quan tới việc đàm phán thêm giữa hai bên
về mở cửa thị trường mua sắm công

Phần thứ ba
Bảng rà soát chi tiết

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
Article 1 Definitions For the purposes of this Chapter: commercial goods or services means goods or services of a type generally sold or offered for sale in the commercial marketplace to, and customarily purchased by, non-governmental buyers for non-governmental purposes; construction service means a service that has as its objective the realization by whatever means of civil or building works, based on Division 51 of the United Nations Provisional Central Product Classification (CPC); days means calendar days; electronic auction means an iterative process that involves the use of electronic means for the presentation by suppliers of either new prices, or new values for quantifiable non-price elements of the tender related to the evaluation criteria, or both, resulting in a ranking or re-ranking of tenders; government procurement means the process by which a procuring entity as defined hereinafter obtains the use of or acquires goods or services, or any combination thereof, for governmental purposes and not with a view to commercial sale or resale or use in the production or supply of goods or services for commercial sale or resale;	Luật Thương mại: Điều 3. Hoạt động thương mại là hoạt động nhằm mục đích sinh lợi, bao gồm mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, đầu tư, xúc tiến thương mại và các hoạt động nhằm mục đích sinh lợi khác. Điều 3.2 Hàng hóa bao gồm: a) Tất cả các loại động sản, kể cả động sản hình thành trong tương lai; b) Những vật gắn liền với đất đai. Điều 3.9: Cung ứng dịch vụ là hoạt động thương mại, theo đó một bên (sau đây gọi là bên cung ứng dịch vụ) có nghĩa vụ thực hiện dịch vụ cho một bên khác và nhận thanh toán; bên sử dụng dịch vụ (sau đây gọi là khách hàng) có nghĩa vụ thanh toán cho bên cung ứng dịch vụ và sử dụng dịch vụ theo thỏa thuận Bộ luật Dân sự 2005 Điều 124: Giao dịch dân sự thông qua phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu được coi là giao dịch bằng văn bản. Luật đấu thầu và Nghị định 63/2014/NĐ-CP: Xây lắp gồm những công việc thuộc quá trình xây dựng và lắp đặt công trình, hạng mục công trình. Sản phẩm, dịch vụ công là sản phẩm, dịch vụ thiết yếu đối với đời sống kinh tế - xã hội của đất nước, cộng đồng dân cư hoặc bảo đảm	Đánh giá: Về cơ bản các khái niệm theo pháp luật Việt Nam tương đối phù hợp với thuật ngữ được khái niệm trong Hiệp định. Tuy nhiên có một số lưu ý sau: Hàng hóa và dịch vụ thương mại: Luật Thương mại không phân biệt rõ hàng hóa dịch vụ thương mại với hàng hóa, dịch vụ phi thương mại. Mặc dù vậy, nếu kết hợp với khái niệm hoạt động thương mại thì hàng hóa, dịch vụ là đối tượng của các hoạt động thương mại nhằm mục đích sinh lợi, trong đó có hoạt động mua bán, sẽ được coi là hàng hóa, dịch vụ thương mại. Theo cách này thì khái niệm của Việt Nam đã phù hợp với khái niệm trong cam kết. Văn bản: Pháp luật Việt Nam không có định nghĩa về văn bản nhưng đã đưa dữ liệu điện tử thành một dạng của văn bản, trong khi đây là nội dung cốt lõi trong định nghĩa “văn bản” tại Cam kết. Vì vậy về cơ bản pháp luật VN đã phù hợp với cam kết. Dịch vụ xây dựng là khái niệm được hiểu tương đồng với khái niệm xây lắp của Luật đấu thầu. Theo đó pháp luật VN đã phù hợp với cam kết. Trong pháp luật VN còn có khái niệm về sản phẩm, dịch vụ công được tách riêng ra khỏi khái niệm về dịch vụ phi tư vấn, hàng hóa, xây lắp. Nội dung này sẽ được đánh giá cụ thể trong Điều 2.

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
in writing or written means any worded or numbered expression that can be read, reproduced and later communicated. It may include electronically transmitted and stored information; limited tendering means a procurement method whereby the procuring entity contacts a supplier or suppliers of its choice; measure means any law, regulation, administrative guidance or practice, or any action of a procuring entity relating to a covered procurement ; multi-use list means a list of suppliers that a procuring entity has determined satisfy the conditions for participation in that list, and that the procuring entity intends to use more than once; notice of intended procurement means a notice published by a procuring entity inviting interested suppliers to submit a request for participation, a tender, or both; offset means any condition or undertaking that encourages local development or improves a Party's balance-of-payments accounts, such as the use of domestic content, of domestic suppliers, the licensing and transfer of technology, investment, counter-trade and similar action or requirement; open tendering means a procurement method whereby all interested suppliers may submit a tender;	quốc phòng, an ninh mà Nhà nước phải tổ chức thực hiện trong các lĩnh vực: y tế, giáo dục - đào tạo, văn hóa, thông tin, truyền thông, khoa học - công nghệ, tài nguyên - môi trường, giao thông - vận tải và các lĩnh vực khác theo quy định của Chính phủ. Sản phẩm, dịch vụ công bao gồm sản phẩm, dịch vụ công ích và dịch vụ sự nghiệp công. Đấu thầu qua mạng là đấu thầu được thực hiện thông qua việc sử dụng hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Đấu thầu là quá trình lựa chọn nhà thầu để ký kết và thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp; lựa chọn nhà thầu để ký kết và thực hiện hợp đồng dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư, dự án đầu tư có sử dụng đất trên cơ sở bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế. Ngoài ra Điều 3 của Luật đấu thầu có quy định doanh nghiệp nhà nước được ban hành quy định về lựa chọn nhà thầu phù hợp với việc lựa chọn nhà thầu cung cấp nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để bảo đảm tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của doanh nghiệp nhà nước. Chỉ định thầu là hình thức lựa chọn nhà thầu theo đó chủ đầu tư xác	Ngày: Pháp luật Việt Nam đã có quy định phù hợp (chú ý là theo pháp luật đấu thầu Việt Nam, đối với trường hợp thời hạn dưới 10 ngày thì “ngày” sẽ được hiểu là “ngày làm việc” tức là ngày theo lịch trừ đi những ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật có liên quan; đối với trường hợp thời hạn từ 10 ngày trở lên thì là ngày theo lịch. Hiệp định chỉ quy định về ngày theo lịch, phần lớn cho các thời hạn tối thiểu, vì vậy cách quy định hiện nay của pháp luật Việt Nam đã phù hợp với Hiệp định về “ngày theo lịch”, và thuận lợi hơn so với Hiệp định về “ngày làm việc”). Đấu thầu qua mạng là khái niệm có trong pháp luật đấu thầu của VN, tuy nhiên nội hàm về việc đấu thầu điện tử như nêu trong Hiệp định chưa được cụ thể hóa trong pháp luật VN, cụ thể là việc cho phép sử dụng phương tiện điện tử để nhà thầu chào giá mới hoặc chào các yếu tố mới không phải là giá nhưng lượng hóa được hoặc cả hai chưa được pháp luật VN quy định, pháp luật VN hiện chỉ cho phép nhà thầu nộp HSDT thông qua phương tiện điện tử là Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (chào giá một lần). Đấu thầu (mua sắm chính phủ/mua sắm công) là khái niệm về cơ bản phù hợp với quy định của pháp luật VN, tuy nhiên để hiểu rõ hơn nội hàm của khái niệm này cần xem kết hợp với Điều 2 về phạm vi điều chỉnh.

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
person means a natural person or a juridical person; procuring entity means an entity covered under a Party's Annexes ; publish means to disseminate information through paper or electronic means that is distributed widely and is readily accessible to the general public; qualified supplier means a supplier that a procuring entity recognizes as having satisfied the conditions for participation; selective tendering means a procurement method whereby only qualified suppliers are invited by the procuring entity to submit a tender; services includes construction services, unless otherwise specified; supplier means a person or group of persons that provides or could provide goods or services to a procuring entity; and technical specification means a tendering requirement that : (a) sets out the characteristics of: (i) goods to be procured, including quality, performance, safety and dimensions, or the processes and methods for their production; or (ii) services to be procured, including quality, performance and safety or the processes or methods for their provision; or	định nhà thầu có tư cách hợp lệ, có đủ năng lực và kinh nghiệm đến nhận hồ sơ yêu cầu Thông báo mời thầu là thông báo do bên mời thầu gửi đăng tải hoặc tự đăng tải mời các nhà thầu quan tâm nộp hồ sơ dự thầu Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu là việc ưu đãi cho hàng hóa có chi phí sản xuất trong nước chiếm tỷ lệ từ 25% trở lên hoặc ưu đãi cho nhà thầu trong nước, nhà thầu khi tham gia đấu thầu quốc tế trong các trường hợp quy định tại Điều 14 Luật đấu thầu. Đấu thầu rộng rãi là hình thức lựa chọn nhà thầu, nhà thầu trong đó không hạn chế số lượng nhà thầu, nhà thầu tham dự. Nhà thầu nước ngoài là tổ chức được thành lập theo pháp luật nước ngoài hoặc cá nhân mang quốc tịch nước ngoài tham dự thầu tại Việt Nam. Nhà thầu trong nước là tổ chức được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc cá nhân mang quốc tịch Việt Nam tham dự thầu. Cơ quan mua sắm là chủ đầu tư (tổ chức sở hữu vốn hoặc tổ chức được giao thay mặt chủ sở hữu vốn, tổ chức vay vốn trực tiếp quản lý quá trình thực hiện dự án), bên mời thầu (là cơ quan, tổ chức có chuyên môn và năng lực để thực hiện các hoạt động đấu thầu gồm Chủ đầu tư hoặc	Chỉ định thầu là khái niệm có nội dung khác một phần so với quy định của Nghị định 63/2014/NĐ-CP, pháp luật Việt Nam quy định chỉ định thầu là việc chủ đầu tư lựa chọn chỉ 01 nhà thầu, còn theo cam kết thì chỉ định thầu cho phép cơ quan mua sắm lựa chọn một số nhà thầu. Biện pháp (measure): pháp luật đấu thầu VN không có thuật ngữ để chỉ khái niệm cụ thể này tuy nhiên đã có tất cả các quy định pháp luật, pháp quy, văn bản, thông lệ, hành vi hành chính của cơ quan Nhà nước có liên quan tới gói thầu như nội hàm của khái niệm trong Hiệp định. Danh sách sử dụng nhiều lần không được pháp luật đấu thầu trong nước quy định, trừ trường hợp pháp luật về đấu thầu thuộc có quy định nguyên tắc về nội dung này. Thông báo mời thầu theo Hiệp định là thuật ngữ sử dụng chung cho cả trường hợp mời quan tâm, mời sơ tuyển, mời nộp hồ sơ dự thầu. Theo Luật đấu thầu thì chỉ dùng thuật ngữ “thông báo mời thầu” cho mời nộp hồ sơ dự thầu, trường hợp mời quan tâm thì dùng “thông báo mời quan tâm”, mời sơ tuyển thì dùng “thông báo mời sơ tuyển” Tuy nhiên trong tổng thể thì các thuật ngữ trong PLVN đã được bao trùm trong thuật ngữ chung của cam kết. Biện pháp ưu đãi trong nước theo Hiệp định chỉ định nghĩa bản chất, do đó là khái niệm rộng hơn “ưu đãi

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
(b) addresses terminology, symbols, packaging, marking or labelling requirements, as they apply to a good or service.	tổ chức do chủ đầu tư quyết định thành lập hoặc lựa chọn; Đơn vị dự toán trực tiếp sử dụng nguồn vốn mua sắm thường xuyên; Đơn vị mua sắm tập trung; Cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức trực thuộc do cơ quan nhà nước có thẩm quyền lựa chọn) Đăng tải được hiểu việc phổ biến các thông tin về đấu thầu thông qua báo chí hoặc phương tiện điện tử một cách rộng rãi và công chúng dễ dàng tiếp cận. Nhà thầu đáp ứng yêu cầu là nhà thầu đáp ứng điều kiện xét duyệt trúng thầu theo quy định tại Điều 42, 43 của Luật đấu thầu. Đấu thầu hạn chế là hình thức lựa chọn nhà thầu theo đó chủ đầu tư gửi thư mời nhà thầu có tên trong danh sách ngắn đến nhận hồ sơ mời thầu. Dịch vụ bao gồm dịch vụ tư vấn và dịch vụ phi tư vấn, dịch vụ công Nhà thầu là cá nhân/nhóm cá nhân/tổ chức, gồm nhà thầu chính và nhà thầu phụ cung cấp hàng hóa hay dịch vụ hay công trình xây lắp cho chủ đầu tư. Tiêu chuẩn kỹ thuật là các yêu cầu do chủ đầu tư nêu trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu. (Thông tư 01/2015/TT-BKHĐT, Thông tư 03/2015/TT-BKHĐT, Thông tư 05/2015/TT-BKHĐT, Thông tư	trong đấu thầu” theo quy định của Luật đấu thầu. Đấu thầu rộng rãi theo pháp luật VN đã phù hợp với khái niệm này trong Hiệp định Người: pháp luật đấu thầu VN có quy định về khái niệm nhà thầu và tư cách hợp lệ của nhà thầu (là cá nhân hoặc tổ chức) tương ứng phù hợp với cam kết. Cơ quan mua sắm theo pháp luật đấu thầu Việt Nam là chủ đầu tư, bên mời thầu, về bản chất giống với khái niệm nêu trong Hiệp định. Tuy nhiên, do mở cửa thị trường mua sắm hạn chế, danh sách cơ quan mua sắm thuộc phạm vi của Hiệp định này hẹp hơn so với các cơ quan mua sắm theo pháp luật Việt Nam. Đăng tải, Nhà thầu đáp ứng yêu cầu định nghĩa tại pháp luật VN đã phù hợp với Cam kết Đấu thầu hạn chế bản chất giống với hình thức đấu thầu rộng rãi có áp dụng lựa chọn danh sách ngắn theo quy định của pháp luật đấu thầu Việt Nam. Vì vậy khái niệm này đã phù hợp với cam kết trong Hiệp định. Dịch vụ theo quy định của Hiệp định phù hợp với pháp luật đấu thầu Việt Nam. Tiêu chuẩn kỹ thuật: quy định của pháp luật Việt Nam phù hợp với các nội dung nêu trong Hiệp định.

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	11/2015/TT-BKHĐT quy định chi tiết về lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đã có hướng dẫn cụ thể hơn về việc xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật cho phù hợp).	Đề xuất: Sửa đổi, bổ sung các khái niệm trong pháp luật Việt Nam còn vênh/chưa phù hợp với cam kết trong Hiệp định đối với các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định, theo đó sẽ phải sửa đổi các quy định tương ứng về quy trình, thủ tục đấu thầu trong một văn bản riêng hướng dẫn thực hiện Hiệp định về đấu thầu.
Article II Scope and Coverage 1. This Chapter applies to any measure regarding covered procurement, whether or not it is conducted exclusively or partially by electronic means. 2. For the purposes of this Chapter, covered procurement means government procurement: (a) of goods, services, or any combination thereof, as specified in each Party's annexes (b) by any contractual means, including: purchase; lease; and rental, with or without an option to buy; (c) for which the value, as estimated in accordance with paragraphs 6 and 7, equals or exceeds the relevant threshold specified in Parties' annexes to Appendix I, at the time of publication of a notice in accordance with Article VII; and (d) that is not otherwise excluded	PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH Luật đấu thầu (Điều 1): Luật này quy định quản lý nhà nước về đấu thầu; trách nhiệm của các bên có liên quan và các hoạt động đấu thầu, bao gồm: 1. Lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, hàng hóa, xây lắp đối với: a) Dự án đầu tư phát triển sử dụng vốn nhà nước của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập; b) Dự án đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước; c) Dự án đầu tư phát triển không thuộc quy định tại điểm a và điểm b khoản này có sử dụng vốn nhà nước, vốn của doanh nghiệp nhà nước từ	Đánh giá: Nội dung của Hiệp định khác căn bản so với pháp luật đấu thầu trong nước ở những điểm sau: 1. Về phạm vi Luật đấu thầu xác định dự án, dự toán thuộc phạm vi điều chỉnh căn cứ vào “tỷ lệ hoặc giá trị phần vốn nhà nước trong tổng mức đầu tư hoặc dự toán mua sắm”; “cơ quan mua sắm”; và không liệt kê công việc không thuộc phạm vi điều chỉnh. Trong khi đó, Hiệp định xác định loại công việc phải thực hiện theo Hiệp định căn cứ vào (i) ngưỡng giá gói thầu (nêu tại Phần A, B, C Phụ lục); (ii) cơ quan mua sắm (nêu tại Phần A, B, C Phụ lục); (iii) loại hàng hóa, dịch vụ, dịch vụ xây dựng cần mua sắm (nêu tại Phần D, E, F Phụ lục) và liệt kê cụ thể các nội dung không thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định (nêu tại Phần D, E, F, G Phụ lục).

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
from coverage in paragraph 3, or Parties' annexes, or by the effect of any other relevant parts of this Agreement. 3. Except where provided otherwise in a Party's annexes, this Chapter does not apply to: (a) the acquisition or rental of land, existing buildings or other immovable property or the rights thereon; (b) non-contractual agreements or any form of assistance that a Party, including its procuring entities, provides, including cooperative agreements, grants, subsidies, loans, equity infusions, guarantees, fiscal incentives, and in-kind contribution; (c) the procurement or acquisition of fiscal agency or depository services, liquidation and management services for regulated financial institutions or services related to the sale, redemption and distribution of public debt, including loans and government bonds, notes and other securities; (d) public employment contracts; (e) procurement conducted: (i) for the specific purpose of providing international assistance, including development aid; (ii) under the particular procedure or condition of an international organization or funded by international, foreign grants, loans or other assis-	30% trở lên hoặc dưới 30% nhưng trên 500 tỷ đồng trong tổng mức đầu tư của dự án; d) Mua sắm sử dụng vốn nhà nước nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập; đ) Mua sắm sử dụng vốn nhà nước nhằm cung cấp sản phẩm, dịch vụ công; e) Mua hàng dự trữ quốc gia sử dụng vốn nhà nước; g) Mua thuốc, vật tư y tế sử dụng vốn nhà nước; nguồn quỹ bảo hiểm y tế, nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và nguồn thu hợp pháp khác của cơ sở y tế công lập; 2. Lựa chọn nhà thầu thực hiện cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, hàng hóa trên lãnh thổ Việt Nam để thực hiện dự án đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của doanh nghiệp Việt Nam mà dự án đó sử dụng vốn nhà nước từ 30% trở lên hoặc dưới 30% nhưng trên 500 tỷ đồng trong tổng mức đầu tư của dự án; 3. Lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP), dự án đầu tư có sử dụng đất;	Chú ý: - Phạm vi điều chỉnh của Hiệp định sẽ được mở rộng dần theo lộ trình VN nêu trong Cam kết mở cửa. - Việc lựa chọn nhà thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật đấu thầu VN nhưng không thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định. - Việc thực hiện theo hợp đồng BOT hay hợp đồng nhượng quyền; gói thầu sử dụng vốn ODA có yêu cầu áp dụng quy trình hay thủ tục đấu thầu của tổ chức hay nhà tài trợ quốc tế đó không thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định. Tuy nhiên lưu ý nguyên tắc về không phân biệt đối xử và khuyến khích cạnh tranh trong trường hợp nhà tài trợ hoặc tổ chức quốc tế không có quy định hạn chế sự tham dự của các nhà thầu (đối với các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh). 2. Về xác định giá gói thầu - Về nguyên tắc để xác định giá gói thầu, PLVN phù hợp với cam kết tại Hiệp định. Tuy nhiên nội dung nêu trong Hiệp định cụ thể hơn và có điểm khác so với pháp luật đấu thầu VN. Theo quy định của pháp luật Việt Nam, giá gói thầu được xác định phải bao gồm toàn bộ chi phí để thực hiện gói thầu trong toàn bộ thời gian thực hiện như nguyên tắc nêu trong Hiệp định.

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
tance where the recipient Party including its procuring entities is bound to apply particular procedures or conditions imposed by the international organization or other donors for the benefit of international, foreign grants, loans or other assistance. Where the procedures or conditions of the international organization or donor do not restrict the participation of suppliers, the procurement shall be subject to Article 4.1 and .2 (National Treatment and Non- discrimination). (iii) under the particular procedure or condition of an international agreement relating to the stationing of troops or relating to the joint implementation by the signatory countries of a project; 4. Each Party shall specify the following information in its annexes to this Chapter: (a) in Annex 1, the central government entities whose procurement is covered by this Agreement; (b) in Annex 2, the sub-central government entities whose procurement is covered by this Agreement; (c) in Annex 3, other entities whose procurement is covered by this Agreement; (d) in Annex 4, the goods covered by this Agreement; (e) in Annex 5, the services, other	4. Lựa chọn nhà thầu trong lĩnh vực dầu khí, trừ việc lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ dầu khí liên quan trực tiếp đến hoạt động tìm kiếm thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu khí theo quy định của pháp luật về dầu khí. Trong đó Điều 4 của Luật có quy định một số khái niệm có liên quan gồm: Dự án đầu tư phát triển (sau đây gọi chung là dự án) bao gồm: chương trình, dự án đầu tư xây dựng mới; dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng các dự án đã đầu tư xây dựng; dự án mua sắm tài sản, kể cả thiết bị, máy móc không cần lắp đặt; dự án sửa chữa, nâng cấp tài sản, thiết bị; dự án, đề án quy hoạch; dự án, đề tài nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, ứng dụng công nghệ, hỗ trợ kỹ thuật, điều tra cơ bản; các chương trình, dự án, đề án đầu tư phát triển khác. Vốn nhà nước bao gồm vốn ngân sách nhà nước; công trái quốc gia, trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương; vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ; vốn từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp; vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước; vốn tín dụng do Chính phủ bảo lãnh; vốn vay được bảo đảm bằng tài sản của Nhà nước; vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước; giá trị quyền sử dụng đất.	Tuy nhiên, PLVN không hướng dẫn rõ phải bao gồm các nội dung cụ thể như nêu tại điểm b khoản 6 của Hiệp định. Do đó, trong thực tế thực hiện của Việt Nam nhiều trường hợp giá thanh toán hợp đồng bị vượt nhiều so với giá trúng thầu, giá gói thầu do điều chỉnh trong quá trình thực hiện hợp đồng, đặc biệt là điều chỉnh về phạm vi cung cấp theo đó chưa đảm bảo tính minh bạch và công bằng trong đấu thầu. - Việc mua sắm thường xuyên theo quy định của pháp luật VN về cơ bản phù hợp với nguyên tắc tính toán giá tối đa nêu trong cam kết. Đề xuất: Do phạm vi điều chỉnh của Hiệp định chỉ giới hạn ở một số các gói thầu, việc sửa đổi pháp luật đấu thầu chung của VN (áp dụng cho mọi chủ thể) theo Hiệp định là không khả thi và không phù hợp (tương đương với việc mở cửa cho tất cả các đối tác không phải là một bên của Hiệp định). Do đó đề xuất có 01 Văn bản riêng hướng dẫn việc đấu thầu riêng đối với các gói thầu thuộc diện điều chỉnh của Hiệp định (Xem thêm trong Báo cáo Tổng hợp). Liên quan tới Điều II này của Hiệp định, đề xuất đưa vào Văn bản thực thi EVFTA về Mua sắm công này: - 01 Điều về phạm vi điều chỉnh (xác định các gói thầu thuộc diện điều chỉnh của Văn bản này - theo lộ trình tại Hiệp định)

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
than construction services, covered by this Agreement; (f) in Annex 6, the construction services covered by this Agreement; and (g) in Annex 7, any General Notes. 5. Where domestic legislation of a Party allows a covered procurement to be carried out on behalf of the procuring entity by other entities or persons whose procurement is not covered with respect to goods and services concerned, the provisions of this Chapter shall equally apply. <i>Valuation</i> 6. In estimating the value of a procurement for the purpose of ascertaining whether it is a covered procurement, a procuring entity shall: (a) neither divide a procurement into separate procurements nor select or use a particular valuation method for estimating the value of a procurement with the intention of totally or partially excluding it from the application of this Chapter; and (b) include the estimated maximum total value of the procurement over its entire duration, whether this procurement is awarded to one or more suppliers at the same time or over a given period of time, taking into account all forms of remuneration, including: (i) premiums, fees, commissions and interest; and	SỰ TUÂN THỦ Luật đấu thầu (Điều 3) 1. Hoạt động đấu thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này phải tuân thủ quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan. 2. Trường hợp lựa chọn nhà thầu cung cấp nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để bảo đảm tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của doanh nghiệp nhà nước; thực hiện gói thầu thuộc dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư, dự án đầu tư có sử dụng đất của nhà đầu tư được lựa chọn thì doanh nghiệp phải ban hành quy định về lựa chọn nhà thầu để áp dụng thống nhất trong doanh nghiệp trên cơ sở bảo đảm mục tiêu công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế. 3. Đối với việc lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư thuộc dự án có sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi phát sinh từ điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế giữa Việt Nam với nhà tài trợ thì áp dụng theo quy định của điều ước quốc tế và thỏa thuận quốc tế đó. 4. Trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định về lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư khác với quy định của Luật này thì áp dụng theo quy định của điều ước quốc tế đó.	Về cách thức áp dụng: Văn bản này sẽ được ưu tiên áp dụng đối với các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định trong các trường hợp có quy định khác nhau giữa Văn bản này và pháp luật chung về cùng một vấn đề. Trường hợp văn bản này không có quy định thì áp dụng quy định của pháp luật chung về đấu thầu. Chú ý: Liên quan tới pháp luật đấu thầu nói chung, để giải quyết nhiều vướng mắc hiện nay trong thực hiện (liên quan tới việc phải xác định rõ nguồn vốn, xác định công việc đó có thuộc dự án, đề án ... không) cũng như để đơn giản hóa quy định, pháp luật đấu thầu Việt Nam cũng nên tham khảo cách quy định về phạm vi điều chỉnh của Hiệp định để áp dụng đối với quy định về phạm vi điều chỉnh của Luật đấu thầu (cần nhắc việc sửa đổi Luật Đấu thầu trong tương lai) - Quy định cụ thể về cách xác định giá gói thầu (giá gói thầu đối với gói thầu áp dụng mua sắm tập trung, gói thầu chia phần và gói thầu được thực hiện trong một giai đoạn nhất định - gói thầu dùng vốn chi thường xuyên ký hợp đồng dài hạn nhưng thanh toán theo năm).

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
(ii) the total value of any option clause ; 7. In the case of recurring contracts that consist, for an individual requirement for a procurement, in awarding more than one contract, or in awarding contracts in separate parts, the calculation of the estimated maximum total value shall be based on: (a) the value of recurring contracts of the same type of good or service awarded during the preceding 12 months or the procuring entity's preceding fiscal year, adjusted, where possible, to take into account anticipated changes in the quantity or value of the good or service being procured over the following 12 months; or (b) the estimated value of recurring contracts of the same type of good or service to be awarded during the 12 months following the initial contract award or the procuring entity's fiscal year	ĐỊNH GIÁ GÓI THẦU 1. Luật đấu thầu (Điều 4): giá gói thầu là giá trị của gói thầu được phê duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu 2. Nghị định 63/2014/NĐ-CP (Điều 35): a) Giá gói thầu được xác định trên cơ sở tổng mức đầu tư hoặc dự toán (nếu có) đối với dự án; dự toán mua sắm đối với mua sắm thường xuyên. Giá gói thầu được tính đúng, tính đủ toàn bộ chi phí để thực hiện gói thầu, kể cả chi phí dự phòng, phí, lệ phí và thuế. Giá gói thầu được cập nhật trong thời hạn 28 ngày trước ngày mở thầu nếu cần thiết; b) Đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi, giá gói thầu được xác định trên cơ sở các thông tin về giá trung bình theo thống kê của các dự án đã thực hiện trong khoảng thời gian xác định; ước tính tổng mức đầu tư theo định mức suất đầu tư; sơ bộ tổng mức đầu tư; c) Trường hợp gói thầu gồm nhiều phần riêng biệt thì ghi rõ giá ước tính cho từng phần trong giá gói thầu. Thông tư 10/2015/TT-BKHĐT (Mục IV Mẫu số 1 Phụ lục): Việc phân chia dự án thành các gói thầu phải căn cứ vào nội dung dự án, tính chất của công việc, trình tự thực	

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	hiện theo thời gian và theo các nguyên tắc sau: + Đảm bảo tính đồng bộ về mặt kỹ thuật và công nghệ của dự án, không được chia những công việc của dự án thành các gói thầu quá nhỏ, làm mất sự thống nhất, đồng bộ về kỹ thuật và công nghệ; + Đảm bảo tiến độ thực hiện dự án; + Đảm bảo quy mô hợp lý (phù hợp với điều kiện của dự án, năng lực của nhà thầu hiện tại và phù hợp với sự phát triển của thị trường trong nước...); Việc chia dự án thành các gói thầu trái với quy định để thực hiện chỉ định thầu hoặc tạo cơ hội cho số ít nhà thầu tham gia là không phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu.	
Article III Security and General Exceptions 1. Nothing in this Agreement shall be construed to prevent any Party from taking any action or not disclosing any information that it considers necessary for the protection of its essential security interests relating to the procurement of arms, ammunition or war materials, or to procurement indispensable for national security or for national defence purposes. 2. Subject to the requirement that such measures are not applied in a	PLVN không quy định nội dung này	Đánh giá: PLVN không quy định về vấn đề này. Và đây là quyền (Hiệp định cho phép VN được thực hiện hoặc không). Tuy nhiên đây là các ngoại lệ có lợi cho VN khi thực thi Hiệp định, vì vậy VN cần cân nhắc đưa các ngoại lệ này vào pháp luật nội địa và áp dụng khi cần thiết.

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
manner that would constitute a means of arbitrary or unjustifiable discrimination between Parties where the same conditions prevail or a disguised restriction on international trade, nothing in this Agreement shall be construed to prevent any Party from imposing or enforcing measures: (a) necessary to protect public morals, order or safety; (b) necessary to protect human, animal or plant life or health; (c) necessary to protect intellectual property; or (d) relating to goods or services of persons with disabilities, philanthropic institutions, non-profit institutions carrying out philanthropic activities or prison labour.		Đề xuất: Đưa các nội dung của Điều này vào Điều khoản về phạm vi điều chỉnh (với tính chất là các ngoại lệ) trong Văn bản hướng dẫn thực thi Hiệp định.
Article IV General Principles National Treatment and Non-Discrimination 1. With respect to any measure regarding covered procurement, each Party, including its procuring entities, shall accord immediately and unconditionally to the goods and services of the other Party and to the suppliers of the other Party offering the goods or services of both Parties, treatment no less favourable than	HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU Luật đấu thầu Điều 20.2. Đấu thầu rộng rãi được áp dụng cho các gói thầu, dự án thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này, trừ trường hợp quy định tại các Điều 21 (đấu thầu hạn chế), 22 (chỉ định thầu), 23 (chào hàng cạnh tranh), 24 (mua sắm trực tiếp), 25 (tự thực hiện), 26 (lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt) và 27 (tham gia thực hiện của cộng đồng) của Luật này.	Đánh giá: 1. Về nội dung Đối xử quốc gia và không phân biệt đối xử Theo pháp luật Việt Nam, hàng hóa và nhà thầu Việt Nam sẽ được hưởng những ưu đãi nhất định như nêu tại Điều 14 Luật đấu thầu. Hay nói cách khác pháp luật trong nước chưa đáp ứng được các nguyên tắc chung nêu trong Hiệp định.

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
the treatment the Party, including its procuring entities, accords to domestic goods, services and suppliers; 2. With respect to any measure regarding covered procurement, a Party, including its procuring entities, shall not: (a) treat a locally established supplier less favourably than another locally established supplier on the basis of the degree of foreign affiliation or ownership; or (b) discriminate against a locally established supplier on the basis that the goods or services offered by that supplier for a particular procurement are goods or services of the other Party Compliance and Conduct of Procurement 3. Each Party shall ensure that its procuring entities comply with this Chapter in conducting covered procurements. 4. A procuring entity shall conduct covered procurement in a transparent and impartial manner that: (a) is consistent with this Chapter, using one of the following methods: open tendering, selective tendering or limited tendering; (b) avoids conflicts of interest and prevents corrupt practices, in accordance with relevant domestic laws.	SỬ DỤNG PHƯƠNG TIỆN ĐIỆN TỬ Luật đấu thầu: Điều 8 quy định các thông tin về đấu thầu phải được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Điều 60. LO. 8 quy định các thông tin về đấu t 1. Khi thực hiện lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư qua mạng, các nội dung và quy trình sau đây được thực hiện trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia: a) Đăng tải thông tin về đấu thầu theo quy định tại Điều 8 của Luật này; b) Đăng tải hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; c) Nộp bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, thỏa thuận liên danh; d) Nộp, rút hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; đ) Mở thầu; e) Đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; g) Ký kết, thanh toán hợp đồng; h) Các nội dung khác có liên quan. Điều 61. Yêu cầu nội dung khác có liên quan. dự sơ tuyển, hồ	2. Về sự tuân thủ Pháp luật đấu thầu của VN cơ bản tương thích với các yêu cầu về tuân thủ trong khoản 3,5 Điều này của Hiệp định. Khoản 5 là quyền, không phải nghĩa vụ 3. Sử dụng phương tiện điện tử: Pháp luật VN về cơ bản đã đáp ứng các cam kết nêu tại Khoản 6,7 Hiệp định.. 4. Quy tắc xuất xứ Thực tế việc quy định và áp dụng nguyên tắc về xuất xứ trong đấu thầu được tuân thủ theo quy định chung về xuất xứ trong Luật Thương mại. Vì vậy đã phù hợp với Hiệp định; 5. Biện pháp ưu đãi trong nước: Hiện tại pháp luật VN về vấn đề này chưa phù hợp với cam kết (PLVN vẫn có các quy định về ưu đãi trong nước). Tuy nhiên, theo các Phụ lục của Hiệp định, Việt Nam được áp dụng thời kỳ chuyển đổi (lộ trình) nên nguyên tắc ưu đãi trong nước nêu tại Điều này chỉ phải áp dụng sau khi kết thúc thời gian chuyển đổi. Và vì vậy khi hết thời gian chuyển đổi, VN sẽ phải điều chỉnh pháp luật áp dụng cho các gói thầu thuộc diện điều chỉnh của Hiệp định cho phù hợp với Hiệp định.

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
5. Nothing in this Chapter shall prevent a Party, including its procuring entities, from developing new procurement policies, procedures, or contractual means, provided that they are not inconsistent with this Chapter. Use of Electronic Means 6. The Parties shall seek to provide opportunities for covered procurement to be undertaken through electronic means, including for the publication of procurement information, notices and tender documentation, and for the receipt of tenders and by using electronic auctions where appropriate. 7. When conducting covered procurement by electronic means, a procuring entity shall: (a) ensure that the procurement is conducted using information technology systems and software, including those related to authentication and encryption of information, that are generally available and interoperable with other generally available information technology systems and software; and (b) maintain mechanisms that ensure the integrity of requests for participation and tenders, including establishment of the time of receipt and the prevention of inappropriate access.	1. Công khai, không hạn chế truy cập, tiếp cận thông tin. 2. Người sử dụng nhận biết được thời gian thực khi truy cập vào hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Thời gian trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia là thời gian thực và là thời gian chuẩn trong đấu thầu qua mạng. 3. Hoạt động liên tục, thống nhất, ổn định, an toàn thông tin, có khả năng xác thực người dùng, bảo mật và toàn vẹn dữ liệu. 4. Thực hiện ghi lại thông tin và truy xuất được lịch sử các giao dịch trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. 5. Bảo đảm nhà thầu, nhà đầu tư không thể gửi hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất đến bên mời thầu sau thời điểm đóng thầu. Thông tư liên tịch 07/2015/TT-BKHĐT-BTC: Điều 9. Đối với bên mời thầu đã đăng ký tham gia HTMĐTQG thì phải tự đăng tải thông tin trên HTMĐTQG. Điều 37 quy định cụ thể về lộ trình áp dụng lựa chọn nhà thầu qua mạng, bắt đầu thực hiện từ năm 2016.	Đề xuất: Các nội dung mà pháp luật trong nước hiện không có quy định hoặc quy định khác cần được hướng dẫn riêng trong Văn bản cho các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định.

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
<i>Rules of Origin</i> 8. Each Party shall apply to covered procurement of goods or services imported or supplied from the other Party the rules of origin it applies or may apply at the same time in the normal course of trade to imports or supplies of the same goods or services from the same Party. Offsets 9. With regard to covered procurement and subject to the relevant Annex pertaining to this Chapter, a Party, including its procuring entities, shall not seek, take account of, impose or enforce any offset. Measures Not Specific to Procurement 10. Paragraphs 1 and 2 shall not apply to: customs duties and charges of any kind imposed on, or in connection with, importation; the method of levying such duties and charges; other import regulations or formalities and measures affecting trade in services other than measures governing covered procurement.	BIỆN PHÁP ƯU ĐÃI TRONG NƯỚC Luật đấu thầu Điều 14. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu 1. Nhà thầu được hưởng ưu đãi khi tham gia đấu thầu trong nước hoặc đấu thầu quốc tế để cung cấp hàng hóa mà hàng hóa đó có chi phí sản xuất trong nước chiếm tỷ lệ từ 25% trở lên. 2. Đối tượng được hưởng ưu đãi khi tham gia đấu thầu quốc tế để cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, xây lắp bao gồm: a) Nhà thầu trong nước tham dự thầu với tư cách độc lập hoặc liên danh; b) Nhà thầu nước ngoài liên danh với nhà thầu trong nước mà nhà thầu trong nước đảm nhận từ 25% trở lên giá trị công việc của gói thầu. 3. Đối tượng được hưởng ưu đãi khi tham gia đấu thầu trong nước để cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, xây lắp bao gồm: a) Nhà thầu có từ 25% trở lên số lượng lao động là nữ giới; b) Nhà thầu có từ 25% trở lên số lượng lao động là thương binh, người khuyết tật; c) Nhà thầu là doanh nghiệp nhỏ.	

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
Article V Information on the Procurement System 1. Each Party shall: (a) promptly publish any measure of general application, including standard contract clause mandated by law or regulation, regarding covered procurement in officially designated electronic or paper medium; and (b) provide, to the extent possible, an explanation thereof to any Party, on request. 2. Each Party shall list in Annex X the paper or electronic medium through which the Party publishes the information described in paragraph 1 and the notices required by Articles 6, 8.7 and 16.2	PL không quy định nội dung này	Đánh giá: Pháp luật Việt Nam chưa có quy định về vấn đề này, vì vậy chưa đáp ứng yêu cầu của Hiệp định. Đề xuất: Có quy định riêng về các vấn đề này trong Văn bản về đấu thầu đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định.
Article VI Notices Notice of Intended Procurement 1. For each covered procurement, except in the circumstances described in Article XIII (Limited Tendering-related provisions) a procuring entity shall publish a notice of intended procurement in the appropriate paper or electronic medium listed in Annex X at least until expiration of the time-period indicated in the notice in the case of electronic medium. The notices shall: (a) for procuring entities covered	Luật đấu thầu: Điều 8 quy định đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này áp dụng đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh, có áp dụng sơ tuyển, mời quan tâm thì phải đăng tải thông báo mời thầu, mời chào hàng, mời sơ tuyển hay mời quan tâm trên Báo đấu thầu và HTMĐTQG. Thông báo này được đăng 01 kỳ trên Báo đấu thầu. Thông tư liên tịch 07/2015/TT-BKHĐT-BTC: Mẫu số 7 Phụ lục II hướng dẫn thông	Đánh giá: 1. Về đăng tải thông tin mời thầu PLVN về cơ bản có nhiều điểm tương thích như phương tiện đăng tải phù hợp, có yêu cầu đăng tải cả kế hoạch lựa chọn nhà thầu và các thông báo mời thầu, cá nhân có nhu cầu được tiếp cận miễn phí thông báo mời thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, đối với đấu thầu quốc tế thì phải đăng thông báo mời thầu bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh. Chú ý là một số cam kết liên quan là không bắt buộc (ví dụ Hiệp định liên

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
under Annex 1, be accessible by electronic means free of charge through a single point of access, for at least any minimum period of time specified in Appendix III; and (b) for procuring entities covered under Annex 2 or 3, where accessible by electronic means, be provided, at least, through links in a single gateway electronic site that is accessible free of charge. Parties, including their procuring entities covered under Annex 2 or 3, are encouraged to publish their notices by electronic means free of charge through a single point of access. Annex 9a 1. Article VI (Notices): Notwithstanding the requirement in Article VI.1 that the notices of intended procurement are accessible by electronic means free of charge through a single point of access or links in a single gateway electronic site, Vietnam may allow its procuring entities not to publish these notices by electronic means no longer than ten years from the entry into force of this Agreement. Vietnam may charge a fee for the access to these notices of intended procurement, when these notices are already made accessible by electronic means during this period. 2. Except as otherwise provided for in this Chapter, each notice of in-	báo mời thầu bao gồm các thông tin sau đây: 1. Tên Bên mời thầu 2. Tên gói thầu - Loại gói thầu: - Giá gói thầu - Nội dung chính của gói thầu - Thời gian thực hiện hợp đồng 3. Tên dự án (hoặc tên dự toán mua sắm đối với mua sắm thường xuyên) 4. Nguồn vốn 5. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước hay quốc tế 6. Phương thức lựa chọn nhà thầu 7. Thời gian phát hành HSMT 8. Địa điểm phát hành HSMT 9. Giá bán 01 bộ HSMT 10. Bảo đảm dự thầu 11. Thời điểm đóng thầu 12. Thời điểm mở thầu Điều 9 quy định đối với gói thầu, dự án tổ chức đấu thầu quốc tế, thông báo mời quan tâm, thông báo mời sơ tuyển, thông báo mời thầu, thông báo mời chào hàng, danh sách ngắn, kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư và thông báo hủy, gia hạn, điều chỉnh, đính chính các thông tin đã đăng tải (nếu có) phải thực hiện	quan quy định nghĩa vụ đăng tải trên báo giấy hoặc phương tiện điện tử chứ không bắt buộc phải là phương tiện điện tử) hoặc có lộ trình (ví dụ với nghĩa vụ nếu dùng phương tiện điện tử thì phải đảm bảo đó là một trang thông tin điện tử duy nhất và việc tiếp cận thông tin là miễn phí, Việt Nam bảo lưu nghĩa vụ này 10 năm). Do đó PLVN vẫn được xem là đã tương thích với các cam kết liên quan của Hiệp định. Tuy nhiên, hiện PLVN còn một số nội dung chưa hoàn toàn phù hợp (ví dụ như nội dung cần đăng tải trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu, thông báo mời thầu. - Các nội dung cần đăng tải theo quy định của pháp luật đấu thầu VN ít hơn các nội dung bắt buộc đăng tải theo cam kết. Tuy nhiên, do Việt Nam được bảo lưu nghĩa vụ này trong 10 năm, cho đến trước khi hết thời hạn bảo lưu này, PLVN không phải tuân thủ cam kết, vì vậy được coi là đã tương thích với Hiệp định - Về thông báo mời thầu tóm tắt/sơ lược: PLVN chưa có quy định này. Đánh giá khái quát thì nội dung thông tin đấu thầu của thông báo mời thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu VN mới chỉ tương ứng với thông báo mời thầu tóm tắt trong Hiệp định này. Tuy nhiên do VN bảo lưu lộ trình thực hiện nghĩa vụ này là 05 năm nên cơ bản PLVN hiện vẫn tương thích với cam kết này.

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
tended procurement shall include: (a) the name and address of the procuring entity and other information necessary to contact the procuring entity and obtain all relevant documents relating to the procurement, including information on the cost and terms of payment, of obtaining these documents, if any; (b) a description of the procurement, including the nature and the quantity of the goods or services to be procured or, where the quantity is not known, the estimated quantity; (c) if possible, for recurring contracts, an estimate, of the timing of subsequent notices of intended procurement; (d) where appropriate, a description of any options; (e) the time-frame for delivery of goods or services or the duration of the contract; (f) the procurement method that will be used and, where appropriate, whether it will involve negotiation or electronic auction; (g) where applicable, the address and any final date for the submission of requests for participation in the procurement; (h) the address and final date for the submission of tenders; (i) the language or languages in	đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, Báo Đấu thầu bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Ngoài trách nhiệm cung cấp thông tin quy định tại Khoản này, bên mời thầu có trách nhiệm đăng tải thông báo mời sơ tuyển quốc tế (đối với lựa chọn nhà đầu tư) lên trang thông tin điện tử hoặc tờ báo bằng tiếng Anh được phát hành rộng rãi tại Việt Nam. Thông báo kế hoạch lựa chọn nhà thầu Thông tư liên tịch 07/2015/TTLT-BKHĐT-BTC: Điều 9 quy định Bên mời thầu tự đăng tải kế hoạch lựa chọn nhà thầu lên HTMĐTQG trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ ngày văn bản phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư được ban hành. Nội dung đăng tải trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu bao gồm tên gói thầu, giá gói thầu, nguồn vốn, hình thức lựa chọn nhà thầu, thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu, loại hợp đồng, thời gian thực hiện hợp đồng.	- Về việc thu phí: Hiện pháp luật Việt Nam vẫn thu phí đăng tải thông báo mời thầu trên Báo đấu thầu, đồng thời thu phí bán hồ sơ mời thầu. Riêng đối với đấu thầu qua mạng, pháp luật Việt Nam không thu phí bán hồ sơ mời thầu, mà thu phí nộp hồ sơ dự thầu của nhà thầu. Tuy nhiên do Hiệp định chỉ yêu cầu không thu phí đối với thông báo mời thầu đăng tải bằng phương tiện điện tử, vì vậy, PLVN phù hợp với cam kết của Hiệp định. Xu hướng pháp luật trong nước có nhiều nội dung tương đồng với nội dung Hiệp định như khuyến khích nhà thầu đăng tải thông tin đấu thầu trên mạng hơn trên báo giấy, khi đăng tải thông báo mời thầu trên mạng đính kèm theo hồ sơ mời thầu, hồ sơ mời thầu được phát hành miễn phí nhưng khi nhà thầu nộp hồ sơ dự thầu cần thiết sẽ phải nộp một mức phí theo yêu cầu của bên mời thầu. 2. Về thông báo kế hoạch lựa chọn nhà thầu Hiệp định yêu cầu việc đăng tải kế hoạch lựa chọn nhà thầu càng sớm càng tốt vào đầu năm tài chính liên quan. Trong khi đó PLVN quy định phải đăng tải thông tin này trong tối đa 7 ngày làm việc kể từ ngày kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt (không nhất định vào đầu năm). Tuy nhiên, do quy định này của Hiệp định không phải nêu rõ thời

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
which tenders or requests for participation may be submitted, if they may be submitted in a language other than an official language of the Party of the procuring entity; (j) a list and brief description of any conditions for participation of suppliers, including, where appropriate, any requirements for specific documents or certifications to be provided by suppliers in connection therewith, unless such requirements are included in tender documentation that is made available to all interested suppliers at the same time as the notice of intended procurement; (k) where, pursuant to Article VIII, a procuring entity intends to select a limited number of qualified suppliers to be invited to tender, the criteria that will be used to select them and, where applicable, any limitation on the number of suppliers that will be permitted to tender; and (l) an indication that the procurement is covered by this Chapter. Annex 9a 2. Article VI (Notices): Notwithstanding the requirement in Article VI.2 that a notice of intended procurement includes a list and a brief description of any conditions for participation of suppliers and limitations on the number of qualified supplier to be invited to tender, unless		gian (mà chỉ yêu cầu “càng sớm càng tốt”) nên PLVN cơ bản không trái với Hiệp định. 3. Về việc cho phép nhà thầu dựa vào kế hoạch lựa chọn nhà thầu để chuẩn bị các nội dung tham gia thầu (khoản 6) Nội dung đăng tải trong Kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định của PLVN chỉ gồm những thông tin rất cơ bản về gói thầu, do đó chưa thể cho phép nhà thầu sử dụng kế hoạch này để chuẩn bị các công việc, nội dung tham gia thầu. Tuy nhiên do Hiệp định không coi đây là nghĩa vụ bắt buộc thực hiện (chỉ bắt buộc điều kiện nếu thực hiện) nên về cơ bản PLVN đã tuân thủ Hiệp định. Đề xuất: Bổ sung vào Văn bản thực thi EVFTA về mua sắm công (áp dụng riêng cho các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định) các quy định phù hợp yêu cầu của Hiệp định về nội dung thông báo mời thầu, trong đó lưu ý công khai đối với nội dung về điều kiện tham dự thầu, tiêu chí lựa chọn nhà thầu và số lượng nhà thầu trong danh sách ngắn. Trong lâu dài, cần cân nhắc để sửa đổi quy định của pháp luật đấu thầu trong nước theo nội dung cơ bản nêu trong Điều này của Hiệp định để tăng cường tính minh bạch trong hoạt động đấu thầu (ít nhất đối với các gói thầu tổ chức đấu thầu qua

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
such information is included in tender documentation that is made available to all interested suppliers at the same time as the notice of intended procurement, Vietnam may allow its procuring entities to omit such information from notices of intended procurement no longer than ten years from the entry into force of this Agreement. For greater certainty, during this period, procuring entities shall provide such information in tender documentation in accordance with Article X.1 (b). <i>Summary Notice</i> 3. For each case of intended procurement, a procuring entity shall publish a summary notice in English that is readily accessible free of charge through an electronic medium listed in Annex X at the same time as the publication of the notice of intended procurement .The summary notice shall contain at least the following information: (a) the subject-matter of the procurement; (b) the final date for the submission of tenders or, where applicable, any final date for the submission of requests for participation in the procurement or for inclusion on a multi-use list;and (c) the address from which documents relating to the procurement may be requested.		mạng do không làm phát sinh chi phí quá lớn cho cơ quan Nhà nước liên quan).

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
Annex 9a 3. Article VI (Notices): Notwithstanding the requirement in Article VI.3 that a procuring entity publishes a summary notice in English, Vietnam may delay the implementation of this obligation for five years after the entry into force of this Agreement. 4. The EU Party shall provide technical and financial assistance in order to develop, establish and maintain the automatic system for the translation and publication of summary notices in English. This cooperation is addressed in ... of this Chapter/Agreement. The implementation of this provision is subject to the materialisation of the initiative on technical and financial assistance for the development, establishment and maintenance of automatic system for the translation and publication of summary notices in English in Vietnam. Notice of Planned Procurement 5. Procuring entities are encouraged to publish as early as possible in each fiscal year a notice regarding their future procurement plans (hereinafter referred to as “notice of planned procurement”), which should include the subject-matter of the procurement and the planned date of the publication of the notice of intended procurement. 6. A procuring entity covered under		

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
Annex 2 or 3 may use a notice of planned procurement as a notice of intended procurement provided that the notice of planned procurement includes as much of the information referred to in paragraph 2 as is available to the entity and a statement that interested suppliers should express their interest in the procurement to the procuring entity.		
Article VII Conditions for Participation 1. A procuring entity shall limit any conditions for participation in a covered procurement to those that ensure that a supplier has the legal and financial capacities and the commercial and technical abilities to undertake that procurement. 2. In establishing the conditions for participation, a procuring entity: (a) shall not impose the condition that, in order for a supplier to participate in a procurement, the supplier has previously been awarded one or more contracts by a procuring entity of a given Party or that the supplier has prior work experience in the territory of that Party; (b) may require relevant prior experience where essential to meet the requirements of the procurement. 3. In assessing whether a supplier	Luật đấu thầu: Điều 5. Tư cách hợp lệ của nhà thầu, nhà đầu tư 1. Nhà thầu, nhà đầu tư là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: a) Có đăng ký thành lập, hoạt động do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu, nhà đầu tư đang hoạt động cấp; b) Hạch toán tài chính độc lập; c) Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật; d) Đã đăng ký trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; đ) Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại Điều 6 của Luật này;	Đánh giá: Theo nội dung nêu trong Hiệp định, điều kiện tham dự thầu phải được giới hạn ở các yêu cầu thuộc về năng lực pháp lý, tài chính, năng lực kỹ thuật và thương mại, trong trường hợp cần thiết có thể yêu cầu kinh nghiệm liên quan để đáp ứng yêu cầu của gói thầu nhưng không được áp đặt điều kiện về kinh nghiệm. PLVN đã có quy định với nội hàm tương tự như cam kết nêu trên (trong đó các điều kiện tham dự thầu được hiểu là các điều kiện ở tất cả các bước từ bước đánh giá tính hợp lệ của HSDT đến hết bước đánh giá về kỹ thuật) mặc dù có tên gọi hoặc các quy định chi tiết bề ngoài không hoàn toàn trùng khớp với các tiêu chí liệt kê trong Hiệp định. Pháp luật trong nước đã có quy định phù hợp với các nguyên tắc về cách thức đánh giá điều kiện dự thầu nêu tại khoản 3 của Hiệp định.

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
satisfies the conditions for participation, a procuring entity: (a) shall evaluate the financial capacity and the commercial and technical abilities of a supplier on the basis of that supplier's business activities both inside and outside the territory of the Party of the procuring entity; and (b) shall base its evaluation solely on the conditions that the procuring entity has specified in advance in notices or tender documentation. 4. Where there is supporting evidence, a Party, including its procuring entities, may exclude a supplier on grounds such as: (a) bankruptcy; (b) false declarations; (c) significant or persistent deficiencies in performance of any substantive requirement or obligation under a prior contract or contracts; (d) final judgments by judicial court in respect of serious crimes or other serious offences; (e) evidences of grave professional misconduct; or (f) failure to pay taxes.	e) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu; g) Có tên trong danh sách ngăn đối với trường hợp đã lựa chọn được danh sách ngăn; h) Phải liên danh với nhà thầu trong nước hoặc sử dụng nhà thầu phụ trong nước đối với nhà thầu nước ngoài khi tham dự thầu quốc tế tại Việt Nam, trừ trường hợp nhà thầu trong nước không đủ năng lực tham gia vào bất kỳ phần công việc nào của gói thầu. 2. Nhà thầu, nhà đầu tư là cá nhân có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật của nước mà cá nhân đó là công dân; b) Có chứng chỉ chuyên môn phù hợp theo quy định của pháp luật; c) Đăng ký hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật; d) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đ) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu. 3. Nhà thầu, nhà đầu tư có tư cách hợp lệ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được tham dự thầu với tư cách độc lập hoặc liên danh; trường hợp liên danh phải có văn bản thỏa thuận giữa các thành viên, trong đó quy định rõ trách nhiệm của thành viên đứng đầu liên	Các lý do để loại nhà thầu nêu ở Khoản 4 của Hiệp định cũng được quy định trong các điều cấm, các tiêu chuẩn đánh giá của mẫu hồ sơ mời thầu do Bộ KH&ĐT ban hành. Chú ý: Quy định hiện tại trong PLVN về điều kiện nhà thầu nước ngoài tham dự thầu phải liên danh với nhà thầu trong nước hoặc sử dụng nhà thầu phụ trong nước là không phù hợp với cam kết tại Hiệp định. Đề xuất: Quy định cụ thể trong Văn bản thực thi EVFTA về Mua sắm công về các điều kiện tham dự thầu tương tự như cách quy định tại Hiệp định (đặc biệt là điều kiện tham dự thầu về kinh nghiệm, về bảo đảm cạnh tranh để tránh cách hiểu/giải thích pháp luật nội địa khác với Hiệp định).

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	danh và trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên trong liên danh. Thông tư 01/2015/TT-BKHĐT; Thông tư 03/2015/TT-BKHĐT; Thông tư 05/2015/TT-BKHĐT; Thông tư 11/2015/TT-BKHĐT	
Article VIII Qualification of Suppliers Registration Systems and Qualification Procedures 1. A Party may maintain a supplier registration system under which interested suppliers are required to register and provide certain information. 2. Each Party shall ensure that: (a) its procuring entities make efforts to minimize differences in their qualification procedures; and (b) where its procuring entities maintain registration systems, the entities make efforts to minimize differences in their registration systems. 3. A Party shall not adopt or apply any registration system or qualification procedure: (a) with the purpose or the effect of creating unnecessary obstacles to the participation of suppliers of the other Party in its procurement ; or (b) use such registration system or qualification procedure to prevent or	Luật đấu thầu: Điểm d Điều 5 về Tư cách hợp lệ của nhà thầu có quy định nhà thầu đã đăng ký trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Thông tư liên tịch 07/2015/TTLT-BKHĐT-BTC Điều 37. Hướng dẫn thi hành 1. Lộ trình đăng ký thông tin nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia Bắt đầu từ ngày 01/7/2016, trước thời điểm đóng thầu 02 ngày làm việc, nhà thầu, nhà đầu tư chưa có xác nhận đăng ký thông tin trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia không được tham dự thầu đối với các gói thầu, dự án có hình thức lựa chọn nhà thầu quy định tại các Điều 20, 21, 22, 23, 24, 25 và 26 của Luật Đấu thầu. Điều 21. Đấu thầu hạn chế Đấu thầu hạn chế được áp dụng trong trường hợp gói thầu có yêu cầu cao về kỹ thuật hoặc kỹ thuật có tính đặc thù mà chỉ có một số nhà	Đánh giá: 1. Về Hệ thống đăng ký nhà thầu PLVN quy định về việc nhà thầu được đánh giá đủ tư cách hợp lệ tham dự thầu khi đăng ký nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Theo đó các thông tin về nhà thầu, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu sẽ được đăng tải công khai trên mạng bắt buộc từ tháng 7/2016. Quy định này của pháp luật trong nước phù hợp với nội dung tại khoản 1 và 2 Hiệp định về Hệ thống đăng ký và quy trình đánh giá năng lực. Tuy nhiên, khi thực thi Hệ thống này, cần lưu ý đảm bảo các yêu cầu cam kết tại Khoản 3 Điều này (đảm bảo Hệ thống không tạo ra cản trở, chậm trễ không cần thiết...). 2. Về đấu thầu hạn chế PLVN và Hiệp định sử dụng thuật ngữ khá tương tự nhau (đấu thầu hạn chế/lựa chọn) nhưng có nội hàm khác nhau. Cụ thể: hình thức đấu thầu hạn chế quy định trong Hiệp định có quy trình, thủ tục thực hiện tương tự với hình thức đấu

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
delay the inclusion of suppliers of the other Party on a list of suppliers or prevent such suppliers from being considered for a particular procurement <i>Selective Tendering</i> 4. Where a procuring entity intends to use selective tendering, the entity shall: (a) include in the notice of intended procurement at least the information specified in Article VI:2(a), (b), (f), (g), (j), (k) and (l) and invite suppliers to submit a request for participation; and (b) provide, by the commencement of the time-period for tendering, at least the information in Article VI:2 (c), (d), (e), (h) and (i) to the qualified suppliers that it notifies as specified in Article XI 3(b). 5. The procuring entity shall: (a) publish the notice sufficiently in advance of the procurement to allow for interested suppliers to request participation in the procurement; (b) allow all qualified suppliers to submit a tender, unless the entity has stated in the notice of intended procurement a limitation on the number of suppliers that will be permitted to tender and the criteria for selecting the limited number of suppliers.	thầu đáp ứng yêu cầu của gói thầu. Nghị định 63/2014/NĐ-CP: Điều 22. Lựa chọn danh sách ngắn Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, có thể áp dụng thủ tục lựa chọn danh sách ngắn nhằm lựa chọn các nhà thầu có đủ năng lực và kinh nghiệm theo yêu cầu của gói thầu để mời tham gia đấu thầu. Việc áp dụng thủ tục lựa chọn danh sách ngắn do người có thẩm quyền quyết định và phải được ghi rõ trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu. 1. Đối với đấu thầu rộng rãi: a) Lập hồ sơ mời sơ tuyển: - Hồ sơ mời sơ tuyển bao gồm các nội dung sau đây: Thông tin tóm tắt về dự án, gói thầu; chỉ dẫn việc chuẩn bị và nộp hồ sơ dự sơ tuyển; tiêu chuẩn về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu; - Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển. Trong tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển phải quy định mức tối thiểu để đánh giá là đạt đối với từng nội dung về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu; b) Việc phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển phải bằng văn bản và căn cứ vào tờ trình phê duyệt, báo cáo thẩm định hồ sơ mời sơ tuyển; c) Thông báo mời sơ tuyển thực hiện theo quy định tại Điểm d Khoản 1	thầu rộng rãi có lựa chọn danh sách ngắn theo PLVN (Nghị định số 63/2014/NĐ-CP). Tuy nhiên các thông tin cần thiết trong thông báo mời quan tâm, thông báo mời sơ tuyển theo quy định của pháp luật đấu thầu VN chưa đầy đủ nội dung như cam kết nêu tại Hiệp định. 3. Về danh sách nhà thầu sử dụng nhiều lần PLVN hiện không có quy định về Danh sách nhà thầu được sử dụng nhiều lần như nội dung trong Hiệp định, trừ đối với lĩnh vực y tế trong Nghị định có nêu nguyên tắc để triển khai áp dụng nội dung này. Tuy nhiên việc duy trì Danh sách này không phải là yêu cầu bắt buộc của Hiệp định, vì vậy PLVN được xem như đã thỏa mãn Hiệp định về vấn đề này. 4. Về thông báo quyết định của cơ quan mua sắm Pháp luật Việt Nam đã đáp ứng quy định của Hiệp định về thông báo quyết định của cơ quan mua sắm. Đề xuất: Về hệ thống đăng ký: Cần nhắc bổ sung vào PL hiện hành để quy định rõ về những lưu ý khi yêu cầu nhà thầu đăng ký tham gia đấu thầu và đánh giá năng lực nhà thầu như nêu tại Khoản 3 Điều này.

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
6. Where the tender documentation is not made publicly available from the date of publication of the notice referred to in paragraph 4, a procuring entity shall ensure that those documents are made available at the same time to all the qualified suppliers selected in accordance with paragraph 5. 7. A procuring entity may maintain a multi-use list of suppliers, provided that a notice inviting interested suppliers to apply for inclusion on the list is: (a) published annually; and (b) where published by electronic means, made available continuously, in the appropriate medium listed in Annex X. 8. The notice provided for in paragraph 8 shall include: (a) a description of the goods or services, or categories thereof, for which the list may be used; (b) the conditions for participation to be satisfied by suppliers for inclusion on the list and the methods that the procuring entity will use to verify that a supplier satisfies the conditions; (c) the name and address of the procuring entity and other information necessary to contact the entity and obtain all relevant documents relating to the list;	Điều 7 và Điểm b Khoản 1 hoặc Điểm a Khoản 2 Điều 8 của Nghị định này; d) Phát hành hồ sơ mời sơ tuyển: Hồ sơ mời sơ tuyển được phát hành miễn phí cho các nhà thầu tới trước thời điểm đóng thầu; đ) Tiếp nhận và quản lý hồ sơ dự sơ tuyển: Bên mời thầu tiếp nhận và quản lý các hồ sơ dự sơ tuyển đã nộp theo chế độ quản lý hồ sơ mật cho đến khi công khai kết quả sơ tuyển; e) Mở và đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển: - Hồ sơ dự sơ tuyển nộp theo thời gian và địa điểm quy định trong hồ sơ mời sơ tuyển sẽ được mở ngay sau thời điểm đóng thầu. Việc mở hồ sơ dự sơ tuyển phải được ghi thành biên bản và gửi biên bản mở thầu cho các nhà thầu nộp hồ sơ dự sơ tuyển. Hồ sơ dự sơ tuyển được gửi đến sau thời điểm đóng thầu sẽ không được mở, không hợp lệ và bị loại; - Việc đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá quy định trong hồ sơ mời sơ tuyển. Nhà thầu có hồ sơ dự sơ tuyển được đánh giá đạt ở tất cả các nội dung về năng lực và kinh nghiệm được đưa vào danh sách ngắn. g) Trình, thẩm định và phê duyệt kết quả sơ tuyển:	Về danh sách sử dụng nhiều lần: Mặc dù việc xây dựng danh sách này không phải nghĩa vụ bắt buộc nhưng đây là cách thức hợp lý, thuận tiện, có thể áp dụng thử nghiệm trước hết với các gói thầu thuộc diện điều chỉnh của Hiệp định. Vì vậy, đề xuất đưa quy định về việc áp dụng danh sách nhà thầu sử dụng nhiều lần vào Văn bản riêng thực thi EVFTA về Mua sắm công (cho các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định). Về đấu thầu hạn chế Đề xuất có hướng dẫn trong Văn bản riêng thực thi EVFTA về Mua sắm công về hình thức đấu thầu hạn chế tương ứng như quy định về đấu thầu rộng rãi có lựa chọn danh sách ngắn (mời sơ tuyển, quan tâm) nêu trong Nghị định số 63/2014/NĐ-CP. Cụ thể, quy định rõ nội dung thông tin cần phải được nêu trong thông báo mời sơ tuyển, mời quan tâm và thông tin cần cung cấp cho nhà thầu vào thời gian bắt đầu đấu thầu.

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
(d) the period of validity of the list and the means for its renewal or termination, or where the period of validity is not provided, an indication of the method by which notice will be given of the termination of use of the list; and (e) an indication that the list may be used for procurement covered by this Agreement. 10. Notwithstanding paragraph 8, where a multi-use list will be valid for three years or less, a procuring entity may publish the notice referred to in paragraph 8 only once, at the beginning of the period of validity of the list, provided that the notice: (a) states the period of validity and that further notices will not be published; and (b) is published by electronic means and is made available continuously during the period of its validity. 11. A procuring entity shall allow all suppliers included in a multi-use list to submit tenders for a relevant procurement. 12. A procuring entity shall allow suppliers to apply at any time for inclusion on a multi-use list and shall include on the list all qualified suppliers within a reasonably short time. 13. Where a supplier that is not included on a multi-use list submits a request for participation in a procure-	- Trên cơ sở báo cáo kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, bên mời thầu trình phê duyệt kết quả sơ tuyển, trong đó nêu rõ ý kiến của bên mời thầu về các nội dung đánh giá của tổ chuyên gia; - Kết quả sơ tuyển phải được thẩm định theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 106 của Nghị định này trước khi phê duyệt; - Kết quả sơ tuyển phải được phê duyệt bằng văn bản và căn cứ vào tờ trình phê duyệt, báo cáo thẩm định kết quả sơ tuyển; - Trường hợp lựa chọn được danh sách ngắn, văn bản phê duyệt kết quả sơ tuyển phải bao gồm tên các nhà thầu trúng sơ tuyển và các nội dung cần lưu ý (nếu có). Trường hợp không lựa chọn được danh sách ngắn, văn bản phê duyệt kết quả sơ tuyển phải nêu rõ lý do không lựa chọn được danh sách ngắn. h) Công khai danh sách ngắn: Danh sách ngắn phải được đăng tải theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 7 và Điểm c Khoản 1 hoặc Điểm b Khoản 2 Điều 8 của Nghị định này và gửi thông báo đến các nhà thầu nộp hồ sơ dự sơ tuyển. 2. Đối với đấu thầu hạn chế: a) Xác định, phê duyệt danh sách ngắn: Xác định, phê duyệt danh sách ngắn gồm tối thiểu 03 nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu của gói thầu và có nhu cầu tham dự thầu;	

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
ment based on a multi-use list and all required documents, within the time-period provided for in Article X:2, a procuring entity shall examine the request. The procuring entity shall not exclude the supplier from consideration in respect of the procurement on the grounds that the entity has insufficient time to examine the request, unless, in exceptional cases, due to the complexity of the procurement, the entity is not able to complete the examination of the request within the time-period allowed for the submission of tenders. <i>Annex 2 and Annex 3 Entities</i> 14. A procuring entity covered under Annex 2 or 3 may use a notice inviting suppliers to apply for inclusion on a multi-use list as a notice of intended procurement, provided that: (a) the notice is published in accordance with paragraph 7 and includes the information required under paragraph 8, as much of the information required under Article VI:2 as is available and a statement that it constitutes a notice of intended procurement or that only the suppliers on the multi-use list will receive further notices of procurement covered by the multi-use list; and (b) the entity promptly provides to suppliers that have expressed an interest in a given procurement to the entity, sufficient information to permit them to assess their interest in	b) Công khai danh sách ngắn: Sau khi phê duyệt, danh sách ngắn phải được đăng tải theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 7 và Điểm c Khoản 1 hoặc Điểm b Khoản 2 Điều 8 của Nghị định này. 3. Các nhà thầu có tên trong danh sách ngắn không được liên danh với nhau để tham dự thầu. Điều 77. Trách nhiệm của các cơ quan trong mua thuốc 1. Bộ Y tế có trách nhiệm sau đây: đ) Định kỳ hàng năm, tiến hành sơ tuyển để lựa chọn danh sách các nhà sản xuất, nhà cung cấp thuốc đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm và uy tín để làm cơ sở cho việc mời tham gia đấu thầu hạn chế.	

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
the procurement, including all remaining information required in Article VI:2, to the extent such information is available. 15. A procuring entity covered under Annex 2 or 3 may allow a supplier that has applied for inclusion on a multi-use list in accordance with paragraph 10 to tender in a given procurement, where there is sufficient time for the procuring entity to examine whether the supplier satisfies the conditions for participation. <i>Information on Procuring Entity Decisions</i> 16. A procuring entity shall promptly inform any supplier that submits a request for participation in a procurement or application for inclusion on a multi-use list of the procuring entity's decision with respect to the request or application. 17. Where a procuring entity rejects a supplier's request for participation in a procurement or application for inclusion on a multi-use list, ceases to recognize a supplier as qualified, or removes a supplier from a multi-use list, the entity shall promptly inform the supplier and, on request of the supplier, promptly provide the supplier with a written explanation of the reasons for its decision.		

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
Article IX Technical Specifications 1. A procuring entity shall not prepare, adopt or apply any technical specification or prescribe any conformity assessment procedure with the purpose or the effect of creating an unnecessary obstacle to trade among the Parties. 2. In prescribing the technical specifications for the goods or services being procured, a procuring entity shall, where appropriate: (a) set out the technical specification in terms of performance and functional requirements, rather than design or descriptive characteristics; and (b) base the technical specification on international standards, where such exist; otherwise, on national technical regulations, recognized national standards or building codes. 3. Where design or descriptive characteristics are used in the technical specifications, a procuring entity shall indicate that it will consider tenders of equivalent goods or services that demonstrably fulfil the requirements of the procurement by including words such as "or equivalent" in the tender documentation. 4. A procuring entity shall not prescribe technical specifications that require or refer to a particular trademark or trade name, patent, copyright, design, type, specific ori-	Nghị định 63/2014/NĐ-CP: Điều 12. Lập hồ sơ mời thầu 2. Hồ sơ mời thầu phải quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu bao gồm tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm; tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật; xác định giá thấp nhất (đối với trường hợp áp dụng phương pháp giá thấp nhất); tiêu chuẩn xác định giá đánh giá (đối với trường hợp áp dụng phương pháp giá đánh giá). Trong hồ sơ mời thầu không được nêu bất cứ điều kiện nào nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng. b) Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt hoặc phương pháp chấm điểm theo thang điểm 100 hoặc 1.000 để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật, trong đó phải quy định mức điểm tối thiểu và mức điểm tối đa đối với từng tiêu chuẩn tổng quát, tiêu chuẩn chi tiết khi sử dụng phương pháp chấm điểm. Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các yếu tố về khả năng đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng, thời hạn giao hàng, vận chuyển, lắp đặt, bảo hành, uy tín của nhà thầu thông qua việc thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó và các yêu cầu khác nêu trong hồ sơ mời thầu. Căn cứ vào từng gói thầu cụ thể, khi lập hồ sơ mời thầu phải cụ thể hóa	Đánh giá: Về các nguyên tắc cơ bản, pháp luật đấu thầu trong nước đã tương đồng với nội dung nêu trong Hiệp định. Tuy nhiên, riêng trong pháp luật xây dựng, đối với tiêu chuẩn kỹ thuật, pháp luật xây dựng Việt Nam có quy định "hoạt động đầu tư xây dựng phải tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia". Trong khi đó, cam kết nêu rõ Tiêu chuẩn kỹ thuật được xây dựng dựa trên tiêu chuẩn quốc tế, trường hợp không có thì dựa trên quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia hoặc tiêu chuẩn trong lĩnh vực xây dựng. Tuy nhiên Hiệp định không bắt buộc việc này (chỉ yêu cầu áp dụng "khi thích hợp"). Như vậy, PLVN về cơ bản đã tương thích về vấn đề này. Ngoài ra có một vài nội dung trong Hiệp định được quy định chi tiết, cụ thể hơn PLVN (PLVN chỉ quy định nguyên tắc hoặc chưa có quy định): - Hiệp định yêu cầu khi xây dựng hay thông qua các tiêu chuẩn kỹ thuật cho một gói thầu cụ thể, cơ quan mua sắm không được sử dụng hay chấp nhận ý kiến tư vấn của cá nhân/tổ chức có thể có lợi ích thương mại trong gói thầu đó theo cách có thể ảnh hưởng đến tính cạnh tranh của gói thầu; PLVN chưa có quy định trực tiếp về vấn đề này nhưng đã có quy định gián tiếp trong nguyên tắc bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu, theo đó cơ quan

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
gin, producer or supplier, unless there is no other sufficiently precise or intelligible way of describing the procurement requirements and provided that, in such cases, the entity includes words such as "or equivalent" in the tender documentation. 5. A procuring entity shall not seek or accept, in a manner that would have the effect of precluding competition, advice that may be used in the preparation or adoption of any technical specification for a specific procurement from a person that may have a commercial interest in the procurement. 6. For greater certainty, a Party, including its procuring entities, may, in accordance with this Article, prepare, adopt or apply technical specifications to promote the conservation of natural resources or protect the environment.	các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm: - Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ; - Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa; - Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì; - Khả năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường; - Tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết; - Khả năng cung cấp tài chính (nếu có yêu cầu); - Các yếu tố về điều kiện thương mại, thời gian thực hiện, đào tạo chuyển giao công nghệ; - Tiến độ cung cấp hàng hóa; - Uy tín của nhà thầu thông qua việc thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó; - Các yếu tố cần thiết khác. 7. Hồ sơ mời thầu không được nêu yêu cầu về nhãn hiệu, xuất xứ cụ thể của hàng hóa. Trường hợp không thể mô tả chi tiết hàng hóa theo đặc tính kỹ thuật, thiết kế công nghệ, tiêu chuẩn công nghệ thì được nêu nhãn hiệu, catalô của một sản phẩm cụ thể để tham khảo, minh họa cho yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa nhưng	mua sắm phải độc lập về tổ chức và tài chính với tư vấn (cá nhân/tổ chức). - Về quyền sử dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật để bảo vệ môi trường, bảo tồn tài nguyên: pháp luật về đấu thầu của Việt Nam chưa nêu cụ thể, mà chỉ được nêu nguyên tắc trong pháp luật chuyên ngành. Đề xuất: Cần nhắc điều chỉnh PLVN về đấu thầu (áp dụng chung) để nội luật hóa các quy định tại Hiệp định (vốn chỉ là để áp dụng với các gói thầu thuộc diện điều chỉnh nhưng có nội dung hợp lý, thích hợp để áp dụng rộng rãi cho tất cả các gói thầu) về ngoại lệ trong sử dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật để bảo vệ môi trường, bảo tồn tài nguyên, bảo vệ thông tin nhạy cảm của Chính phủ

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	phải ghi kèm theo cụm từ “hoặc tương đương” sau nhãn hiệu, catalô đồng thời phải quy định rõ nội hàm tương đương với hàng hóa đó về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ và các nội dung khác (nếu có) để tạo thuận lợi cho nhà thầu trong quá trình chuẩn bị hồ sơ dự thầu. Chỉ yêu cầu nhà thầu nộp Giấy phép hoặc Giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc Giấy chứng nhận quan hệ đối tác trong trường hợp hàng hóa là đặc thù, phức tạp cần gắn với trách nhiệm của nhà sản xuất trong việc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng như bảo hành, bảo trì, sửa chữa, cung cấp phụ tùng, vật tư thay thế. Luật Xây dựng: Điều 6. Áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động đầu tư xây dựng 1. Hoạt động đầu tư xây dựng phải tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia. 2. Tiêu chuẩn được áp dụng trong hoạt động đầu tư xây dựng theo nguyên tắc tự nguyện, trừ các tiêu chuẩn được viện dẫn trong quy chuẩn kỹ thuật hoặc văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan. 3. Tiêu chuẩn áp dụng cho công trình phải được người quyết định đầu tư xem xét, chấp thuận khi quyết định đầu tư.	

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	4. Việc áp dụng tiêu chuẩn phải bảo đảm các yêu cầu sau: a) Phù hợp với yêu cầu của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định của pháp luật có liên quan; b) Bảo đảm tính đồng bộ, tính khả thi của hệ thống tiêu chuẩn được áp dụng. 5. Việc áp dụng giải pháp kỹ thuật, công nghệ, vật liệu mới trong hoạt động đầu tư xây dựng phải đáp ứng yêu cầu của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định của pháp luật có liên quan. 6. Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia áp dụng cho công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật. Nghị định 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015: Điều 6. Áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn trong hoạt động đầu tư xây dựng 1. Việc áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn trong hoạt động đầu tư xây dựng phải tuân thủ các quy định tại Điều 6 Luật Xây dựng và tuân thủ các quy định có liên quan do Bộ Xây dựng ban hành. 2. Khi áp dụng tiêu chuẩn nước ngoài phải có bản thuyết minh về sự cần thiết phải áp dụng. Tiêu chuẩn	

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	nước ngoài được áp dụng phải có toàn văn tiêu chuẩn dưới dạng tệp tin hoặc bản in và phải có bản dịch tiếng Việt hoặc tiếng Anh cho phần nội dung sử dụng. 3. Đối với các giải pháp kỹ thuật, công nghệ, vật liệu mới chủ yếu của công trình lần đầu áp dụng tại Việt Nam phải đáp ứng yêu cầu của quy chuẩn kỹ thuật và quy định của pháp luật có liên quan. Nhà thầu đề xuất áp dụng các giải pháp kỹ thuật công nghệ, vật liệu mới có trách nhiệm cung cấp các căn cứ, tài liệu chứng minh về điều kiện đảm bảo an toàn, hiệu quả và khả thi khi áp dụng để cơ quan có thẩm quyền thẩm định trong quá trình thẩm định thiết kế xây dựng công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng.	
Article IX b Market Consultations 1. Before launching a procurement, procuring entities may conduct market consultations with a view to preparing the procurement, notably for the development of technical specifications, provided that, where market research is performed by a supplier in the context of covered procurement, such procurement is subject to the rules of this Chapter. 2. For this purpose, procuring entities may for example seek or accept advice from independent experts or authorities or from market participants.	Pháp luật đấu thầu VN không quy định	Đánh giá: PLVN chưa có quy định bắt buộc về việc tham vấn/thăm dò/điều tra thị trường trước khi xây dựng gói thầu nhưng trên thực tế để xây dựng gói thầu thì cơ quan mua sắm đã phải tham khảo/điều tra thị trường. Tuy nhiên, theo Hiệp định này không phải nghĩa vụ bắt buộc. Vì vậy PLVN có thể coi là đã phù hợp. Từ góc độ thực tiễn, việc có thêm thủ tục này có thể sẽ mang lại hiệu quả cao cho các gói thầu.

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
That advice may be used in the planning and conduct of the procurement procedure, provided that such advice does not have the effect of distorting competition and does not result in a violation of the principles of non-discrimination and transparency.		Đề xuất: Đưa nội dung này vào Văn bản thực thi EVFTA về Mua sắm công (cho các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định) theo hướng: - Khuyến khích Cơ quan mua sắm tiến hành thủ tục tham vấn/thăm dò/điều tra thị trường trước khi xây dựng gói thầu - Nếu tiến hành thủ tục này thì phải tuân thủ các yêu cầu như trong Hiệp định (đưa cụ thể các yêu cầu của Hiệp định vào) Trong lâu dài có thể cân nhắc đưa nội dung nói trên vào pháp luật đấu thầu chung.
Article X Tender Documentation 1. A procuring entity shall promptly make available or provide on request to suppliers tender documentation that includes all information necessary to permit suppliers to prepare and submit responsive tenders. Unless already provided in the notice of intended procurement, such documentation shall include a complete description of: (a) the procurement, including the nature, the quantity of the goods or services to be procured or, where the quantity is not known, the estimated quantity and any requirements to be fulfilled, including any technical specifications, conformity certification, plans, drawings or instructional materials;	Luật đấu thầu: Điều 4. 29. Hồ sơ mời thầu là toàn bộ tài liệu sử dụng cho hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, bao gồm các yêu cầu cho một dự án, gói thầu, làm căn cứ để nhà thầu chuẩn bị hồ sơ dự thầu và để bên mời thầu tổ chức đánh giá hồ sơ dự thầu nhằm lựa chọn nhà thầu. 30. Hồ sơ yêu cầu là toàn bộ tài liệu sử dụng cho hình thức chỉ định thầu, mua sắm trực tiếp, chào hàng cạnh tranh, bao gồm các yêu cầu cho một dự án, gói thầu, làm căn cứ để nhà thầu chuẩn bị hồ sơ để xuất và để bên mời thầu tổ chức đánh giá hồ sơ để xuất nhằm lựa chọn nhà thầu.	Đánh giá: - Các nội dung về hồ sơ mời thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu trong nước tương thích với nội dung của hồ sơ mời thầu nêu trong Hiệp định. - Việc làm rõ hồ sơ mời thầu trong nội dung Hiệp định nêu rất nguyên tắc, quy định của Việt Nam là phù hợp. - Nguyên tắc và cách thức để sửa đổi hồ sơ mời thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu trong nước đã phù hợp với nội dung nêu trong Hiệp định. Liên quan đến đấu thầu qua mạng, hiện Bộ KH&ĐT đang hoàn thiện Thông tư quy định chi tiết về lập

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
(b) any conditions for participation of suppliers, including a list of information and documents that suppliers are required to submit in connection with the conditions for participation; (c) all evaluation criteria to be applied in the awarding of the contract, and, except where price is the sole criterion, the relative importance of such criteria; (d) where the procuring entity will conduct the procurement by electronic means, any authentication and encryption requirements or other requirements related to the submission of information by electronic means, if any; (e) where the procuring entity will hold an electronic auction, the rules, including identification of the elements of the tender related to the evaluation criteria, on which the auction will be conducted; (f) where there will be a public opening of tenders, the date, time and place for the opening of tenders and, where the domestic legislation of a Party stipulates that only certain persons are authorized to be present, the indication of these persons (g) any other terms or conditions, including terms of payment and any limitation on the means by which tenders may be submitted, such as whether on paper or by electronic means;and	Điều 7. Khoản 1 b) Hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu được phê duyệt bao gồm các nội dung yêu cầu về thủ tục đấu thầu, bảng dữ liệu đấu thầu, tiêu chuẩn đánh giá, biểu mẫu dự thầu, bảng khối lượng mời thầu; yêu cầu về tiến độ, kỹ thuật, chất lượng; điều kiện chung, điều kiện cụ thể của hợp đồng, mẫu văn bản hợp đồng và các nội dung cần thiết khác. Nghị định 63/2014/NĐ-CP (Điều 14 khoản 2): 2. Phát hành, sửa đổi, làm rõ hồ sơ mời thầu: a) Hồ sơ mời thầu được phát hành cho các nhà thầu tham gia đấu thầu rộng rãi hoặc cho các nhà thầu có tên trong danh sách ngắn. Đối với nhà thầu liên danh, chỉ cần một thành viên trong liên danh mua hoặc nhận hồ sơ mời thầu, kể cả trường hợp chưa hình thành liên danh khi mua hoặc nhận hồ sơ mời thầu; b) Trường hợp sửa đổi hồ sơ mời thầu sau khi phát hành, bên mời thầu phải gửi quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi hồ sơ mời thầu đến các nhà thầu đã mua hoặc nhận hồ sơ mời thầu; c) Trường hợp cần làm rõ hồ sơ mời thầu thì nhà thầu phải gửi văn bản đề nghị đến bên mời thầu tối thiểu 03 ngày làm việc (đối với đấu thầu trong nước), 05 ngày làm việc (đối với đấu thầu quốc tế) trước ngày có	HSMT qua mạng, dự kiến ban hành trong năm 2016, trong đó có hướng dẫn tương đồng với cam kết nêu tại điểm d, e và g khoản 1 Điều này. Đề xuất: Không đề xuất điều chỉnh, bổ sung gì về pháp luật

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
(h) any dates for the delivery of goods or the supply of services. 2. In establishing any date for the delivery of goods or the supply of services being procured, a procuring entity shall take into account, where appropriate, such factors as the complexity of the procurement, the extent of subcontracting anticipated and the realistic time required for production, de-stocking and transport of goods from the point of supply or for supply of services. 3. The evaluation criteria set out in the notice of intended procurement or tender documentation may include, among others, price and other cost factors, quality, technical merit, environmental characteristics and terms of delivery. 4. A procuring entity shall promptly reply to any reasonable request for relevant information by any interested or participating supplier, provided that such information does not give that supplier an advantage over other suppliers. <i>Modifications</i> 5. Where, prior to the award of a contract, a procuring entity modifies the evaluation criteria or requirements set out in the notice of intended procurement or tender documentation provided to participating suppliers, or amends or reissues a notice or tender	thời điểm đóng thầu để xem xét, xử lý. Việc làm rõ hồ sơ mời thầu được bên mời thầu thực hiện theo một hoặc các hình thức sau đây: - Gửi văn bản làm rõ cho các nhà thầu đã mua hoặc nhận hồ sơ mời thầu; - Trong trường hợp cần thiết, tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong hồ sơ mời thầu mà các nhà thầu chưa rõ. Nội dung trao đổi phải được bên mời thầu ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ hồ sơ mời thầu gửi cho các nhà thầu đã mua hoặc nhận hồ sơ mời thầu; - Nội dung làm rõ hồ sơ mời thầu không được trái với nội dung của hồ sơ mời thầu đã duyệt. Trường hợp sau khi làm rõ hồ sơ mời thầu dẫn đến phải sửa đổi hồ sơ mời thầu thì việc sửa đổi hồ sơ mời thầu thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản này; d) Quyết định sửa đổi, văn bản làm rõ hồ sơ mời thầu là một phần của hồ sơ mời thầu. Điều 16. Làm rõ hồ sơ dự thầu 1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ hồ sơ dự thầu theo yêu cầu của bên mời thầu. Trường hợp hồ sơ dự thầu của nhà thầu thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm. Đối với các nội dung	

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
documentation, it shall transmit in writing all such modifications or amended or re-issued notice or tender documentation to all suppliers that are participating at the time of the modification, amendment or re-issuance, where such suppliers are known to the entity, or otherwise publish or provide such documents in the same manner as the original information was made available; and in adequate time to allow such suppliers to modify their initial tenders and submit amended tenders, as appropriate.	đề xuất về kỹ thuật, tài chính nêu trong hồ sơ dự thầu của nhà thầu, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của hồ sơ dự thầu đã nộp, không thay đổi giá dự thầu. 2. Trường hợp sau khi đóng thầu, nếu nhà thầu phát hiện hồ sơ dự thầu thiếu các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì nhà thầu được phép gửi tài liệu đến bên mời thầu để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình. Bên mời thầu có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà thầu để xem xét, đánh giá; các tài liệu bổ sung, làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của hồ sơ dự thầu. 3. Việc làm rõ hồ sơ dự thầu chỉ được thực hiện giữa bên mời thầu và nhà thầu có hồ sơ dự thầu cần phải làm rõ và phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu. Nội dung làm rõ hồ sơ dự thầu phải thể hiện bằng văn bản và được bên mời thầu bảo quản như một phần của hồ sơ dự thầu. Thông tư liên tịch 07/2015/TTLT-BKHĐT-BTC (Điều 7) có quy định thông tin về Thông báo hủy, gia hạn, điều chỉnh, đính chính các thông tin đã đăng tải phải đăng tải trên Báo đấu thầu, Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.	

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
Article XI Time-Periods <i>General</i> 1. A procuring entity shall, consistent with its own reasonable needs, provide sufficient time for suppliers to obtain the tender documentation and to prepare and submit requests for participation and responsive tenders, taking into account such factors as: (a) the nature and complexity of the procurement; (b) the extent of subcontracting anticipated; and (c) the time necessary for transmitting tenders by non-electronic means from foreign as well as domestic points where electronic means are not used. Such time-periods, including any extension of the time-periods, shall be the same for all interested or participating suppliers. <i>Deadlines</i> 2. A procuring entity that uses selective tendering shall establish that the final date for the submission of requests for participation shall not, in principle, be less than 25 days from the date of publication of the notice of intended procurement. Where a state of urgency duly substantiated by the procuring entity renders this time-period impracticable, the time-period may be reduced to not less than 10 days.	Luật đấu thầu (Điều 12): 1. Thời gian trong quá trình lựa chọn nhà thầu: a) Thời gian phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu tối đa là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định; b) Hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu được phát hành sau 03 ngày làm việc, kể từ ngày đầu tiên đăng tải thông báo mời nộp hồ sơ quan tâm, thông báo mời sơ tuyển, thông báo mời thầu, thông báo mời chào hàng, gửi thư mời thầu đến trước thời điểm đóng thầu; c) Thời gian chuẩn bị hồ sơ quan tâm tối thiểu là 10 ngày đối với đấu thầu trong nước và 20 ngày đối với đấu thầu quốc tế, kể từ ngày đầu tiên hồ sơ mời quan tâm được phát hành đến ngày có thời điểm đóng thầu. Nhà thầu phải nộp hồ sơ quan tâm trước thời điểm đóng thầu; d) Thời gian chuẩn bị hồ sơ dự sơ tuyển tối thiểu là 10 ngày đối với đấu thầu trong nước và 20 ngày đối với đấu thầu quốc tế, kể từ ngày đầu tiên hồ sơ mời sơ tuyển được phát hành đến ngày có thời điểm đóng thầu. Nhà thầu phải nộp hồ sơ dự sơ tuyển trước thời điểm đóng thầu; đ) Thời gian chuẩn bị hồ sơ đề xuất tối thiểu là 05 ngày làm việc, kể từ ngày đầu tiên hồ sơ yêu cầu được phát hành đến ngày có thời điểm	Đánh giá: - Về cơ bản các nguyên tắc xác định thời gian trong đấu thầu đã được quy định cụ thể tại Luật đấu thầu phù hợp với nội dung nêu tại Điều này của Hiệp định. Tuy nhiên nguyên tắc trong Hiệp định nhấn mạnh đến 02 yếu tố cụ thể. - Thời gian chuẩn bị hồ sơ dự sơ tuyển, mời quan tâm đối với gói thầu không tính điều kiện rút ngắn nêu trong Hiệp định là dài hơn so với thời gian tương ứng cho gói thầu áp dụng đấu thầu quốc tế được quy định của Luật đấu thầu. Tuy nhiên, khoảng thời gian này sau khi tính các điều kiện được rút ngắn nêu tại khoản 4 và 5 Điều này và bảo lưu tại Phụ lục 9a thì PL Việt Nam hiện hành đã tương thích. - Thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu đối với gói thầu không tính điều kiện rút ngắn nêu trong Hiệp định là phù hợp với gói thầu áp dụng đấu thầu quốc tế được quy định của Luật đấu thầu. Như vậy là đã phù hợp với cam kết về thời gian nêu trong Hiệp định. Đề xuất: Không đề xuất sửa đổi, bổ sung gì về pháp luật

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
Annex 9a 4. Article XI (Time Periods): Notwithstanding the requirement in Article XI.2 that a procuring entity using selective tendering provides no less than 25 days for the final date for submission of requests for participation, Vietnam may allow its procuring entities to establish a final date for submission of requests for participation that is not less than 15 days from the date of publication of the notice of intended procurement no longer than ten years from the entry into force of this Agreement. 3. Except as provided for in paragraphs 4, 5 and 7, a procuring entity shall establish that the final date for the submission of tenders shall not be less than 40 days from the date on which: (a) in the case of open tendering, the notice of intended procurement is published; or (b) in the case of selective tendering, the entity notifies suppliers that they will be invited to submit tenders, whether or not it uses a multi-use list. Annex 9a 5. Article XI (Time Periods): Notwithstanding the requirement in Article XI.3 that a procuring entity provides no less than 40 days for the final date for submission of tenders, Vietnam may allow its procuring entities	đóng thầu. Nhà thầu phải nộp hồ sơ đề xuất trước thời điểm đóng thầu; e) Thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu tối thiểu là 20 ngày đối với đấu thầu trong nước và 40 ngày đối với đấu thầu quốc tế, kể từ ngày đầu tiên hồ sơ mời thầu được phát hành đến ngày có thời điểm đóng thầu. Nhà thầu phải nộp hồ sơ dự thầu trước thời điểm đóng thầu; g) Thời gian đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển tối đa là 20 ngày, hồ sơ đề xuất tối đa là 30 ngày, hồ sơ dự thầu tối đa là 45 ngày đối với đấu thầu trong nước, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày bên mời thầu trình chủ đầu tư phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Thời gian đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển tối đa là 30 ngày, hồ sơ đề xuất tối đa là 40 ngày, hồ sơ dự thầu tối đa là 60 ngày đối với đấu thầu quốc tế, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày bên mời thầu trình chủ đầu tư phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Trường hợp cần thiết, có thể kéo dài thời gian đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất nhưng không quá 20 ngày và phải bảo đảm tiến độ thực hiện dự án; h) Thời gian thẩm định tối đa là 20 ngày cho từng nội dung thẩm định: kế hoạch lựa chọn nhà thầu, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, kết quả lựa chọn nhà thầu kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ trình;	

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
to establish a final date for submission of tenders that is not less than 25 days from the date on which: (a) in the case of open tendering, the notice of intended procurement is published; or (b) in the case of selective tendering, the entity notifies the suppliers that they will be invited to submit tenders; no longer than ten years from the entry into force of this Agreement. 4. A procuring entity may reduce the time-period for tendering established in accordance with paragraph 3 to not less than 10 days where: (a) the procuring entity has published a notice of planned procurement as described in Article VI:4 at least 40 days and not more than 12 months in advance of the publication of the notice of intended procurement, and the notice of planned procurement contains: (i) a description of the procurement; (ii) the approximate final dates for the submission of tenders or requests for participation; (iii) a statement that interested suppliers should express their interest in the procurement to the procuring entity; (iv) the address from which documents relating to the procurement may be obtained; and (v) as much of the information that is	i) Thời gian phê duyệt hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ yêu cầu, hồ sơ mời thầu tối đa là 10 ngày, kể từ ngày nhận được tờ trình đề nghị phê duyệt hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu của bên mời thầu hoặc báo cáo thẩm định trong trường hợp có yêu cầu thẩm định; k) Thời gian phê duyệt hoặc có ý kiến xử lý về kết quả lựa chọn nhà thầu tối đa là 10 ngày, kể từ ngày nhận được tờ trình đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của bên mời thầu hoặc báo cáo thẩm định trong trường hợp có yêu cầu thẩm định; l) Thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất tối đa là 180 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu; trường hợp gói thầu quy mô lớn, phức tạp, gói thầu đấu thầu theo phương thức hai giai đoạn, thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu tối đa là 210 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu. Trường hợp cần thiết, có thể yêu cầu gia hạn thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất và phải bảo đảm tiến độ dự án; m) Thời gian gửi văn bản sửa đổi hồ sơ mời thầu đến các nhà thầu đa nhân hồ sơ mời thầu tối thiểu là 10 ngày đối với đấu thầu trong nước và 15 ngày đối với đấu thầu quốc tế trước ngày có thời điểm đóng thầu;	

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
required for the notice of intended procurement under Article VI:2, as is available; (b) the procuring entity, for recurring contracts, indicates in an initial notice of intended procurement that subsequent notices will provide time-periods for tendering based on this paragraph; (c) the procuring entity procures commercial goods or services or; (d) a state of urgency duly substantiated by the procuring entity renders the time-period for tendering established in accordance with paragraph 3 impracticable. 5. A procuring entity may reduce the time-period for tendering established in accordance with paragraph 3 by five days for each one of the following circumstances: (a) the notice of intended procurement is published by electronic means; (b) all the tender documentation is made available by electronic means from the date of the publication of the notice of intended procurement; and (c) the entity accepts tenders by electronic means. 6. The use of paragraph 5, in conjunction with paragraph 4, shall in no case result in a reduced time-period for tendering established in accor-	đối với sửa đổi hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ yêu cầu thì tối thiểu là 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu. Trường hợp thời gian gửi văn bản sửa đổi hồ sơ không đáp ứng quy định tại điểm này, bên mời thầu thực hiện gia hạn thời điểm đóng thầu tương ứng bảo đảm quy định về thời gian gửi văn bản sửa đổi hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; n) Thời hạn gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu cho các nhà thầu tham dự thầu theo đường bưu điện, fax là 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt.	

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
dance with paragraph 3 of less than 10 days from the date on which the notice of intended procurement is published. 7. Where a procuring entity covered under Annex 2 or 3 has selected all or a limited number of qualified suppliers, the time-period for tendering may be fixed by mutual agreement between the procuring entity and the selected suppliers. In the absence of agreement, the period shall not be less than 10 days.		
Article XII Negotiation 1. With regard to covered procurement, a Party may provide for its procuring entities to conduct negotiations: (a) where the entity has indicated its intent to conduct negotiations in the notice of intended procurement required under Article VI:2; or (b) where it appears from the evaluation that no tender is obviously the most advantageous in terms of the specific evaluation criteria set out in the notice of intended procurement or tender documentation. 2. A procuring entity shall: (a) ensure that any elimination of suppliers participating in negotiations is carried out in accordance with the evaluation criteria set out in the notice of intended procurement or tender documentation; and	Luật đấu thầu: Điều 38. Quy trình lựa chọn nhà thầu 1. Quy trình lựa chọn nhà thầu đối với đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế được thực hiện như sau: a) Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu; b) Tổ chức lựa chọn nhà thầu; c) Đánh giá hồ sơ dự thầu và thương thảo hợp đồng; d) Trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu; đ) Hoàn thiện, ký kết hợp đồng. Nghị định 63/2014/NĐ-CP: Điều 19. Thương thảo hợp đồng 1. Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời đến thương thảo hợp đồng. Trường hợp nhà thầu được mời đến thương thảo hợp đồng nhưng không	Đánh giá: PLVN có quy định về thương thảo hợp đồng đối với nhà thầu được đánh giá xếp hạng thứ nhất. Quy định này được áp dụng đối với tất cả gói thầu và không phải nêu trong thông báo mời thầu. Nguyên tắc và nội dung thương thảo này chưa phù hợp với quy định trong Hiệp định (Hiệp định quy định hạn chế về các trường hợp được phép đàm phán, ví dụ nếu có đàm phán thì phải nêu rõ trong thông báo mời thầu; về kết quả đàm phán, Hiệp định cho phép nộp lại hồ sơ thầu mới hoặc sửa đổi, trong khi PLVN thì không cho phép điều này). Đề xuất: Cần có quy định riêng đối với các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định (trong văn bản hướng dẫn Hiệp định).

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
(b) where negotiations are concluded, provide a common deadline for the remaining participating suppliers to submit any new or revised tenders.	đến thương thảo hoặc từ chối thương thảo hợp đồng thì nhà thầu sẽ không được nhận lại bảo đảm dự thầu. 2. Việc thương thảo hợp đồng phải dựa trên cơ sở sau đây: a) Báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu; b) Hồ sơ dự thầu và các tài liệu làm rõ hồ sơ dự thầu (nếu có) của nhà thầu; c) Hồ sơ mời thầu. 3. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng: a) Không tiến hành thương thảo đối với các nội dung mà nhà thầu đã chào thầu theo đúng yêu cầu của hồ sơ mời thầu; b) Việc thương thảo hợp đồng không được làm thay đổi đơn giá dự thầu của nhà thầu sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và trừ đi giá trị giảm giá (nếu có). Trong quá trình đánh giá hồ sơ dự thầu và thương thảo hợp đồng, nếu phát hiện khối lượng mời thầu nêu trong bảng tiên lượng mời thầu thiếu so với hồ sơ thiết kế thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu phải bổ sung khối lượng công việc thiếu đó trên cơ sở đơn giá đã chào; trường hợp trong hồ sơ dự thầu chưa có đơn giá thì bên mời thầu báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định việc áp đơn giá nêu trong dự toán đã phê duyệt đối với khối lượng công việc thiếu so với hồ sơ	

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	thiết kế hoặc đơn giá của nhà thầu khác đã vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật nếu đơn giá này thấp hơn đơn giá đã phê duyệt trong dự toán gói thầu; c) Việc thương thảo đối với phần sai lệch thiếu thực hiện theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 17 của Nghị định này. 4. Nội dung thương thảo hợp đồng: a) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa hồ sơ mời thầu và hồ sơ dự thầu, giữa các nội dung khác nhau trong hồ sơ dự thầu có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng; b) Thương thảo về các sai lệch do nhà thầu đã phát hiện và đề xuất trong hồ sơ dự thầu (nếu có), bao gồm cả các đề xuất thay đổi hoặc phương án thay thế của nhà thầu nếu trong hồ sơ mời thầu có quy định cho phép nhà thầu chào phương án thay thế; c) Thương thảo về nhân sự đối với gói thầu xây lắp, hỗn hợp: Trong quá trình thương thảo, nhà thầu không được thay đổi nhân sự chủ chốt đã đề xuất trong hồ sơ dự thầu để đảm nhiệm các vị trí chủ nhiệm thiết kế, chủ nhiệm khảo sát (đối với gói thầu xây lắp, hỗn hợp có yêu cầu nhà thầu phải thực hiện một	

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	hoặc hai bước thiết kế trước khi thi công), vị trí chỉ huy trường công trường, trừ trường hợp do thời gian đánh giá hồ sơ dự thầu kéo dài hơn so với quy định hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp đó, nhà thầu được quyền thay đổi nhân sự khác nhưng phải bảo đảm nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm và năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu; d) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu; đ) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác. 5. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; điều kiện cụ thể của hợp đồng, phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có). 6. Trường hợp thương thảo không thành công, bên mời thầu báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo; trường hợp thương thảo với các nhà thầu xếp hạng tiếp theo không thành công thì bên mời	

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	thầu báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định tại Khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu.	
Article XIII Limited Tendering 1. Provided that it does not use this provision for the purpose of avoiding competition among suppliers or in a manner that discriminates against suppliers of the other Party or protects domestic suppliers, a procuring entity may use limited tendering and may choose not to apply Articles VI through VIII, X, XI, XII, XIV and XV only under any of the following circumstances: (a) where in response to a notice of intended procurement, or invitation to tender: (i) no tenders were submitted or no suppliers requested participation; (ii) no tenders were submitted that conform to the essential requirements of the tender documentation; (iii) no suppliers satisfied the conditions for participation; or (iv) the tenders submitted have been collusive, provided that the procuring entity does not substantially modify the essential requirements set out in the tender documentation; (b) where the goods or services can be supplied only by a particular sup-	Luật đấu thầu: Điều 22. Chỉ định thầu 1. Chỉ định thầu đối với nhà thầu được áp dụng trong các trường hợp sau đây: a) Gói thầu cần thực hiện để khắc phục ngay hoặc để xử lý kịp thời hậu quả gây ra do sự cố bất khả kháng; gói thầu cần thực hiện để bảo đảm bí mật nhà nước; gói thầu cần triển khai ngay để tránh gây nguy hại trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe và tài sản của cộng đồng dân cư trên địa bàn hoặc để không ảnh hưởng nghiêm trọng đến công trình liên kế; gói thầu mua thuốc, hóa chất, vật tư, thiết bị y tế để triển khai công tác phòng, chống dịch bệnh trong trường hợp cấp bách; b) Gói thầu cấp bách cần triển khai nhằm mục tiêu bảo vệ chủ quyền quốc gia, biên giới quốc gia, hải đảo; c) Gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa phải mua từ nhà thầu đã thực hiện trước đó do phải bảo đảm tính tương thích về công nghệ, bản quyền mà không thể mua được từ nhà thầu khác; gói thầu có tính chất nghiên cứu, thử nghiệm; mua bản quyền sở hữu trí tuệ;	Đánh giá: 1. Về các nguyên tắc áp dụng chỉ định thầu PLVN đã tương thích với nội dung của Hiệp định, cụ thể đối với các nguyên tắc gồm: - Để được áp dụng chỉ định thầu phải đáp ứng các điều kiện chỉ định thầu và thuộc trường hợp được chỉ định thầu. - Để được áp dụng chỉ định thầu, trong tờ trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu phải giải thích lý do cần thiết và chứng minh đủ điều kiện áp dụng hình thức này. - Thông báo kết quả chỉ định thầu được đăng tải công khai trên Báo đấu thầu và Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. 2. Về các trường hợp chỉ định thầu Các trường hợp có thể sử dụng hình thức chỉ định thầu theo PLVN không hoàn toàn trùng khớp với các trường hợp trong Hiệp định: Hiệp định quy định nhiều hơn các trường hợp có thể chỉ định thầu, nhưng không có trường hợp sử dụng hình thức chỉ định thầu dựa trên hạn mức giá gói thầu.

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
plier and no reasonable alternative or substitute goods or services exist for any of the following reasons: (i) the requirement is for a work of art; (ii) the protection of patents, copyrights or other exclusive rights; or (iii) due to an absence of competition for technical reasons; (c) for additional deliveries by the original supplier of goods or services that were not included in the initial procurement where a change of supplier for such additional goods or services: (i) cannot be made for economic or technical reasons such as requirements of interchangeability or interoperability with existing equipment, software, services or installations procured under the initial procurement or conditions under original supplier warranties; and (ii) would cause significant inconvenience or substantial duplication of costs for the procuring entity; (d) insofar as is strictly necessary where, for reasons of extreme urgency brought about by events unforeseeable by the procuring entity, the goods or services could not be obtained in time by means of an open tendering or selective tendering;	d) Gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế xây dựng được chỉ định cho tác giả của thiết kế kiến trúc công trình trúng tuyển hoặc được tuyển chọn khi tác giả có đủ điều kiện năng lực theo quy định; gói thầu thi công xây dựng tượng đài, phù điêu, tranh hoành tráng, tác phẩm nghệ thuật gắn với quyền tác giả từ khâu sáng tác đến thi công công trình; đ) Gói thầu di dời các công trình hạ tầng kỹ thuật do một đơn vị chuyên ngành trực tiếp quản lý để phục vụ công tác giải phóng mặt bằng; gói thầu rà phá bom, mìn, vật nổ để chuẩn bị mặt bằng thi công xây dựng công trình; e) Gói thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công, gói thầu có giá gói thầu trong hạn mức được áp dụng chỉ định thầu theo quy định của Chính phủ phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ. 2. Việc thực hiện chỉ định thầu đối với gói thầu quy định tại các điểm b, c, d, đ và e khoản 1 Điều này phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: a) Có quyết định đầu tư được phê duyệt, trừ gói thầu tư vấn chuẩn bị dự án; b) Có kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt; c) Đã được bố trí vốn theo yêu cầu tiến độ thực hiện gói thầu;	3. Về quy trình/cách thức chỉ định thầu Cách thức để lựa chọn nhà thầu được chỉ định thầu nêu ở Điều 1 của Hiệp định (chọn một hoặc một số nhà thầu) không giống với việc lựa chọn nhà thầu chỉ định thầu theo quy định của Luật đấu thầu (theo đó chỉ định thầu chỉ chọn 1 nhà thầu). Đề xuất: Quy định tại Văn bản thực thi EVFTA về Mua sắm công (áp dụng với các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định) với nội dung phù hợp với Hiệp định về: - Các trường hợp được phép chỉ định thầu (danh sách đóng); - Cách thức lựa chọn nhà thầu chỉ định thầu; - Công khai lý do (các điều kiện, hoàn cảnh phù hợp với điều kiện chỉ định thầu quy định trong pháp luật) dẫn tới việc áp dụng chỉ định thầu trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu.

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
(e) for goods purchased on a commodity market or exchange; (f) where a procuring entity procures a prototype or a first good or service that is developed at its request in the course of, and for, a particular contract for research, experiment, study or original development. Original development of a prototype or a first good or service may include limited production or supply in order to incorporate the results of field testing and to demonstrate that the good or service is suitable for production or supply in quantity to acceptable quality standards, but does not include quantity production or supply to establish commercial viability or to recover research and development costs; (g) where additional construction services that were not included in the initial contract but that were within the objectives of the original tender documentation have, due to unforeseeable circumstances, become necessary to complete the construction services described therein; (h) for purchases made under exceptionally advantageous conditions that only arise in the very short term in the case of unusual disposals such as those arising from liquidation, receivership or bankruptcy, but not for routine purchases from regular suppliers;or	d) Có dự toán được phê duyệt theo quy định, trừ trường hợp đối với gói thầu EP, EC, EPC, gói thầu chìa khóa trao tay; đ) Có thời gian thực hiện chỉ định thầu kể từ ngày phê duyệt hồ sơ yêu cầu đến ngày ký kết hợp đồng không quá 45 ngày; trường hợp gói thầu có quy mô lớn, phức tạp không quá 90 ngày; e) Nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu phải có tên trong cơ sở dữ liệu về nhà thầu của cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động đấu thầu. 3. Đối với gói thầu thuộc trường hợp chỉ định thầu quy định tại khoản 1 Điều này và đáp ứng điều kiện chỉ định thầu quy định tại khoản 2 Điều này nhưng vẫn có thể áp dụng các hình thức lựa chọn nhà thầu khác quy định tại các điều 20, 21, 23 và 24 của Luật này thì khuyến khích áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu khác. Nghị định 63/2014/NĐ-CP: Điều 54. Hạn mức chỉ định thầu Gói thầu có giá trị trong hạn mức được áp dụng chỉ định thầu theo quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 22 của Luật Đấu thầu bao gồm: 1. Không quá 500 triệu đồng đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, dịch vụ công; không quá 01 tỷ đồng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp,	

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
(i) where a contract is awarded to a winner of a design contest provided that: (i) the contest has been organized in a manner that is consistent with the principles of this Chapter, in particular relating to the publication of a notice of intended procurement; and (ii) the contest is judged by an independent jury with a view to a design contract being awarded to a winner. 2. For each contract awarded in accordance with paragraph 1 a procuring entity shall prepare a report in writing, or maintain a record. The report or record shall include the name of the procuring entity, the value and kind of goods or services procured and a statement indicating the circumstances and conditions described in paragraph 1 that justified the use of limited tendering.	hợp, mua thuốc, vật tư y tế, sản phẩm công; 2. Không quá 100 triệu đồng đối với gói thầu thuộc dự toán mua sắm thường xuyên. Thông tư 10/2015/TT-BKHĐT: Điều 4. Văn bản trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu 1. Nguyên tắc lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu được thực hiện theo quy định tại Điều 33 Luật đấu thầu số 43/2013/QH13. 2. Căn cứ lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật đấu thầu số 43/2013/QH13. 3. Văn bản trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu được lập theo Mẫu số 1 kèm theo Thông tư này, trong đó bao gồm các nội dung sau: a) Phần công việc đã thực hiện; b) Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu; c) Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu phải ghi rõ số lượng gói thầu và nội dung của từng gói thầu trong đó bao gồm nội dung quy định tại Điều 5 của Thông tư này và giải trình cho các nội dung đó. Trong phần này phải nêu rõ cơ sở của việc chia dự án thành các gói thầu. Nghiêm cấm việc chia dự án thành các gói thầu trái với quy định của	

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 nhằm mục đích chỉ định thầu hoặc hạn chế sự tham gia của các nhà thầu. Đối với gói thầu áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi và loại hợp đồng trọn gói không phải giải trình lý do áp dụng.	
Article XIV Electronic Auctions Where a procuring entity intends to conduct a covered procurement using an electronic auction, the entity shall provide each participant, before commencing the electronic auction, with: (a) the automatic evaluation method that is based on the evaluation criteria set out in the tender documentation and that will be used in the automatic ranking or re-ranking during the auction; (b) any other relevant information relating to the conduct of the auction.	Thông tư liên tịch 07/2015/TTLT-BKHĐT-BTC: Điều 22. Đánh giá hồ sơ dự thầu, thương thảo, thẩm định, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện và ký kết hợp đồng 2. Việc đánh giá hồ sơ dự thầu, thương thảo hợp đồng, thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu được thực hiện theo các quy định của Luật Đấu thầu và Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.	Đánh giá: Pháp luật đấu thầu VN có quy định khi bên mời thầu có ý định thực hiện đấu thầu qua mạng thì phải thực hiện công khai kế hoạch lựa chọn nhà thầu, thông báo mời thầu có đính kèm hồ sơ mời thầu trên mạng, phù hợp với các cam kết tại Hiệp định. Tuy nhiên việc đánh giá hồ sơ dự thầu trong giai đoạn này đối với trường hợp đấu thầu qua mạng được thực hiện tương tự như khi thực hiện đấu thầu truyền thống, mà chưa có quy định áp dụng phương pháp đánh giá tự động như nêu tại cam kết (hiện các cơ quan có thẩm quyền đang nghiên cứu để triển khai áp dụng phương pháp đánh giá tự động đối với các gói thầu quy mô nhỏ, được tiêu chuẩn hóa về kỹ thuật). Đề xuất: Đưa vào Văn bản riêng thực thi EVFTA về Mua sắm công (cho các gói thầu thuộc diện điều chỉnh) quy định

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
		về phương pháp đánh giá tự động và việc cung cấp thông tin về điều này cho các nhà thầu trước khi bắt đầu thủ tục đấu thầu qua mạng (theo nghĩa của Hiệp định)
Article XV Treatment of Tenders and Awarding of Contracts Treatment of Tenders 1. A procuring entity shall receive, open and treat all tenders under procedures that guarantee the fairness and impartiality of the procurement process, and the confidentiality of tenders. 2. Where a procuring entity provides a supplier with an opportunity to correct unintentional errors of form between the opening of tenders and the awarding of the contract, the procuring entity shall provide the same opportunity to all participating suppliers. Awarding of Contracts 3. To be considered for an award, a tender shall be submitted in writing and shall, at the time of opening, comply with the essential requirements set out in the notices and tender documentation and be submitted by a supplier that satisfies the conditions for participation. 4. Unless a procuring entity determines that it is not in the public in-	Nghị định 63/2014/NĐ-CP Điều 14: 3. Chuẩn bị, nộp, tiếp nhận, quản lý, sửa đổi, rút hồ sơ dự thầu: a) Nhà thầu chịu trách nhiệm trong việc chuẩn bị và nộp hồ sơ dự thầu theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu; b) Bên mời thầu tiếp nhận và quản lý các hồ sơ dự thầu đã nộp theo chế độ quản lý hồ sơ mật cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu; trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong hồ sơ dự thầu của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ các thông tin được công khai khi mở thầu. Hồ sơ dự thầu được gửi đến bên mời thầu sau thời điểm đóng thầu sẽ không được mở, không hợp lệ và bị loại. Bất kỳ tài liệu nào được nhà thầu gửi đến sau thời điểm đóng thầu để sửa đổi, bổ sung hồ sơ dự thầu đã nộp đều không hợp lệ, trừ tài liệu nhà thầu gửi đến để làm rõ hồ sơ dự thầu theo yêu cầu của bên mời thầu hoặc tài liệu làm rõ, bổ sung nhằm chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu; c) Khi muốn sửa đổi hoặc rút hồ sơ	Đánh giá: 1. Về việc sửa lỗi thể thức Hiệp định quy định nếu cơ quan mua sắm cho phép một nhà thầu sửa lỗi không cố ý về thể thức của hồ sơ dự thầu thì phải trao cơ hội đó cho các nhà thầu tham dự thầu còn lại. Pháp luật đấu thầu của Việt Nam không có quy định loại bỏ hồ sơ dự thầu nếu chỉ sai về thể thức và các nhà thầu đều được có cơ hội để làm rõ hồ sơ dự thầu. Tuy nhiên cần phải làm rõ nội hàm của thuật ngữ “thể thức của Hồ sơ dự thầu” để hiểu cho rõ bản chất của quy định này. 2. Về trao hợp đồng Pháp luật VN về cơ bản đáp ứng cam kết trong Hiệp định. Tuy nhiên cần làm rõ nội hàm của thuật ngữ “tại thời điểm mở thầu” – cụ thể cần nêu rõ nhà thầu được xem xét trúng thầu, tại thời điểm mở thầu, Hồ sơ dự thầu phải đáp ứng các yêu cầu quan trọng đã nêu trong Thông báo mời thầu, Hồ sơ mời thầu và đáp ứng điều kiện tham dự thầu như trong Hiệp định.

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
terest to award a contract, it shall award the contract to the supplier that the entity has determined to be capable of fulfilling the terms of the contract and that, based solely on the evaluation criteria specified in the notices and tender documentation, has submitted: (a) the most advantageous tender; or (b) where price is the sole criterion, the lowest price 5. where a procuring entity receives a tender with a price that is abnormally lower than the prices in other tenders submitted, it may verify with the supplier that it satisfies the conditions for participation and is capable of fulfilling the terms of the contract. 6. A procuring entity shall not use options, cancel a covered procurement or modify awarded contracts in a manner that circumvents the obligations under this Chapter.	dự thầu đã nộp, nhà thầu phải có văn bản đề nghị gửi đến bên mời thầu. Bên mời thầu chỉ chấp thuận việc sửa đổi hoặc rút hồ sơ dự thầu của nhà thầu nếu nhận được văn bản đề nghị trước thời điểm đóng thầu; d) Bên mời thầu phải tiếp nhận hồ sơ dự thầu của tất cả các nhà thầu nộp hồ sơ dự thầu trước thời điểm đóng thầu, kể cả trường hợp nhà thầu tham dự thầu chưa mua hoặc chưa nhận hồ sơ mời thầu trực tiếp từ bên mời thầu. Trường hợp chưa mua hồ sơ mời thầu thì nhà thầu phải trả cho bên mời thầu một khoản tiền bằng giá bán hồ sơ mời thầu trước khi hồ sơ dự thầu được tiếp nhận. 4. Mở thầu: a) Việc mở thầu phải được tiến hành công khai và bắt đầu ngay trong vòng 01 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu. Chỉ tiến hành mở các hồ sơ dự thầu mà bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu trước sự chứng kiến của đại diện các nhà thầu tham dự lễ mở thầu, không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của các nhà thầu; b) Việc mở thầu được thực hiện đối với từng hồ sơ dự thầu theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu và theo trình tự sau đây: - Yêu cầu đại diện từng nhà thầu	3. Điều kiện xét duyệt trúng thầu đối với nhà thầu: Về cơ bản pháp luật trong nước đã phù hợp với nội dung của Hiệp định (Hồ sơ dự thầu có ưu thế nhất hoặc có giá dự thầu thấp nhất trong trường hợp giá là tiêu chuẩn đánh giá duy nhất). 4. Về trường hợp giá bất thường PLVN có quy định tương đồng với EVFTA (về đơn giá do nhà thầu chào thấp bất thường hoặc thấp dưới 50% giá gói thầu), tuy nhiên chưa có quy định cụ thể trong trường hợp so sánh giá giữa các nhà thầu trong trường hợp có nhà thầu chào giá thấp bất thường. Ngoài ra, EVFTA quy định điều kiện để kiểm tra lại trong trường hợp này chỉ bao gồm “giá thấp bất thường” trong khi PLVN có thêm điều kiện nữa là “ảnh hưởng tới chất lượng gói thầu”. 5. Khoản 6 của Điều này là cảnh báo đối với cơ quan mua sắm để tránh áp dụng sai hoặc không thực hiện theo quy định của Hiệp định (mà không có quy định bắt buộc về các trường hợp được hủy thầu, điều chỉnh hợp đồng). PLVN đã có quy định về các trường hợp được hủy thầu, điều chỉnh hợp đồng nhưng nội dung về tùy chọn mua thêm chưa được quy định cụ thể.

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	tham dự mở thầu xác nhận việc có hoặc không có thư giảm giá kèm theo hồ sơ dự thầu của mình; - Kiểm tra niêm phong; - Mở hồ sơ và đọc rõ các thông tin về: Tên nhà thầu; số lượng bản gốc, bản chụp hồ sơ; giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu; giá trị giảm giá (nếu có); thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu; thời gian thực hiện hợp đồng; giá trị, hiệu lực của bảo đảm dự thầu; các thông tin khác liên quan; c) Biên bản mở thầu: Các thông tin nêu tại Điểm b Khoản này phải được ghi vào biên bản mở thầu. Biên bản mở thầu phải được ký xác nhận bởi đại diện của bên mời thầu và các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Biên bản này phải được gửi cho các nhà thầu tham dự thầu; d) Đại diện của bên mời thầu phải ký xác nhận vào bản gốc đơn dự thầu, thư giảm giá (nếu có), giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu (nếu có); thỏa thuận liên danh (nếu có); bảo đảm dự thầu; các nội dung đề xuất về tài chính và các nội dung quan trọng khác của từng hồ sơ dự thầu. Điều 117: 6. Trường hợp hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất có đơn giá thấp khác thường, ảnh hưởng đến chất lượng gói thầu thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu giải thích, làm rõ bằng văn	Đề xuất: Đưa vào Văn bản riêng thực thi EVFTA về mua sắm công những quy định của EVFTA còn khác biệt hoặc cần làm rõ trong PLVN, trong đó chú ý có hướng dẫn rõ các trường hợp được hủy thầu, sửa đổi hợp đồng và hướng dẫn cụ thể về việc áp dụng tùy chọn mua thêm. Cân nhắc sửa pháp luật đấu thầu (áp dụng chung) liên quan tới trường hợp giá thầu thấp bất thường theo hướng bỏ điều kiện “ảnh hưởng tới chất lượng gói thầu” bởi điều kiện này mang tính định tính, có thể gây ra bất cập trong thực tiễn.

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	bản về tính khả thi của đơn giá khác thường đó. Nếu sự giải thích của nhà thầu không đủ rõ, không có tính thuyết phục thì không chấp nhận đơn giá chào thầu đó, đồng thời coi đây là sai lệch và thực hiện hiệu chỉnh sai lệch theo quy định như đối với nội dung chào thiếu của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất so với yêu cầu của hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu theo quy định tại Điều 17 của Nghị định này. Luật đấu thầu: Điều 17. Các trường hợp hủy thầu 1. Tất cả hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất không đáp ứng được các yêu cầu của hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu. 2. Thay đổi mục tiêu, phạm vi đầu tư đã ghi trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu. 3. Hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu không tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu, nhà đầu tư được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu, dự án. 4. Có bằng chứng về việc đưa, nhận, môi giới hối lộ, thông thầu, gian lận, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư. Điều 42. Xét duyệt trúng thầu đối với đấu thầu cung cấp dịch vụ tư vấn	

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	1. Nhà thầu tư vấn là tổ chức được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: a) Có hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất hợp lệ; b) Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu; c) Có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất đối với phương pháp giá thấp nhất; có điểm kỹ thuật cao nhất đối với phương pháp giá cố định và phương pháp dựa trên kỹ thuật; có điểm tổng hợp cao nhất đối với phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá; d) Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu được phê duyệt. Trường hợp dự toán của gói thầu được phê duyệt thấp hơn hoặc cao hơn giá gói thầu được phê duyệt thì dự toán này sẽ thay thế giá gói thầu để làm cơ sở xét duyệt trúng thầu. 2. Nhà thầu tư vấn là cá nhân được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: a) Có hồ sơ lý lịch khoa học, đề xuất kỹ thuật (nếu có) tốt nhất và đáp ứng yêu cầu của điều khoản tham chiếu; b) Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu được phê duyệt. Trường hợp dự toán của gói thầu được phê duyệt thấp hơn hoặc cao hơn giá gói thầu được phê duyệt thì	

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	dự toán này sẽ thay thế giá gói thầu để làm cơ sở xét duyệt trúng thầu. 3. Đối với nhà thầu không được lựa chọn, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu phải nêu rõ lý do nhà thầu không trúng thầu. Điều 43. Xét duyệt trúng thầu đối với đấu thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp 1. Nhà thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: a) Có hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất hợp lệ; b) Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu; c) Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu; d) Có sai lệch thiếu không quá 10% giá dự thầu; đ) Có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất đối với phương pháp giá thấp nhất; có giá đánh giá thấp nhất đối với phương pháp giá đánh giá; có điểm tổng hợp cao nhất đối với phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá; e) Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu được phê duyệt. Trường hợp dự toán của gói thầu	

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	được phê duyệt thấp hơn hoặc cao hơn giá gói thầu được phê duyệt thì dự toán này sẽ thay thế giá gói thầu để làm cơ sở xét duyệt trúng thầu.	
Article XVI Post-Award Information <i>Information Provided to Suppliers</i> 1. A procuring entity shall promptly inform suppliers that have submitted a tender or application for participation of the entity's contract award decisions and, on the request of a supplier, shall do so in writing. 2. Subject to paragraphs 2 and 3 of Article XVII, a procuring entity shall, on request, provide an unsuccessful supplier with an explanation of the reasons why the entity did not select its tender and for suppliers meeting the conditions for participation whose tenders pass technical specifications, the relative advantages of the successful supplier's tender. <i>Publication of Award Information</i> 3. Not later than 30 days after the award of each contract covered by this Agreement, a procuring entity shall publish a notice in the appropriate paper or electronic medium listed in Appendix III. Where the entity publishes the notice only in an electronic medium, the information shall remain readily accessible for a reasonable period of time. The notice	Nghị định 63/2014/NĐ-CP: (Điều 20) 4. Trường hợp lựa chọn được nhà thầu trúng thầu, văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu phải bao gồm các nội dung sau đây: a) Tên nhà thầu trúng thầu; b) Giá trúng thầu; c) Loại hợp đồng; d) Thời gian thực hiện hợp đồng; đ) Các nội dung cần lưu ý (nếu có). 5. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu, trong văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc văn bản quyết định hủy thầu phải nêu rõ lý do hủy thầu và trách nhiệm của các bên liên quan khi hủy thầu. 6. Sau khi có quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, bên mời thầu phải đăng tải thông tin về kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 7 và Điểm c Khoản 1 hoặc Điểm b Khoản 2 Điều 8 của Nghị định này; gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu cho các nhà thầu tham dự thầu trong thời hạn quy định tại Điểm n Khoản 1 Điều 12 của Luật Đấu thầu. Nội	Đánh giá: Nguyên tắc công bố kết quả lựa chọn nhà thầu và lưu trữ tài liệu đấu thầu nêu trong Hiệp định cơ bản phù hợp với quy định của pháp luật đấu thầu trong nước trừ một số điểm sau: - Trong nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, PLVN không yêu cầu bắt buộc phải nêu địa chỉ của nhà thầu trúng thầu, ngày ký quyết định trúng thầu, hình thức lựa chọn nhà thầu, lý do áp dụng chỉ định thầu như yêu cầu trong Hiệp định. Tuy nhiên với riêng quy định về việc nêu lý do áp dụng chỉ định thầu, do VN có bảo lưu 10 năm đối với việc thực hiện nghĩa vụ này trong Phụ lục 9a nên PLVN hiện được xem là đã tương thích với Hiệp định về vấn đề này. - Theo Hiệp định, đối với nhà thầu không trúng thầu, nếu nhà thầu có yêu cầu thì ngoài việc giải thích lý do nhà thầu không trúng thầu (PLVN đã có quy định này), và giải thích ưu thế tương đối của hồ sơ dự thầu được lựa chọn (PLVN chưa đề cập tới điều này). - Về tập hợp và báo cáo số liệu thống kê: Đây là vấn đề trao đổi thông tin giữa hai Bên Hiệp định,

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
shall include at least the following information: (a) a description of the goods or services procured; (b) the name and address of the procuring entity; (c) the name and address of the successful supplier; (d) the value of the successful tender or the highest and lowest offers taken into account in the award of the contract; (e) the date of award; and (f) the type of procurement method used, and in cases where limited tendering was used in accordance with Article XIII, a brief description of the circumstances justifying the use of limited tendering. Annex 9a 6. Article XVI (Post Award Information): Notwithstanding the requirement in Article XVI.3 that the post-award notice includes a brief description of the circumstances justifying the use of a limited tendering procedure, Vietnam may allow its procuring entities to omit such 2 information from post-award notices no longer than ten years from the entry into force of this Agreement. <i>Maintenance of records</i>	dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu bao gồm: a) Thông tin quy định tại các Điểm a, b, c và d Khoản 4 Điều này; b) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu; c) Kế hoạch hoàn thiện, ký kết hợp đồng với nhà thầu được lựa chọn. Thông tư liên tịch 07/2015/TTLT-BKHĐT-BTC có quy định về mẫu đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu. Thông tư 03/2015/TT-BKHĐT (Mục 37 Chương I) 37.3. Sau khi thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Mục 37.1 của Phần Chi dẫn nhà thầu nếu nhà thầu không được lựa chọn có văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong thời gian tối đa 5 ngày làm việc nhưng phải trước ngày ký hợp đồng, Bên mời thầu phải có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu. Mục 38. Đồng thời với văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, Bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng, bao gồm cả yêu cầu về biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, thời gian hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo Mẫu số 23 Chương VIII – Biểu mẫu hợp đồng cho nhà thầu trúng thầu với điều kiện nhà thầu đã được xác minh là đủ năng	không phải vấn đề thuộc pháp luật nội địa về nội dung Đề xuất: - Đưa quy định về tập hợp và thông tin số liệu thống kê theo quy định của Hiệp định vào Văn bản thực thi EVFTA về Mua sắm công - Về các nội dung khác hiện còn khác biệt giữa PLVN và EVFTA (như nêu trong phần Đánh giá): do đây đều là các nội dung có ý nghĩa trong tăng cường minh bạch, lại khả thi để có thể áp dụng rộng rãi, đề nghị cân nhắc điều chỉnh PL đấu thầu (áp dụng chung) để bổ sung các quy định này của Hiệp định.

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
4. Each procuring entity shall maintain: (a) the documentation, records and reports relating to tendering procedures and contract awards for covered procurement, including the records and reports required under Article XIII for a period of at least three years from the date it awards a contract; and (b) data that ensure the appropriate traceability of the conduct of covered procurement by electronic means. Collection and Reporting of Statistics 5. The Parties shall endeavour to communicate the available and comparable statistical data relevant to the procurement covered by this Chapter.	lực để thực hiện tốt hợp đồng. Thông báo chấp thuận hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không đến hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng thì nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm d Mục 18.5 của Phần chỉ dẫn nhà thầu Điều 10. Lưu trữ hồ sơ trong quá trình lựa chọn nhà thầu 1. Toàn bộ hồ sơ liên quan đến quá trình lựa chọn nhà thầu được lưu giữ đến tối thiểu là 03 năm sau khi quyết toán hợp đồng, trừ hồ sơ quy định tại các Khoản 2, 3 và 4 Điều này. 2. Hồ sơ đề xuất về tài chính của các nhà thầu không vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu theo thời hạn sau đây: a) Đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn: Trong vòng 10 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng với nhà thầu được lựa chọn; b) Đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ: Cùng thời gian với việc hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu của nhà thầu không được lựa chọn.	

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	Trường hợp trong thời hạn quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản này, nhà thầu không nhận lại hồ sơ đề xuất về tài chính của mình thì bên mời thầu xem xét, quyết định việc hủy hồ sơ đề xuất về tài chính nhưng phải bảo đảm thông tin trong hồ sơ đề xuất về tài chính của nhà thầu không bị tiết lộ. 3. Trường hợp hủy thầu, hồ sơ liên quan được lưu giữ trong khoảng thời gian 12 tháng, kể từ khi ban hành quyết định hủy thầu. 4. Hồ sơ quyết toán, hồ sơ hoàn công và các tài liệu liên quan đến nhà thầu trúng thầu của gói thầu được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.	
Article XVII Disclosure of Information <i>Provision of Information to Parties</i> 1. On request of the other Party, a Party shall provide promptly any information necessary to determine whether a procurement was conducted fairly, impartially and in accordance with this Chapter, including, where applicable, information on the characteristics and relative advantages of the successful tender. The Party that receives the information shall not disclose it to any supplier, except after consulting with, and obtaining the agreement of, the Party that provided the information.	Không có quy định	Đánh giá: Đây không phải vấn đề của pháp luật nội địa chung Tuy nhiên việc quy định trực tiếp để áp dụng cho trường hợp thông tin giữa hai Bên Hiệp định về các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh có thể hữu ích (thuận lợi cho việc áp dụng). Đề xuất: Đưa vào quy định này của Hiệp định vào Văn bản thực thi EVFTA về Mua sắm công

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
<i>Non-Disclosure of Information</i> 2. Notwithstanding any other provision of this Chapter, a Party, including its procuring entities, shall not provide to any particular supplier information that would prejudice legitimate commercial interests of another particular supplier or that might prejudice fair competition between suppliers. 3. Nothing in this Chapter shall be construed to require a Party, including its procuring entities, authorities and review bodies, to disclose confidential information where disclosure: (a) would impede law enforcement; (b) might prejudice fair competition between suppliers; (c) would prejudice the legitimate commercial interests of particular persons, including the protection of intellectual property; or (d) would otherwise be contrary to the public interest.		
Article XVIII Domestic Review 1. Each Party shall maintain, establish or designate at least one impartial administrative or judicial authority that is independent of its procuring entities to review, in a non-discriminatory, timely, transparent and effective manner, a challenge by a supplier of: (a) a breach of this Chapter; or	PL khiếu nại hành chính PL tố tụng hành chính, Luật đấu thầu Điều 91. Giải quyết khiếu nại trong đấu thầu 1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị ảnh hưởng, nhà thầu có quyền:	Đánh giá: 1. Về cơ chế cho việc khiếu nại, giải quyết kiến nghị với cáo buộc vi phạm Hiệp định Hiện PLVN không có quy định cho phép khiếu nại khiếu kiện trực tiếp đối với các cáo buộc vi phạm các điều khoản của các Cam kết quốc tế mà chỉ có quy định đối với trường hợp cáo buộc vi phạm PL nội địa. Tuy

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
(b) where the supplier does not have a right to challenge directly a breach of this Chapter under the domestic law of a Party, a failure of a procuring entity to comply with a Party's measures implementing this Chapter, arising in the context of a covered procurement, in which the supplier has, or has had, an interest. The procedural rules for all challenges shall be in writing and made generally available. 2. In the event of a complaint by a supplier, arising in the context of covered procurement in which the supplier has, or has had, an interest, that there has been a breach or a failure as referred to in paragraph 1, the Party of the procuring entity conducting the procurement shall encourage, where appropriate, the entity and the supplier to seek resolution of the complaint through consultations. The entity shall accord impartial and timely consideration to any such complaint in a manner that is not prejudicial to the supplier's participation in ongoing or future procurement or its right to seek corrective measures under the administrative or judicial review procedure. Each Party or its procuring entities shall make information on such complaint mechanisms generally available. 3. Each supplier shall be allowed a sufficient period of time to prepare and submit a challenge, which in no	a) Kiến nghị với bên mời thầu, chủ đầu tư, người có thẩm quyền về các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư; về kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư theo quy trình giải quyết kiến nghị quy định tại Điều 92 của Luật này; b) Khởi kiện ra Tòa án vào bất kỳ thời gian nào, kể cả đang trong quá trình giải quyết kiến nghị hoặc sau khi đã có kết quả giải quyết kiến nghị. 2. Nhà thầu đã khởi kiện ra Tòa án thì không gửi kiến nghị đến bên mời thầu, chủ đầu tư, người có thẩm quyền. Trường hợp đang trong quá trình giải quyết kiến nghị mà nhà thầu, nhà đầu tư khởi kiện ra Tòa án thì việc giải quyết kiến nghị được chấm dứt ngay. Điều 92. Quy trình giải quyết kiến nghị 1. Quy trình giải quyết kiến nghị về các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu như sau: a) Nhà thầu được gửi văn bản kiến nghị đến chủ đầu tư đối với dự án; bên mời thầu đối với mua sắm thường xuyên, mua sắm tập trung từ khi xảy ra sự việc đến trước khi có thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu; b) Chủ đầu tư, bên mời thầu phải có văn bản giải quyết kiến nghị gửi đến nhà thầu trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của nhà thầu;	nhân do các cam kết quốc tế đều phải được nội luật hóa vào PL nội địa nên yêu cầu của Hiệp định tại khoản 1 đã thỏa mãn. Cụ thể, PL đấu thầu VN đã quy định cơ chế giải quyết kiến nghị đấu thầu bởi Hội đồng tư vấn, và cơ chế tố tụng tại Tòa theo thủ tục dân sự, với các quy định đảm bảo tính khách quan, độc lập với cơ quan mua sắm như yêu cầu trong Hiệp định. 2. Về thủ tục tham vấn, giải quyết khiếu nại bồi/với cơ quan mua sắm PL đấu thầu đã quy định về cơ chế xử lý các kiến nghị/khiếu nại trực tiếp tại cơ quan mua sắm, khi có kiến nghị trong quá trình đấu thầu đảm bảo các yêu cầu minh bạch, kịp thời, khách quan như yêu cầu của Hiệp định. Tuy nhiên thủ tục này chưa bao gồm hình thức tham vấn như nêu trong Khoản 2 của Hiệp định. Mặc dù vậy, Hiệp định nêu nghĩa vụ này chỉ phải thực hiện “nếu thích hợp” – tức là không bắt buộc). Do đó PLVN được xem là đã thỏa mãn Hiệp định. Chú ý: theo PL đấu thầu Việt Nam thì các tranh chấp liên quan tới đấu thầu được xem là tranh chấp dân sự (nói cách khác trong quan hệ đấu thầu, cơ quan mua sắm được xem là một chủ thể dân sự, không phải cơ quan hành chính/cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước). Vì vậy các quy định của pháp luật khiếu nại hành chính,

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
case shall be less than 10 days from the time when the basis of the challenge became known or reasonably should have become known to the supplier. 4. Where a body other than an authority referred to in paragraph 1 initially reviews a challenge, the Party shall ensure that the supplier may appeal the initial decision to an impartial administrative or judicial authority that is independent of the procuring entity whose procurement is the subject of the challenge. 5. Each Party shall ensure that a review body that is not a court shall have its decision subject to judicial review or have procedures that provide that: (a) the procuring entity shall respond in writing to the challenge and disclose all relevant documents to the review body; (b) the participants to the proceedings (hereinafter referred to as "participants") shall have the right to be heard prior to a decision of the review body being made on the challenge; (c) the participants shall have the right to be represented and accompanied; (d) the participants shall have access to all proceedings; and (e) the review body shall make its	c) Trường hợp chủ đầu tư, bên mời thầu không có văn bản giải quyết kiến nghị hoặc nhà thầu không đồng ý với kết quả giải quyết kiến nghị thì nhà thầu có quyền gửi văn bản kiến nghị đến người có thẩm quyền trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hết hạn trả lời hoặc ngày nhận được văn bản giải quyết kiến nghị của chủ đầu tư, bên mời thầu; d) Người có thẩm quyền phải có văn bản giải quyết kiến nghị gửi đến nhà thầu trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của nhà thầu. 2. Quy trình giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu như sau: a) Nhà thầu gửi văn bản kiến nghị đến chủ đầu tư đối với dự án; bên mời thầu đối với mua sắm thường xuyên, mua sắm tập trung trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu; b) Chủ đầu tư, bên mời thầu phải có văn bản giải quyết kiến nghị gửi nhà thầu trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của nhà thầu; c) Trường hợp chủ đầu tư, bên mời thầu không có văn bản trả lời hoặc nhà thầu không đồng ý với kết quả giải quyết kiến nghị thì nhà thầu có quyền gửi văn bản kiến nghị đồng thời đến người có thẩm quyền và Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể	tổ tụng hành chính sẽ không áp dụng cho việc khiếu nại, khiếu kiện liên quan tới các gói thầu mua sắm. 3. Về việc đảm bảo khách quan trong giải quyết PL đấu thầu quy định thời hạn đối với kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu là 10 ngày, vì vậy đã thỏa mãn Hiệp định; PL đấu thầu không quy định thời hạn kiến nghị đối với các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu nhưng giới hạn là trước khi có thông báo kết quả chọn nhà thầu. 4. Về khả năng khiếu kiện tiếp/phúc thẩm vụ việc PL về đấu thầu đã có quy định về việc phúc thẩm quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu bởi Hội đồng tư vấn hoặc khiếu kiện ra Tòa. Vì vậy đã đáp ứng yêu cầu của Hiệp định tại khoản 4. Trường hợp các bên liên quan khiếu kiện ra Tòa án quyết định phúc thẩm giải quyết khiếu nại của cơ quan có thẩm quyền, pháp luật tổ tụng dân sự Việt Nam đã đảm bảo các quy định tại khoản 5 của Hiệp định. 5. Về các biện pháp nhằm bảo vệ lợi ích hợp pháp của nhà thầu Về các biện pháp tạm thời PLVN về đấu thầu đã có quy định về khả năng tạm dừng quy trình thầu trong quá trình xem xét kiến nghị

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
decisions on a supplier's challenge in a timely fashion, in writing, and shall include an explanation of the basis for each decision . 7.Each Party shall adopt or maintain procedures that provide for: (a) rapid interim measures, pending the resolution of a challenge, to preserve the supplier's opportunity to participate in the procurement. Such interim measures may result in suspension of the procurement process. The procedures may provide that overriding adverse consequences for the interests concerned, including the public interest, may be taken into account when deciding whether such measures should be applied. Just cause for not acting shall be provided in writing; and (b) where a review body has determined that there has been a breach or a failure as referred to in paragraph 1, corrective action or compensation for the loss or damages suffered. The compensation may be limited to either the costs reasonably incurred in the preparation of the tender or in bringing the challenge, or both.	từ ngày hết hạn trả lời hoặc ngày nhận được văn bản giải quyết kiến nghị của chủ đầu tư, bên mời thầu. Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị cấp trung ương do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư thành lập; cấp bộ, cơ quan ngang bộ do Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ thành lập; cấp địa phương do người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động đầu thầu ở địa phương thành lập; d) Khi nhận được văn bản kiến nghị, Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị có quyền yêu cầu nhà thầu, chủ đầu tư, bên mời thầu và các cơ quan liên quan cung cấp thông tin để xem xét và có văn bản báo cáo người có thẩm quyền về phương án, nội dung trả lời kiến nghị trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của nhà thầu; đ) Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị căn cứ văn bản kiến nghị của nhà thầu để nghị người có thẩm quyền xem xét tạm dừng cuộc thầu. Nếu chấp thuận, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị, người có thẩm quyền có văn bản thông báo tạm dừng cuộc thầu. Văn bản tạm dừng cuộc thầu phải được gửi đến chủ đầu tư, bên mời thầu, nhà thầu trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra văn bản thông báo tạm dừng cuộc thầu. Thời gian tạm dừng cuộc thầu được tính	(bởi người có thẩm quyền trên cơ sở đề xuất của Hội đồng tư vấn) trong trường hợp cần thiết phù hợp với yêu cầu tại điểm a khoản 7 Hiệp định. Tuy nhiên, trong khi Hiệp định cho phép được tính đến các yếu tố khác như lợi ích của các bên liên quan, lợi ích công cộng khi quyết định như vậy thì PLVN chỉ quy định rất chung, trao toàn bộ quyền cho người có thẩm quyền (trên cơ sở đề xuất của Hội đồng tư vấn) khi quyết định tạm dừng quy trình thầu (chỉ cần xét thấy “cần thiết”). Đây là quyền của VN theo Hiệp định (không bắt buộc áp dụng) và do đó PLVN được coi là đã tương thích. Tuy vậy, quy định này rất có ý nghĩa trong bảo vệ lợi ích công cộng liên quan tới các quá trình đầu thầu và vì vậy VN nên cân nhắc bổ sung vào pháp luật đầu thầu và áp dụng khi cần thiết. Về các biện pháp xử lý kiến nghị, khiếu nại Về mức đền bù cho nhà thầu khi quyết định xử lý khiếu nại kết luận khiếu nại của nhà thầu là đúng, PLVN quy định “các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm liên đới chi trả cho nhà thầu có kiến nghị số tiền bằng số tiền mà nhà thầu có kiến nghị đã nộp cho Hội đồng tư vấn.” Quy định này chưa hoàn toàn phù hợp với nội dung tại Khoản 7 Hiệp định (mức bồi thường xác định theo chi phí hợp lý liên quan tới việc chuẩn bị thầu hoặc chi phí khiếu nại hoặc cả hai).

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	từ ngày chủ đầu tư, bên mời thầu nhận được thông báo tạm dừng đến khi người có thẩm quyền ban hành văn bản giải quyết kiến nghị; e) Người có thẩm quyền ban hành quyết định giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị. 5. Trường hợp nhà thầu gửi văn bản kiến nghị trực tiếp đến người có thẩm quyền mà không tuân thủ theo quy trình giải quyết kiến nghị quy định tại Điều này thì văn bản kiến nghị không được xem xét, giải quyết. Nghị định 63/2014/NĐ-CP: Điều 119. Hội đồng tư vấn 1. Chủ tịch Hội đồng tư vấn: a) Chủ tịch Hội đồng tư vấn cấp Trung ương là đại diện có thẩm quyền của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Hội đồng tư vấn cấp Trung ương có trách nhiệm tư vấn về việc giải quyết kiến nghị trong trường hợp Thủ tướng Chính phủ yêu cầu; b) Chủ tịch Hội đồng tư vấn cấp Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương (sau đây gọi là Hội đồng tư vấn cấp Bộ) là đại diện có thẩm quyền của đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý về hoạt động đấu thầu thuộc các cơ quan này. Hội đồng tư	Đề xuất: - Không đề xuất sửa đổi, bổ sung gì về pháp luật chung - Đề xuất đưa vào Văn bản riêng thực thi EVFTA về đấu thầu quy tắc nêu tại khoản 7 Điều này

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	vấn cấp Bộ có trách nhiệm tư vấn về việc giải quyết kiến nghị đối với tất cả các gói thầu thuộc dự án do Bộ trưởng; Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương quyết định đầu tư hoặc quản lý theo ngành, trừ gói thầu quy định tại Điểm a Khoản này; c) Chủ tịch Hội đồng tư vấn cấp tỉnh là đại diện có thẩm quyền của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Hội đồng tư vấn cấp tỉnh có trách nhiệm tư vấn về việc giải quyết kiến nghị đối với tất cả các gói thầu thuộc dự án trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, bao gồm các gói thầu của doanh nghiệp đăng ký thành lập, hoạt động trên địa bàn, trừ gói thầu quy định tại Điểm a Khoản này. 2.. Thành viên Hội đồng tư vấn: Thành viên Hội đồng tư vấn gồm đại diện của người có thẩm quyền, đại diện của hiệp hội nghề nghiệp liên quan. Tùy theo tính chất của từng gói thầu và trong trường hợp cần thiết, ngoài thành viên nêu trên, Chủ tịch Hội đồng tư vấn có thể mời thêm các cá nhân tham gia với tư cách là thành viên của Hội đồng tư vấn. Thành viên Hội đồng tư vấn không được là thân nhân (cha mẹ đẻ, cha mẹ vợ hoặc cha mẹ chồng, vợ hoặc chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh chị em ruột) của người ký đơn kiến nghị, của các cá nhân trực tiếp tham gia đánh giá hồ sơ dự	

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	thầu, hồ sơ đề xuất của các cá nhân trực tiếp thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu và của người ký phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. 3. Hoạt động của Hội đồng tư vấn: a) Chủ tịch Hội đồng tư vấn ra quyết định thành lập Hội đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn kiến nghị của nhà thầu. Hội đồng tư vấn hoạt động theo từng vụ việc; b) Hội đồng tư vấn làm việc theo nguyên tắc tập thể, biểu quyết theo đa số, có Báo cáo kết quả làm việc trình người có thẩm quyền xem xét, quyết định; từng thành viên được quyền bảo lưu ý kiến và chịu trách nhiệm trước pháp luật về ý kiến của mình. 4. Bộ phận thường trực giúp việc của Hội đồng tư vấn: a) Bộ phận thường trực giúp việc là đơn vị được giao quản lý về hoạt động đấu thầu nhưng không gồm các cá nhân tham gia trực tiếp thẩm định gói thầu mà nhà thầu có kiến nghị; b) Bộ phận thường trực giúp việc thực hiện các nhiệm vụ về hành chính do Chủ tịch Hội đồng tư vấn quy định; tiếp nhận và quản lý chi phí do nhà thầu có kiến nghị nộp. Điều 120. Giải quyết kiến nghị đối với lựa chọn nhà thầu 1. Thời gian giải quyết kiến nghị quy	

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 92 của Luật Đấu thầu được tính từ ngày bộ phận hành chính của người có trách nhiệm giải quyết kiến nghị nhận được đơn kiến nghị. 2. Người có trách nhiệm giải quyết kiến nghị thông báo bằng văn bản cho nhà thầu về việc không xem xét, giải quyết kiến nghị trong trường hợp kiến nghị của nhà thầu không đáp ứng điều kiện nêu tại Điều 118 của Nghị định này. 3. Nhà thầu được quyền rút đơn kiến nghị trong quá trình giải quyết kiến nghị nhưng phải bằng văn bản. 4. Trong văn bản trả lời về kết quả giải quyết kiến nghị cho nhà thầu phải có kết luận về nội dung kiến nghị; trường hợp kiến nghị của nhà thầu được kết luận là đúng phải nêu rõ biện pháp, cách thức và thời gian để khắc phục hậu quả (nếu có), đồng thời bộ phận thường trực giúp việc có trách nhiệm yêu cầu các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm liên đới chỉ trả cho nhà thầu có kiến nghị số tiền bằng số tiền mà nhà thầu có kiến nghị đã nộp cho Hội đồng tư vấn. Trường hợp kiến nghị của nhà thầu được kết luận là không đúng thì trong văn bản trả lời phải giải thích rõ lý do. Luật đấu thầu: Mục 2. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP TRONG ĐẤU THẦU TẠI TÒA ÁN Điều 93. Nguyên tắc giải quyết	

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	Việc giải quyết tranh chấp trong đấu thầu tại Tòa án được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Điều 94. Quyền yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời Khi khởi kiện, các bên có quyền yêu cầu Tòa án tạm dừng ngay việc đóng thầu; phê duyệt danh sách ngắn; phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư; ký kết hợp đồng; thực hiện hợp đồng và các biện pháp khẩn cấp tạm thời khác theo quy định của pháp luật.	
Article XIX Modifications and Rectifications to Coverage 1. A Party shall notify the other party in writing of any proposed modification or rectification to its coverage referred to generally in this Article as "modification". 2. For any proposed withdrawal of an entity from its coverage in exercise of its rights on the grounds that government control or influence over it has been effectively eliminated, the Party proposing the modification ("modifying Party") shall include in the notification evidence that such government control or influence has been effectively eliminated. 2a. Government control or influence over an entity is deemed to be effec-	Pháp luật Việt Nam không có quy định này	Đánh giá: Đây không phải vấn đề thuộc phạm vi của pháp luật nội địa về nội dung Đề xuất: Không đề xuất điều chỉnh, bổ sung gì về pháp luật Tuy nhiên, cần lưu ý rằng đối với các sửa đổi liên quan tới phạm vi điều chỉnh của Chương này, sau khi việc sửa đổi được thực hiện và có hiệu lực, VN cần tiến hành sửa đổi tương ứng đối với Văn bản thực thi EVFTA về Mua sắm công.

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
tively eliminated when the notifying Party, including for the EU its central government entities and its subcentral entities, and for Vietnam its central government and subcentral government: (i) does not own directly or indirectly more than 50% of the entity's subscribed capital or the votes attached to the shares issued by the entity; and (ii) cannot appoint directly or indirectly more than half of the members of the entity's board of directors or an equivalent body. 3. For any other proposed modification, the modifying Party shall include in the notification information as to the likely consequences of the change for the mutually agreed coverage provided in the Agreement. Where the modifying Party proposes to make rectifications of a purely formal nature and minor modifications to its coverage not affecting covered procurement, modifications of this kind shall be notified at least every two years. Proposed modifications of coverage are deemed to constitute rectifications of a purely formal nature and minor modifications to its coverage for following cases: (i) changes in the name of an entity; (ii) merger of one or more entities listed in its Annexes;		

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
(iii) the separation of an entity listed in its Annexes into two or more entities that are all added to the entities listed in the same Section of the Annex; 4. The modifying Party may include in its notice an offer of compensatory adjustments for the change to its coverage, where necessary to maintain a level of coverage comparable to that existing prior to the modification. The modifying Party needs not provide compensatory adjustments to the other Party when a proposed modification concerns: (a) a procuring entity over which a Party has effectively eliminated its control or influence in respect of covered procurement by that entity; or (b) rectifications of a purely formal nature and minor modifications to its Annexes Notwithstanding the provisions of (a) under this paragraph, should the withdrawal by a notifying Party of a significant number of procuring entities from its coverage on the ground that these entities are no longer under government control or influence in accordance with the criteria set out in Paragraph (2a) of this Article result in a significant imbalance of coverages agreed between the Parties, the notifying Party shall accept to enter into consultation with the other Party to discuss the modalities for redressing such imbalance without prejudice		

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
5. The other Party shall notify the modifying Party of any objection to the proposed modification within 45 days of the notification, if any. 6. In case of objection by the other Party (“objecting Party”) to the notification by the modifying Party, the Parties shall seek to resolve the objection through bilateral consultations. During the consultations, the objecting Party may request further information with a view to clarifying the proposed modification, including the nature of any government control or influence. 7. Where a solution to the objection has not been found through the bilateral consultations under paragraph 6, the Parties may use the dispute settlement mechanism under the Chapter XXX of the Agreement. 8. A proposed modification shall become effective only where: (a) The other Party has not submitted to the modifying party a written objection to the proposed modification within 45 days from the date of the notification of the proposed modifications or , (b) The Parties have reached an agreement after due consultations under paragraph 6.		

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
Article XXII Cooperation 1. The Parties recognize their shared interest in cooperating in the promotion of international liberalization of government procurement markets with a view to achieving enhanced understanding of their respective government procurement systems and to improving access to their respective markets. 2 Without prejudice to Article 6.3, the Parties shall endeavour to cooperate in matters such as: (a) exchanging experiences and information, such as regulatory frameworks and best practices; (b) developing and expanding the use of electronic means in government procurement systems; (c) building capability of government officials in best government procurement practices; (d) institutional strengthening for the fulfilment of the provisions of this Chapter; and	Pháp luật Việt Nam không có quy định này	Đánh giá: Đây không phải vấn đề thuộc phạm vi của pháp luật nội địa về nội dung Đề xuất: Không đề xuất điều chỉnh, bổ sung gì về pháp luật
Article XX Specialised Committee on Services, Investment and Government Procurement 1. In accordance with article XX in the institutional chapter, the Specialised	Pháp luật Việt Nam không có quy định này	Đánh giá: Đây không phải vấn đề thuộc phạm vi của pháp luật nội địa về nội dung

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
Committee on Services, Investment and Government Procurement may: (a) discuss on the exchange of statistical data conducted in accordance with article XV, paragraph 4; (b) review pending notifications of modifications to coverage and endorse updates to the list of entities in Annex I to Annex III of each Party's Appendix I; (c) endorse the compensatory adjustments resulting from modifications affecting coverage; (d) consider issues regarding government procurement, that are referred to it by a Party; and (e) discuss any other matters related to the operation of this Chapter		Đề xuất: Không đề xuất điều chỉnh, bổ sung gì về pháp luật
Article XXIII Future negotiations <i>Electronic procurement</i> 1. Parties agree to review the provisions of Article XIV once Vietnam's electronic procurement system has been fully developed to take into account possible technological changes and in particular to consider other aspects such as the mathematic formula used for automatic evaluation method and the possible communication of the results of any initial evaluation to the participants in the auction.		

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
2. Parties agree to conduct further negotiations on the duration of the period for the storage of data relating to procurement by electronic means once Vietnam's electronic procurement system is operational. <i>Market access</i> 3. Parties agree to conduct further negotiations on the coverage of additional subcentral entities no longer than 15 years after the entry into force of this Agreement.		
Annex 9a 7. Notwithstanding Chapter.X (Dispute Settlement), Vietnam shall not be subject to dispute settlement with respect to its obligations under Chapter.X (Government Procurement) for five years from the date of entry into force of this Agreement. During this transitional period, upon the EU's request, both Parties shall enter into consultations on issues concerning Vietnam's implementation of its obligations.	Pháp luật VN không có quy định về vấn đề này	Đánh giá: Đây không phải vấn đề thuộc phạm vi của pháp luật nội địa về nội dung Đề xuất: Không đề xuất điều chỉnh, bổ sung gì về pháp luật
Annex 9c VIETNAM'S FINAL MARKET ACCESS OFFER ON GOVERNMENT PROCUREMENT	Pháp luật VN không có quy định về vấn đề này	Đánh giá: Pháp luật Việt Nam hiện không có quy định nào về việc mở cửa các gói thầu công dành riêng cho các đối tác EU mà không cho các nhà thầu nước ngoài khác.

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
		Đề xuất: Chuyển toàn bộ quy định tại Phụ lục 9c Hiệp định vào Văn bản riêng thực thi EVFTA về mua sắm công (Điều khoản về phạm vi áp dụng của Văn bản).

BÁO CÁO

RÀ SOÁT PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỚI CÁC CAM KẾT CỦA HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO VIỆT NAM – EU VỀ MUA SẮM CÔNG

Chịu trách nhiệm xuất bản
Phó Giám đốc Phụ trách - Tổng Biên tập
NGUYỄN MINH HUỆ

Biên tập
Phùng Thị Lan Phương
Tôn Nữ Thanh Bình
Nguyễn Thị Thanh Hải

Chế bản
Công ty TNHH Giải pháp DEMAC

Trình bày
Anchorgraphics.vn@gmail.com

NHÀ XUẤT BẢN CÔNG THƯƠNG

Trụ sở: Số 655 Phạm Văn Đồng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại: (04) 3 934 1562. **Fax:** (04) 3 938 7164
Websites: <http://nhaxuatbancongtuong.com>
Email: nxbct@moit.gov.vn

In 500 cuốn, khổ 19 x 26 cm tại Công ty TNHH Giải pháp DEMAC
Số xác nhận đăng ký xuất bản: 276-2016/CXBIPH/01-05/CT
Số Quyết định xuất bản: 08/QĐ-NXBCT ngày 27/01/2016
Mã số ISBN: 978-604-931-151-2
In xong và nộp lưu chiểu Quy I năm 2016

TRUNG TÂM WTO VÀ HỘI NHẬP PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Trung tâm WTO và Hội nhập là đơn vị trực thuộc Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), được thành lập nhằm hỗ trợ về pháp lý cho các doanh nghiệp Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Trung tâm là đầu mối vận động chính sách, cung cấp thông tin, tư vấn, hỗ trợ các hiệp hội và doanh nghiệp Việt Nam nhằm tận dụng tối đa các cơ hội và lợi ích, phòng tránh và tự bảo vệ mình trước những tác động tiêu cực có thể có từ WTO, các Hiệp định Thương mại Tự do (FTA) và các Hiệp định thương mại quốc tế khác.

Địa chỉ: Số 9 Đào Duy Anh – Hà Nội

Điện thoại: +84-4-35771458, Fax: +84-4-35771459

Email: banthuky@trungtamwto.vn, Website: www.trungtamwto.vn

